N° 38 Août 1920

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

TUỒNG LÔI-XÍCH

TUỒNG PHÁP DỊCH RA QUỐC-NGỮ

Le Cid de PIERRE CORNEILLE traduit en annamite

A mesure qu'on pénètre davantage dans l'intimité d'une langue étrangère, on devient plus incapable de traduire des poèmes, ou même des ouvrages en prose écrits en cette langue. On s'aperçoit alors qu'aucune autre langue ne peut rendre ce qu'il y a en celle-ci de spécifique, ce qui en fait à la fois l'essence et la beauté. Les langues sont comme des cercles qui peuvent se juxtaposer, mais qui n'ont ni le même centre, ni des rayons égaux.

ERWIN ROHDE

Học một tiếng nước ngoài, càng học sâu thì càng thấy không thể nào dịch cho đúng được những lời thơ lời văn bằng tiếng nước ấy. Bấy giờ mới biết phàm tiếng nói có cái phần đặc-biệt, cái phần tinh-hoa là không tài nào chuyển-dịch sang tiếng khác được. Tiếng nói cũng tức như những cái vòng tròn, đem chồng lên nhau thì được, nhưng không có cái vòng nào là bằng vòng nào, không có cái nào là cùng một trung-tâm, cùng một khẩu-kính như nhau vậy.

* * *

Tuồng « Lôi-Xích » (*Le Cid*) là một bản kịch hay nhất và có tiếng nhất trong văn-chương nước Pháp. Tác-giả là ông PIERRE CORNEILLE là một nhà làm thơ và soạn kịch có tài về thế kỷ thứ 17 (1606-1684), đời sau thường gọi là ông tổ nghề bi-kịch, cũng như ông MOLIÈRE là tổ nghề hí-kịch vậy.

Tuồng này tức là lối « bi-kịch » (*tragédie*) viết bằng thơ. Truyện là một truyện hiếu tình xung-đột nhau, mà hiếu thắng tình, làm cho hai người chủ-động bị xa cách, rồi sau lại được tái-hợp, cũng phảng-phất như các lối truyện Đông-phương ta, nhưng cách kết-cấu khéo hơn nhiều. Đại-khái các tuồng và truyện của ta không phải là tích không hay, chỉ vì đặt-để vụng nên cái hay mất đi cả, hoặc không biểu-lộ ra được hết. Thường ta đặt tuồng đặt truyện hay theo lối làm sử, việc gì cũng kể hết đầu đuôi, từ lúc khởi-thủy cho đến lúc kết-cục, như nói về một người thời tả từ lúc người

ấy còn nhỏ cho đến lúc người ấy đã già, thành ra cái phần cốt-yếu, cái then-chốt trong bài tuồng, trong vở truyện, bị ngập cả vào các phần khác hoặc rườm-rà, hoặc vô-vị, mà không xuất-lộ ra được hết. Bởi thế nên tuồng ta có lắm tích rất hay, đáng làm một bài bi kịch tuyệt-tạc mà coi diễn thật là lạt-lẽo như không có ý nghĩa gì. Tuồng tây thời không thế : định tả một việc gì thời lấy việc ấy làm chủ, các việc khác là phụ-thuộc ; như tả về một người thời chỉ tả cái đoạn trong đời người ấy có xảy một việc gì phi-thường đáng đem ra diễn thành kịch mà thôi, không có tả cả lịch-sử người ấy và tổ tiên người ấy làm gì ; hoặc khi nào cần phải biết việc trước mới hiểu được việc sau thời dùng cách gián-tiếp mà kể qua, hay là ngụ-ý ám-chỉ cho vừa hiểu. Như thế thời bao nhiêu tinh-thần chú cả vào cái phần cốt yếu trong truyện, truyện có lực hơn.

Như bài tuồng *Lôi-Xích* này, tích cũng giống như nhiều tích tuồng ta, mà kết-cấu khéo thành một kịch-bản có giá-trị nhất bên Âu châu. Nay dịch ra quốc ngữ không những là để công bố cho quốc-dân biết một áng văn-chương hay của Đại-Pháp, mà cốt để giới thiệu cho các nhà lưu-tâm về diễn-kịch biết cái cách soạn-kịch của Thái-Tây tinh-xảo là đường nào. Song chủ-ý của dịch giả không phải là định dịch để đem diễn ra sân khấu, như hí-kịch của MOLIÈRE, vì lối bi-kịch diễn khó hơn lối hí kịch nhiều, người mình chưa có tư cách làm được ; dịch giả chỉ muốn phiên-dịch lấy cái nghĩa truyện ra tiếng ta để giúp cho những người chưa thông pháp-văn được biết qua một vở tuồng đã nổi danh trong thế giới tự ngót ba trăm năm đến giờ. Văn chương của nguyên-bản thời thâm-trầm uyên-áo lắm, có nhiều lối li-kỳ khác hẳn với văn ta, phiên-dịch không tài nào cho vừa hay và vừa đúng được. Người dịch khổ vì hai điều : một là sợ không đúng lời văn tây, hai là sợ không lọn ra tiếng ta. lọn tiếng ta tất không đúng lời tây. đúng lời tây tất không lọn tiếng ta, được đàng nọ hỏng đàng kia, phải tùy-nghi mà châm-chước vậy. Xin các độc giả lượng cho.

Sau này kể qua tích truyện, rồi phân-giải bài tuồng ra từng hồi từng kịch cho rõ cách kết cấu thế nào.

« Lôi-Xích » (*Le Cid*), tiếng Tây ban nha (*Espagnol*) nghĩa là « người võ-sĩ » do tiếng ả-rập *seid*), là hiệu một ông võ tướng nước Tây ban nha về thế kỷ thứ 11, đánh giặc Phi-châu có tiếng, nhưng sự-tích mập-mờ, trong chính-sử không chép rõ. Về đầu thế-kỷ thứ 17, có nhà làm thơ nước Tây ban nha tên là GUILHEM DE CASTRO, nhân truyện truyền-kỳ cũ làm ra một tập thơ về sự-trạng Lôi-Xích. Ông PIERRE CORNEILLE lại nhân tập thơ ấy mà kết cấu ra bản tuồng này. Thường-thường các bản bi kịch của Pháp phần nhiều là mượn tích cổ của Hi-lạp, La mã, Ý-đại-lợi, Tây-ban nha cả, cũng như tuồng ta mượn tích cũ của Tàu vậy. Đại khái truyện như sau này.

« Lôi Xích » tức là Đông Lộ-dịch (Don Rodrigue) là con trai Đông Địch-yết (Don Diègue cùng với nàng Chi miên (Chimène) là con gái Bá-tước Ngô-mặc (Comte de Gormès) có tình với nhau. Đông Địch-yết mới được cử làm phụ-đạo cho ông Hoàng-thái-tử đất Cát-ti, Bá-tước Ngô-mặc thấy thế lấy làm ghen, vì vẫn chắc rằng chức ấy thế nào vua cũng để cho mình. Nay không được tức giận lắm, nhân gặp Đ. Địch-yết, phàn-nàn rồi gây sự tát Đ. Địch-yết một cái. Đ. Địch-yết rút gươm ra chực đánh lại, nhưng người già yếu bị Bá tước khỏe hơn giằng lấy gươm vất xuống đất. Lộ-

địch được tin cha mình bị nhục mà người lăng-nhục lại là cha nàng Chi-miên, tình-cảnh bấy giờ đau đớn khôn xiết kể. Bên tình bên hiếu, bên nào nặng hơn ? Suy đi nghĩ lại, chàng quyết báo-thù cho cha để rửa sạch danh-dự cho nhà mình. Bèn ra khêu chiến với Bá-tước, rồi giết chết Bá-tước. Chi miên bấy giờ cũng bỏ tình vị hiếu, cố kêu vua xin giết chàng để trả thù cho cha bị chết. Tuy vậy Lộ-địch lại dám đến nhà Chi-miên, hai người thổ-lộ tâm-sự với nhau, kịch này hay nhất vì khó nhất trong bài tuồng. Sau Lộ-địch gặp Địch-yết đương tìm chàng để tỏ lòng hoan-hỉ vì đã báo thù được cho cha. Nhân báo cho chàng biết giặc Mô (*les Maures*) đã tiến lên thành Sê-vi (Séville), khuyên chàng kíp đi đánh để lập công. Lộ-địch đánh tan được giặc Mô, về yết-kiến vua, kể công trạng cho vua nghe. Bấy giờ Chi-miên lại vào kêu vua xin trả thù cho nàng. Vua bất-đắc dĩ phải truyền cho nàng chọn lấy một người võ-sĩ để ra quyết-đấu với chàng, hễ chàng thua thời chàng phải tội, mà chàng được thời nàng phải lấy làm chồng. Đông San sơ (Don Sanche) xin ra đánh hộ nàng. Trước khi quyết-đấu Lộ-địch lại đến trước nàng, xin nàng tự tay giết lấy, nhưng nàng bảo phải ra quyết-đấu, mong cho đánh được. Được ít lâu thời Đông San sơ đem thanh gươm của chàng về cho Chi-miên. Nàng tưởng rằng tình-nhân mình chết thật, lại đem lòng oán giận Đ. San-sơ. Vua bèn giải-ngộ cho, báo cho biết Lộ-địch vẫn còn sống, và là chính vua sai San-sơ đem gươm chàng về cho nàng. Rồi chính Lộ-địch xuất-hiện ra. Chi-miên bấy giờ phải chịu nghe lời vua hứa kết duyên với chàng, nhưng khuyên chàng nên đi sang tận Phi-châu mà đánh giặc Mô cho chúng nó khỏi quấy nhiễu trong nước bao giờ đánh được trở về sẽ hay.

Xét như trên thời truyện chẳng khác gì một tích tuồng ta, cũng có trung-hiếu, tiết-nghĩa, cũng những báo thù, trả ngãi, đánh giặc, bình-phiên, v. v. Khác nhau chỉ ở cách kết-cấu vậy. Giá là bản tuồng ta thời những việc đánh giặc, bình phiên, múa gươm, đấu võ, cùng là những cảnh gia đình Bá-tước, gia-đình Đông Địch yết, từ khi Chi-miên và Lộ địch còn nhỏ cho đến lúc lớn, v. v, rườm-rà bề-bộn, làm ngập mất cả cái chủ-não bài kịch, là sự hiếu tình xung-đột của hai người con trai con gái. Bản tuồng tây thời lấy ngay cái chủ-não ấy làm đầu bài, ngay từ kịch thứ nhất đã vào đầu bài rồi, và càng tiến lên thời cái đầu bài càng mở rộng mãi ra, cho kỳ đến kết-cục, đầu-đuôi quán-triệt, toàn là một việc, không có đoạn nào là đoạn thừa vậy.

Hồi thứ I. — *Kịch thứ 1.* - Yến-nương là nữ-phó (*gouvernante*) của Chi-miên. (Nữ phó là một chức nửa như thị-tì, nửa như quản-mẫu, những nhà danh-gia đời xưa có con gái cấm cung thường nuôi để vừa hầu hạ vừa dạy-bảo các cô.) Chi-miên vốn đã có tình với Đông Lộ-địch rồi, hỏi dò Yến-nương biết rằng cha mình thuận cho nhận lời Lộ-địch. — *Kịch thứ 2.* - Công chúa là con gái vua cũng có một nữ-phó tên là Liễu nương. Công-chúa nhân nói việc Lộ-địch và Chi-miên, than-thở với Liễu nương, thú rằng mình cũng có tình với Lộ địch, nhưng vì là con vua không thể lấy người thường được, nên mới gắn-bó cho Chi-miên, tuy vậy mà lòng vẫn thương tiếc. — *Kịch thứ 3.* - Bá-tước gặp Đ. Địch yết, không bằng lòng vì Địch yết mới được vua cử làm chức phụ đạo, kể-lể công-trạng mình, nói rằng chức ấy về mình mới là đáng. Địch-yết đã có ý làm nhũn, vì muốn nhân dịp ấy công-nhiên hỏi Chi miên là con gái Bá-tước cho Lộ-địch là con trai mình. Nhưng Bá tước muốn gây sự, hai người thành ra nói nặng lời, rồi Bá-tước tát Địch-yết một cái. Địch-yết rút gươm đánh lại,

nhưng già yếu không đánh được. — *Kịch thứ 4.* - Đ. Địch-yết trở về nhà than-thở thiết-tha, vì thân già nên phải chịu nhục, âu là truyền cho con trai trả thù cho mình. — *Kịch thứ 5.* - Địch-yết gặp con là Lộ-địch, kể cho con sự mình bị nhục, bảo con có khẳng-khái nên kíp ra trả thù cho cha. — *Kịch thứ 6.* - Lộ-địch than-thở một mình: người bị nhục là cha mình, người làm nhục là cha tình nhân, bên ái-tình, bên danh-dự, bên nào nặng hơn ? Nghĩ đi nghĩ lại xót-xa, sau quyết dứt bỏ ái-tình mà ra tay rửa nhục cho danh-dự. (Hai kịch thứ 4 và thứ 6 ví đặt lối tuồng ta thời có thể làm ra lời than vãn hay lắm).

Hồi thứ II. — *Kịch thứ 1.* - Đ. A-liệt là một người quí-phái trong nước, cận-thần của nhà vua, vua biết truyện Bá-tước xử nhục với Đ. Địch-yết như thế, sai đến nhà Bá-tước để khuyên Bá-tước phải xin lỗi Địch-yết. Bá-tước không chịu, nói toàn những lời kiêu-căng, có ý ngạo-mạn cả vua. — *Kịch thứ 2* - Lộ địch ra khêu chiến với Bá-tước. Bá-tước trước còn đãi Lộ-địch là trẻ con, không thèm nhận đánh, sau thấy người khẳng-khái cũng cảm-động, mới tỏ cho biết ý mình định gả con gái cho, nhưng Lộ-địch cứ khăng-khăng, Bá-tước phải nhận đánh (1). — *Kịch thứ 3.* - Chi-miên được tin cha mình xử nhục với cha chàng Lộ-địch, biết rằng sau này tất có báo thù, lo cho cuộc nhân-duyên của mình, đến thăm công chúa, than-thở với công-chúa, công-chúa hết sức khuyên-giải. Nàng sợ rằng tuy Địch-yết không thể đánh báo thù lấy được, nhưng chắc Lộ-địch thế nào cũng đánh thay cho cha. Công-chúa cho được an-ủi nàng bèn định cho gọi Lộ-địch để giữ trong cung. — *Kịch thứ 4* - Công chúa cho người đi gọi Lộ địch thời được tin rằng Lộ-địch cùng với Bá-tước đương cãi-cọ nhau và hai người cùng đi ra ngoài. Tin này chắc có sự không may Chi miên vội-vàng ra về. — *Kịch thứ 5* - Công-chúa biết rằng Lộ địch với Chi-miên chuyến này tất phải xa cách nhau, lại đem lòng thương yêu Lộ-địch, bệnh tương-tư lại nổi lên, than-thở với Liễu-nương. — *Kịch thứ 6.* - Đ. A-liệt về tâu vua về sự khuyên-giải Bá-tước không xong, và thuật lại những lời Bá-tước nói ngạo mạn, vua tức-giận lắm. Đ. San sơ là một tay thiếu-niên võ sĩ cũng có tình với Chi-miên, muốn bênh cho Bá-tước, vua không nghe, sai cho bắt Bá tước lại. — Nhân vua lại nói giặc Mô có ý muốn đi đường bể vào xâm-chiếm, truyền cho trong thành ngoài bến phải phòng-bị. — *Kịch thứ 7.* - Giữa lúc bấy giờ thời một nhà quí phái khác tên là Đ. A-long đến báo tin rằng Bá-tước đã bị Lộ-địch giết rồi, và con gái là Chi-miên đương xin vào kêu van với vua. Vua được tin ấy tuy còn giận mà cũng ái-ngại cho Bá tước. — *Kịch thứ 8.* - Chi-miên than-khóc, kể nỗi cha mình bị giết, và xin vua làm tội dứa giết người Đ. Địch-yết cũng kể nỗi mình bị nhục thế nào và con mình làm sao phải báo thù, xin vua có làm tội thì làm tội mình mà đừng làm tội con. Vua cho hai người về, nói sẽ lập hội nghị xét.

Hồi thứ III. — *Kịch thứ 1.* - Lộ địch đến nhà Chi-miên, Yến nương trông thấy kinh-ngạc, Lộ địch nói đến cho Chi miên trả thù mà giết mình đi. Yến-nương chợt thấy Chi miên ở cung về, bảo Lộ-địch phải trốn ngay một chỗ. — *Kịch thứ 2.* - Vua sai Đ. San-sơ đưa Chi-miên ở cung về. Đ. San-sơ vốn vẫn có tình với Chi-miên,

(1) Nhận đánh mà thôi, chớ không có kịch nào là hai người đấu võ ở sân khấu. Sau tin Bá-tước bị giết là có người đến báo cho vua biết. Giá vào tuồng ta thì tất có một kịch múa võ, thậm võ-vị.

năn-nỉ xin nàng cho mình ra đánh báo thù cho nàng. Nàng lưỡng-lự, nhận lời cho đẹp lòng chàng, nói hẳng đợi vua xử đã, hễ không xong thời sẽ nhờ đến chàng. — *Kịch thứ 3.* - Chi-miên than-thở với Yến-nương, tỏ ý rằng tuy oán-giận Lộ-địch mà vẫn còn thương-yêu chàng, nhưng bất-đắc-dĩ cũng phải xin xử tội chàng. — *Kịch thứ 4.* - Giữa lúc than-thở thời Lộ-địch trốn trong nhà chạy ra, đưa gươm xin nàng giết mình đi để báo thù cho Bá-tước. Hai người đối-đáp nhau, bên nào cũng vẫn thương-yêu nhau, nhưng vì hiếu nặng hơn tình nên phải làm khổ nhau. Chàng đã vị danh-dự mà giết cha nàng thì nàng cũng phải vị danh-dự mà xin xử tội chàng; song quyền xử ở vua, nàng không có tự tay giết. Tình-cảnh hai người như vậy mà ái-tình vẫn đằm-thắm như xưa. — *Kịch thứ 5.* - Đ. Địch-yết tìm con để tỏ lòng hoan-hỉ vì sự báo thù xong, tìm mãi không thấy, ngồi than-thở một mình. Sau mới thấy con về. — *Kịch thứ 6.* - Địch-yết khen con đã trả thù được cho mình. Lộ-địch ra ý buồn-rầu, phàn-nàn rằng vì sự trả thù ấy mà mất người tình-nhân, bây giờ muốn trọn cả hiếu cả tình, chỉ nên chết đi là xong. Bấy giờ Địch-yết mới báo cho con biết rằng giặc Mô đêm đã tiến lên cửa thành, ông đã họp được năm trăm gia-nhân, chàng nên ra thống-lĩnh mà đánh giặc, trước là lập công-danh, sau là nguôi được lòng oán-giận của Chi-miên chăng.

Hồi thứ IV. — *Kịch thứ 1.* - Yến-nương thuật cho Chi-miên nghe những công-trạng Lộ-địch đánh được giặc Mô, tiếng-tăm lừng-lẫy trong nước. Nàng đã có ý siêu lòng, nhưng lại nhớ đến cái thù của mình phải trả cho xong. — *Kịch thứ 2.* - Công-chúa đến thăm Chi-miên khuyên nàng rằng trước kia nàng xin xử tội Lộ-địch là phải, nhưng nay Lộ-địch đã đánh tan giặc, cứu được nhà nước, nàng nên thôi đi thì hơn. Nàng không nghe. — *Kịch thứ 3.* - Lộ-địch đến kể công-trạng phá giặc Mô cho vua nghe. Vua ban khen và hứa rằng dẫu Chi-miên có kêu-nài, vua cũng không bắt tội chàng nữa. — *Kịch thứ 4.* - Có tin Chi-miên xin vào kêu vua. Vua hôn Lộ-địch, rồi truyền cho chàng đi ra, không muốn để hai người ráp mặt nhau. — *Kịch thứ 5.* - Chi-miên vào, vua giả nói Lộ-địch bị giặc Mô giết rồi, thấy nàng biến-sắc, biết rằng nàng vẫn có tình với Lộ-địch. Nhưng nàng tỉnh ngay lại, kêu vua rằng tuy chàng đánh được giặc mà oan nàng vẫn chưa trả xong, nàng cố xin vua làm tội chàng. Xem ý vua miễn-cưỡng, nàng bèn xin mở một cuộc quyết-đấu để các tay võ-sĩ trong nước ra địch với Lộ-địch, người nào đánh được chàng nàng xin lấy làm chồng. Vua ngần-ngại, sau bất-đắc-dĩ phải thuận vậy, truyền cho nàng chọn lấy một người để ra quyết-đấu với chàng. Đ. San-sơ xin ra. Nhưng vua bắt Chi-miên hứa trước rằng dẫu Lộ-địch đánh được nàng cũng phải lấy làm chồng.

Hồi thứ V. — *Kịch thứ 1.* - Lộ-địch đến nhà Chi-miên, nói cho nàng biết rằng nàng đã mượn tay người giết chàng thời chàng cũng cam-tâm chịu chết, đành đem mình ra cho người kia đâm mà không đánh lại. Chi-miên lấy làm kinh-ngạc, vì trong bụng vẫn yêu chàng, cố phân-giải cho chàng cứ ra quyết-đấu, nhưng chàng không nghe; sau phải thú thật rằng nàng không ưa gì Đ. San-sơ, song đã hứa với San-sơ rồi, xin chàng phải đánh cho được thì nàng mới rẫy được San-sơ mà sau này lấy chàng. Lộ-địch được hả lòng, hăng-hái ra đánh. — *Kịch thứ 2.* - Công-chúa than-thở một mình, biết rằng không tài nào Lộ địch về mình được nữa, vì Lộ-địch và Chi-miên tuy có sự oán-thù mà vẫn còn thương yêu nhau. — *Kịch thứ 3.* - Song Công-chúa vẫn còn phàn-nàn với

Liễu-nương, dường như chưa thể dứt tình cho được. Sau biết rằng Chi-miên chọn San-sơ đánh với Lộ-địch là rõ ý để cho Lộ-địch được, tình hai người vẫn còn đằm-thắm, mình không còn hi-vọng gì nữa, bấy giờ mới quyết dứt tình cho xong. — *Kịch thứ 4* - Chi-miên than-thở với Yến-nương có ý hối-hận vì gây ra cuộc quyết-đấu ấy: báo thù được cho cha thời mất nhân-tình. Vả mình chẳng ưa chi Đ. San-sơ, nên trong bụng chúc ngầm cho Lộ-địch đánh được: phân vân thay! — *Kịch thứ 5.* - Đ. San-sơ đem thanh gươm lại cho nàng, nàng trông thấy tưởng Lộ địch đã bị chết rồi, không để cho San-sơ nói hết lời, mắng lấy mắng để rằng đã giết mất tình-nhân mình. — *Kịch thứ 6.* - Chi-miên vào cung than khóc vì nỗi Lộ địch chết, thú thật cái ái-tình của mình cho vua biết, và xin vua cho phép vào nhà tu ở, vì không muốn lấy ai nữa. Vua bấy giờ mới báo thật cho biết rằng Lộ-địch chưa chết. San-sơ thì thuật lại việc quyết-đấu, nói rằng chàng bị Lộ địch đánh thua, nhưng Lộ địch là người quảng đại không nỡ giết chết chàng, chỉ lấy thanh gươm của chàng mà bắt chàng đem về trình cho Chi-miên biết, nhưng về đến nơi thì Chi-miên nóng nẩy quá không để cho nói hết lời, nên mới hiểu lầm như vậy. Vua nói thế cũng là lòng trời muốn cố kết-duyên nàng với Lộ-địch, nàng nên thuận mệnh trời mà nghe lời vua. — *Kịch thứ 7* - Giữa lúc ấy thời Lộ-địch vào xin phép vua qui dưới chân Chi-miên mà kể lể, nói rằng nàng bắt chàng thế nào chàng cũng chịu, dẫu phải đi đánh đông giẹp bắc cũng xin vâng, song nếu thế mà vẫn còn chưa thỏa cái chí báo thù của nàng thì nàng có muốn lấy đầu chàng nữa chàng cũng xin vâng. Chi-miên xin Lộ-địch đứng giậy và nói với vua rằng tâm sự nàng vua đã rõ, nhưng nếu vua bắt nàng lấy Lộ-địch ngay, thời cái oan-hồn của cha nàng không được thỏa và nàng cũng đau lòng. Vua nói rằng không hề chi, nên để lâu lâu, một vài năm, cho nỗi đau đớn của nàng nguôi dần đi, bấy giờ sẽ hay. Trong khi ấy thời vua truyền cho Lộ-địch sang tận Phi-châu mà đánh cho tiệt giống giặc Mô, để lập công-danh to hơn nữa, cho thật xứng ơn vua mà đáng lòng nàng. Lộ địch xin vâng.

Bản dịch in cả nguyên-văn bên cạnh cho tiện đối-chiếu.
Kỳ này đăng hai hồi trên, còn ba hồi dưới kỳ sau sẽ đăng nốt.

PHẠM QUỲNH

TUỒNG LÔI-XÍCH

Bi-kịch bằng thơ có năm hồi, dịch ra văn xuôi quốc-ngữ

CÁC VAI

DON FERNAND = Đông Phiệt-nãng, vua đất Cát-ti.
D. URRAQUE = Đông Uy-lặc, công-chúa đất Cát-ti.
D. DIÈGUE = Đông Địch yết, cha Đông Lộ-địch.
D. GOMÈS = Đông Ngô-mặc, bá-tước, cha nàng Chi-miên.
D. RODRIGUE = Đông Lộ-địch, tình-nhân của Chi-miên.
D. SANCHE = Đông San-sơ, người có tình với Chi-miên.

D. ARIAS = Đông A-liệt.
D. ALONSE = Đông A-long. } Người quí-phái đất Cát-ti.
CHIMÈNE = Chi-miên tiểu-thư, con gái Đông Ngô-mặc.
LÉONOR = Liễu-nương, nữ-phó của Công-chúa.
ELVIRE = Yến-nương, nữ-phó của Chi-miên tiểu-thư.
UN PAGE DE L'INFANTE = Tiểu-đồng của Công-chúa.

ACTE PREMIER

Scène première

CHIMÈNE, ELVIRE

CHIMÈNE.

Elvire, m'as-tu fait un rapport bien sincère ?
Ne déguises-tu rien de ce qu'a dit mon père ?

ELVIRE.

Tous mes sens à moi-même en sont encore charmés :
Il estime Rodrigue autant que vous l'aimez,
Et, si je ne m'abuse, à lire dans son âme,
Il vous commandera de répondre à sa flamme.

CHIMÈNE.

Dis-moi donc, je te prie, une seconde fois
Ce qui te fait juger qu'il approuve mon choix ;
Apprends-moi de nouveau quel espoir j'en dois prendre :
Un si charmant discours ne se peut trop entendre,
Tu ne peux trop promettre aux feux de notre amour
La douce liberté de se montrer au jour.
Que t'a-t-il répondu sur la secrète brigue
Que font auprès de toi Don Sanche et Don Rodrigue ?
N'as-tu point trop fait voir quelle inégalité
Entre ces deux amants me penche d'un côté ?

HỒI THỨ NHẤT

Kịch thứ nhất

CHI-MIÊN, YẾN-NƯƠNG

CHI-MIÊN

Yến-nương ôi, mi có thuật lại cho ta thiệt-thà đó không ? Cụ-lớn nói những gì, mi có giả-dối chi ta không ?

YẾN-NƯƠNG

Dạ, thưa cô, con nghe những lời Cụ-lớn nói mà tinh-thần hãy còn khoái-lạc thay : Cô có lòng thương-yêu Lộ-công bao nhiêu thì Cụ-lớn cũng có lòng quí-chuộng Lộ-công bấy nhiêu. Vì con xét không lầm, thời con dòm ý Cụ, chắc rằng Cụ thuận cho cô nhận lời với Lộ-công vậy.

CHI-MIÊN

Vậy thế ta hỏi mi nói lại ta nghe mi xét thế nào mà biết Cụ ưng ta kén chọn như thế. Mi nói lại ta nghe cho ta biết nên mong-mỏi chừng nào. Được lời đẹp lòng như vậy, ta muốn nghe mãi không thôi. Mi cứ nói, mi càng nói càng như mở rộng cho cái mối tình đôi ta được thảnh-thơi khoan-khoái mà biểu-lộ ra ngoài vậy. Thế mi nói chuyện Đông San-sơ với Đông Lộ-địch hai người mưu-mô với mi như thế, thì Cụ-lớn trả lời thế nào ? Hay là mi đã nói lộ quá cho Cụ biết trong hai người ta có ý thiên-vị người nào ?

ELVIRE.

Non, j'ai peint votre cœur dans une indifférence
Qui n'enfle d'aucun d'eux, ni détruit l'espérance,
Et, sans les voir d'un œil trop sévère ou trop doux,
Attend l'ordre d'un père à choisir un époux.
Ce respect l'a ravi, sa bouche et son visage
M'en ont donné sur l'heure un digne témoignage,
Et, puisqu'il vous en faut encore faire un récit,
Voici d'eux et de vous ce qu'en hâte il m'a dit :
« Elle est dans le devoir, tous deux sont dignes d'elle,
Tous deux formés d'un sang noble, vaillant, fidèle,
Jeunes, mais qui font lire aisément dans leurs yeux
L'éclatante vertu de leurs braves aïeux.
Don Rodrigue surtout n'a trait en son visage
Qui d'un homme de cœur ne soit la haute image,
Et sort d'une maison si féconde en guerriers
Qu'ils y prennent naissance au milieu des lauriers.
La valeur de son père, en son temps sans pareille,
Tant qu'a duré sa force, a passé pour merveille;
Ses rides sur son front ont gravé ses exploits,
Et nous disent encor ce qu'il fut autrefois.
Je me promets du fils ce que j'ai vu du père,
Et ma fille en un mot peut l'aimer et me plaire».
Il allait au Conseil, dont l'heure, qui pressait,
A tranché ce discours qu'à peine il commençait;
Mais, à ce peu de mots, je crois que sa pensée
Entre vos deux amants n'est pas fort balancée.
Le Roi doit à son fils élire un gouverneur,
Et c'est lui que regarde un tel degré d'honneur;
Ce choix n'est pas douteux, et sa rare vaillance,
Ne peut souffrir qu'on craigne aucune concurrence.
Comme ses hauts exploits le rendent sans égal,
Dans un espoir si juste il sera sans rival,
Et, puisque don Rodrigue a résolu son père
Au sortir du Conseil à proposer l'affaire,
Je vous laisse à juger s'il prendra bien son temps,
Et si tous vos désirs seront bientôt contents.

YẾN-NƯƠNG

Thưa cô không, con tả tâm-sự cô cứ thẳng-nhiên như không, không nuông bên nọ, không tuyệt bên kia, không có ngọt với người này mà xẵng với người nọ, phận gái phải đợi cha truyền mới dám kén-chọn kẻ lương-nhân. Cụ thấy lòng hiếu-kính như vậy, Cụ lấy làm vui lắm, trông miệng nói mặt cười tức-thì đủ biết. Nay cô muốn kể đầu-đuôi, con xin kể, đại-khái Cụ vừa vội-vàng vừa nói với con về chuyện hai ông ấy với cô như thế này . « Cô mày như thế phải, hai người cùng là xứng-đáng cả, hai người đều là con nhà giòng-giống, nghĩa-sĩ trung-thần, trai-trẻ như nhau, coi nét mặt đủ biết cái công-đức rực-rỡ của mấy đời tổ-tiên nghĩa-dũng. Nhất là Đông Lộ-địch nét mặt lồng-lộng ra người hào-hiệp, thật là con-cái một nhà đã sinh biết bao nhiêu tay võ-sĩ, tưởng lọt lòng ra đã biết cái vinh-diệu võ-công. Ông bố hồi thịnh-thời tài-cán khôn ai bằng, người đương-thời đã phải lấy làm kinh-dị. Bây giờ mỗi vết răn trên trán là một nét bia kỷ-công, coi đó đủ biết cái giá-trị hồi xưa. Cha đã như thế, con chắc cũng là người kỳ-vọng được. Con gái ta ví có tình với hắn ta cũng đẹp lòng. » Cụ vừa nói được mấy lời như thế thời kịp đến giờ đi Hội-nghị. Nhưng nghe ít lời đó con tưởng cũng rõ ý Cụ đối với hai người không có phân-vân chi lắm vậy. Nay Hoàng-thượng phải kén một quan phụ-đạo cho thái-tử, ngôi danh-dự ấy chắc về phần Cụ, sự đó không còn nghi-ngờ chi nữa; người dũng-cảm phi-thường như Cụ không có lẽ chịu để ai tranh-cạnh. Công-lao đã tuyệt vời, danh-vọng chắc vô-địch. Vả Đông Lộ-địch đã quyết xin cha khi Hội-nghị ra nói việc đó với Cụ, thời con tưởng có thử nghĩ Cụ còn có lẽ chi mà chừng-đỗi nữa, chắc lòng có mong sao sẽ được y sở-nguyện.

CHIMÈNE.

Il semble toutefois que mon âme troublée
Refuse cette joie et s'en trouve accablée.
Un moment donne au sort des visages divers,
Et dans ce grand bonheur je crains un grand revers.

ELVIRE.

Vous verrez cette crainte heureusement déçue.

CHIMÈNE.

Allons, quoi qu'il en soit, en attendre l'issue.

Scène II

L'INFANTE, LÉONOR, PAGE

L'INFANTE

Page, allez avertir Chimène de ma part
Qu'aujourd'hui pour me voir elle attend un peu tard,
Et que mon amitié se plaint de sa paresse.

(*Le page rentre*)

LÉONOR.

Madame, chaque jour même désir vous presse,
Et dans son entretien je vous vois chaque jour
Demander en quel point se trouve son amour.

L'INFANTE.

Ce n'est pas sans sujet, je l'ai presque forcée
A recevoir les traits dont son âme est blessée ;
Elle aime Don Rodrigue, et le tient de ma main,
Et par moi Don Rodrigue a vaincu son dédain.
Ainsi, de ces amants ayant formé les chaînes,
Je dois prendre intérêt à voir finir leurs peines.

CHI-MIÊN

Tuy vậy lòng ta còn đương bối-rối, chưa dám nhận cái vui-sướng ấy, tưởng như nó nặng-nề cho ta lắm. Vận người mỗi lúc một thay đổi. Được cái may lớn như thế, ta còn sợ gặp cái rủi to.

YẾN-NƯƠNG

Cô lo sợ như vậy, rồi cô xem chẳng có việc chi.

CHI-MIÊN

Dù sao mặc dầu, hẵng đợi xem kết-cục thế nào.

Kịch thứ II

CÔNG-CHÚA, LIỄU-NƯƠNG, TIỂU-ĐỒNG

CÔNG-CHÚA

Này tiểu-đồng, mi tới biểu Chi-miên tiểu-thư cho ta rằng bữa nay tiểu-thư tới thăm ta muộn quá, và lòng ta nhớ bạn nên trách bạn hững-hờ thay.

Tiểu-đồng đi vào

LIỄU-NƯƠNG

Thưa bà, con nhận ngày nào bà cũng muốn tiếp mặt Chi-miên tiểu-thư và trong khi nói chuyện ngày nào cũng thăm-hỏi đến việc nhân-duyên của tiểu-thư.

CÔNG-CHÚA

Lòng ta ân-cần không phải là vô-cố : cái bệnh tương-tư của tiểu-thư bây giờ là chính tự ta đã gây nên đó. Tiểu-thư thương-yêu Đông Lộ-địch là tự tay ta, mà Đông Lộ-địch cảm-động được tấm lòng tiểu-thư cũng là bởi ta. Như thế thời tự tay ta gây ra sự phiền-não của hai người, ta phải chăm cho hai người được an-ủi.

LÉONOR.

Madame, toutefois, parmi leurs bons succès
Vous montrez un chagrin qui va jusqu'à l'excès.
Cet amour, qui tous deux les comble d'allégresse.
Fait-il de ce grand cœur la profonde tristesse,
Et ce grand intérêt que vous prenez pour eux
Vous rend-il malheureuse, alors qu'ils sont heureux ?
Mais je vais trop avant et deviens indiscrète.

L'INFANTE.

Ma tristesse redouble à la tenir secrète.
Ecoute, écoute enfin comme j'ai combattu,
Ecoute quels assauts brave encore ma vertu.
L'amour est un tyran qui n'épargne personne :
Ce jeune cavalier, cet amant que je donne,
Je l'aime.

LÉONOR.

Vous l'aimez !

L'INFANTE.

Mets la main sur mon cœur,
Et vois comme il se trouble au nom de son vainqueur,
Comme il le reconnait.

LÉONOR.

Pardonnez-moi, Madame,
Si je sors du respect pour blâmer cette flamme.
Une grande princesse à ce point s'oublier,
Que d'admettre en son cœur un simple cavalier !
Et que dirait le Roi ? que dirait la Castille ?
Vous souvient-il encor de qui vous êtes fille ?

L'INFANTE.

Il m'en souvient si bien que j'épandrai mon sang
Avant que je m'abaisse à démentir mon rang.
Je te répondrais bien que, dans les belles âmes,
Le seul mérite a droit de produire des flammes,

LIỄU-NƯƠNG

Thưa bà, tuy vậy mà trong khi họ ý-hiệp tâm-đầu với nhau, thời con nhận ra bà lại có ý buồn-rầu quá-đáng. Hay là cái tình-duyên kia làm cho đôi lứa vui-vầy, lại khiến cho dạ này ảo-não, và vì bà chăm-chút cho họ lắm nên trong khi họ được sung-sướng mà bà riêng chịu đau-khổ, chăng ? Nhưng con hỏi thế khi thóc-mách quá.

CÔNG-CHÚA

Nỗi buồn ta, ta càng giữ kín nó lại càng bội thêm. Thôi thì mi đã hỏi, ta nói cho mi nghe, cho mi biết ta đã chống-cưỡng biết dường nào, cho mi biết lòng ta hiện nay vẫn còn lay-động biết bao nhiêu. Ái-tình thật là một kẻ bạo-chúa không tha ai : người thiếu-niên võ-sĩ ấy, người tình-nhân mà ta nhường cho người ấy, ta đây vẫn thầm dấu trộm yêu vậy.

LIỄU-NƯƠNG

Ôi ! bà có tình với chàng sao ?

CÔNG-CHÚA

Đề tay vào ngực ta đây, mà xem nói đến tên chàng lòng ta thổn-thức biết bao, mà hăm-hở biết bao.

LIỄU-NƯƠNG

Con xin bà tha lỗi cho con, con dám mạn phép bà bác cái ái-tình ấy. Một vị công-chúa cao-quí như bà mà quên mình đến bậc ấy, đến nỗi chung-tình với một người võ-sĩ thường ! Thế Hoàng-thượng biết thời sao ? dân-gian biết thế nào ? Bà có còn nhớ bà là con ai không ?

CÔNG-CHÚA

Ta vẫn nhớ lắm, ta nhớ cho đến nỗi dù phải lưu-huyết ta cũng không tự-hạ đến làm phi cái phẩm-giá của ta. Ta có thể trả lời cho mi rằng phàm

Et, si ma passion cherchait à s'excuser,
Mille exemples fameux pourraient l'autoriser;
Mais je n'en veux point suivre où ma gloire s'engage;
La surprise des sens n'abat point mon courage,
Et je me dis toujours qu'étant fille de Roi,
Tout autre qu'un monarque est indigne de moi.
Quand je vis que mon cœur ne se pouvait défendre.
Moi-même je donnai ce que je n'osais prendre:
Je mis, au lieu de moi, Chimène en ses liens
Et j'allumai leurs feux pour éteindre les miens.
Ne t'étonne donc plus si mon âme génée
Avec impatience attend leur hyménée;
Tu vois que mon repos en dépend aujourd hui:
Si l'amour vit d'espoir, il périt avec lui;
C'est un feu qui s'éteint, faute de nourriture,
Et, malgré la rigueur de ma triste aventure
Si Chimène a jamais Rodrigue pour mari,
Mon espérance est mort, et mon esprit guéri.
Je souffre cependant un tourment incroyable,
Jusques à cet hymen Rodrigue m'est aimable.
Je travaille à le perdre, et le perds à regret,
Et de là prend son cours mon déplaisir secret.
Je vois avec chagrin que l'amour me contraigne
A pousser des soupirs pour ce que je dédaigne;
Je sens en deux partis mon esprit divisé:
Si mon courage est haut, mon cœur est embrasé,

những kẻ anh-tài chỉ lấy một cái tài-năng là đủ khiến cho người ta chung-ái, và vì cái ái-tình của ta có cần phải chống-chế, ta thiếu gì những gương hiền-hách có thể đem ra làm chứng-cớ được. Nhưng việc đã quan-hệ đến danh-dự ta thời dẫu gương người trước ta cũng không theo. Cái dục-tình không đánh đổ được lòng can-đảm ta, và bao giờ ta cũng vẫn nhớ rằng ta là con. Vua thời phải kết-hôn với bậc vua chúa mới là xứng-đáng. Khi ta đã thấy lòng ta quá siêu không thể giữ nổi, thời chính tay ta đem người yêu nhường cho kẻ khác: ta không thể kết tóc xe tơ được với chàng, nên ta lấy nàng Chi-miên mà thay cho ta, ta nhóm cái lửa dục-tình của hai người để tắt cái ngòi tình-dục của ta. Vậy mi không nên lấy làm lạ rằng tấm lòng ta tấm-tức khát-khao mong-đợi cho cuộc nhân-duyên của hai người thành. Cuộc nhân-duyên ấy có thành thời lòng ta mới được yên-ổn, mi coi đó thời biết. Vì ái-tình sống bởi lòng hi-vọng, đã tuyệt-vọng thời ái-tình tất phải tiêu, cũng ví như lửa hết dầu thì phải tắt vậy. Bao giờ nàng Chi-miên lấy được Đông Lộ-địch làm chồng, thời dẫu cái tình-cảnh ta buồn-rầu thế nào, lòng hi-vọng ta cũng đã tiêu mất rồi, và trong tâm-trí ta sẽ được bình-tĩnh vậy.

Tuy vậy hiện nay lòng ta vẫn còn ảo-não vô-cùng; cho đến ngày cuộc nhân-duyên ấy thành, ta vẫn còn yêu-mến Lộ-công, ta mưu cho Lộ-công xa ta, mà càng xa ta lại càng thương-tiếc, bởi thế nên mới sinh ra cái mối u-sầu này. Lòng ta vẫn không muốn mà cái ái-tình nó cứ bắt ta phải thở-than, trông thấy thế mà rầu lòng. Trong tâm-trí ta hình như chia ra làm hai phe: chí ta vẫn can-đảm mà dạ ta vẫn bồi-hồi, ta biết rằng cuộc nhân-duyên kia là một sự phiền-não cho ta, ta sợ mà ta vẫn ước-ao cho thành

Cet hymen m'est fatal, je le crains et souhaite,
Je n'ose en espérer qu'une joie imparfaite ;
Ma gloire et mon amour ont pour moi tant d'appas
Que je meurs, s'il s'achève ou ne s'achève pas.

LÉONOR.

Madame, après cela je n'ai rien à vous dire,
Sinon que de vos maux avec vous je soupire :
Je vous blâmais tantôt, je vous plains à présent,
Mais, puisque dans un mal si doux et si cuisant.
Votre vertu combat et son charme et sa force,
En repousse l'assaut, en rejette l'amorce,
Elle rendra le calme à vos esprits flottants.
Espérez donc tout d'elle et du secours du temps,
Espérez tout du Ciel : il a trop de justice
Pour laisser la vertu dans un si long supplice.

L'INFANTE.

Ma plus douce espérance est de perdre l'espoir

LE PAGE.

Par vos commandements Chimène vous vient voir.

L'INFANTE *à Léonor*

Allez l'entretenir en cette galerie

LÉONOR.

Voulez-vous demeurer dedans la rêverie ?

L'INFANTE.

Non, je veux seule rester, malgré mon déplaisir,
Remettre mon visage un peu plus à loisir.
Je vous suis. Juste Ciel, d'où j'attends mon remède,
Mets enfin quelque borne au mal qui me possède.
Assure mon repos, assure mon honneur :

ta không dám mong rằng nhờ đó n
sẽ được khoan-khoái trong lòng; m
bên là danh-dự, một bên là ái-tìn
hai bên ta cùng ham-muốn cả, nên d
cuộc nhân-duyên kia thành hay là khô
thành, ta cũng đến chết mà thôi.

LIỄU-NƯƠNG

Thưa bà, bà đã nói thế thời c
không còn nói sao được nữa, c
xin cùng bà than-thở nỗi đau-phiề
mới rồi con có trách bà, nay con l
ái-ngại cho bà. Nhưng ái-tình là một c
bệnh êm-đềm mà đau-đớn, có phong-th
ma có mãnh-lực, bà đã đem tấm lò
kiên-trinh để chống-đối lại, b
cái sức mạnh, rẫy cái vẻ thú của n
thời con chắc sớm trưa bà cũng s
được nguôi lòng. Xin bà cứ chắc
lòng kiên-trinh ấy, mà mong đợi
thời-giờ, chóng cậy ở Hoàng-Thiên
Hoàng-Thiên là đấng chí-công, khôn
có lẽ để cho kẻ trinh-tiết phải riê
chịu nỗi đắng-cay.

CÔNG-CHÚA

Ta chỉ hi-vọng cho được tuyệt-vọ
mà thôi.

TIỂU-ĐỒNG *vào*

Bẩm bà, Chi-miên tiểu-thư đã vâ
lệnh bà đến kia ạ.

CÔNG-CHÚA *bảo Liễu-nương*

Mi ra tiếp tiểu-thư vào nhà hành
lang kia.

LIỄU-NƯƠNG

Vậy bà cứ đứng đây mà ủ-dột mãi sao

CÔNG-CHÚA

Không, mặt ta đương buồn-rầu, t
chỉ đứng lại để chỉnh-dung một chú
mà thôi, rồi ta theo mi đây. Ôi! Hoàng-
Thiên là đấng chí-công, xin người cứ
cho tôi, xin người hạn-chế cái phiền-
não nó đang làm khổ tôi, xin ngườ

Dans le bonheur d'autrui, je cherche mon bonheur :
Cet hyménée à trois également importe ;
Rends son effet plus prompt, ou mon âme plus forte :
D'un lien conjugal joindre ces deux amants,
C'est briser tous mes fers et finir mes tourments.
Mais je tarde un peu trop ; allons trouver Chiméne,
Et par son entretien soulager notre peine.

Scène III

LE COMTE, D. DIÈGUE

LE COMTE.

Enfin, vous l'emportez, et la faveur du Roi
Vous élève en un rang qui n'était dû qu'à moi :
Il vous fait gouverneur du Prince de Castille.

D. DIÈGUE.

Cette marque d'honneur qu'il met dans ma famille
Montre à tous qu'il est juste, et fait connaître assez
Qu'il sait récompenser les services passés.

LE COMTE.

Pour grands que soient les rois, ils sont ce que nous sommes :
Ils peuvent se tromper comme les autres hommes ;
Et ce choix sert de preuve à tous les courtisans
Qu'ils savent mal payer les services présents.

D. DIEGUE.

Ne parlons plus d'un choix dont votre esprit s'irrite.
La faveur l'a pu faire autant que le mérite ;
Mais on doit ce respect au pouvoir absolu,
De n'examiner rien quand un roi l'a voulu.

cho tôi được yên-ổn trong lòng, xin người giữ cho cái danh-dự tôi được toàn-vẹn. Tôi tìm cái hạnh-phúc của tôi ở trong hạnh-phúc của kẻ khác ; cuộc nhân-duyên này đều có quan-hệ cả cho ba người ; xin cầu Trời kết cho chóng thành, hoặc khiến cho lòng tôi được kiên-nhẫn hơn : hễ hai người được kết duyên Tần-Tấn thời tôi đây được hết nỗi đau-phiền. Nhưng mà ta đứng lại đã hơi lâu rồi ; âu là ta ra tiếp Chi-miên, để nghe chuyện cho đỡ phiền.

Kịch thứ III

BÁ-TƯỚC, ĐÔNG ĐỊCH-YẾT

BÁ-TƯỚC

Thôi, thế là ông được ; chức trọng ấy đáng lẽ về tôi mới là phải, nay nhờ ơn riêng của Hoàng-thượng mà ông được : Hoàng-thượng cho ông làm phụ-đạo Thái-tử.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Hoàng-thượng ban cho nhà tôi cái danh-dự ấy đủ chứng là ngài rất công bằng, và tỏ rằng ngài biết thưởng những kẻ đã có công-lao với nhà-nước.

BÁ-TƯỚC

Vua-chúa cho dẫu cao-quí cũng là người như mình, cũng có khi lầm-lẫn như người thường chớ sao ; cứ xem cái cách chọn người như thế thời đủ chứng cho những kẻ nịnh-thần biết rằng vua chúa không biết đền công cho người có công-lao hiện bây giờ.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Thôi ta đừng nói đến cái việc kén chọn ấy nữa mà ông không bằng lòng. Thôi thì cho là ơn vua cũng có mà công tôi cũng có, hai phần bằng nhau ; nhưng ở dưới quyền chuyên-chế, ta phải kính-trọng đấng quân-vương, Vua đã quyết-định thế nào ta không nên bình-phẩm.

A l'honneur qu'il m'a fait ajoutez-en un autre,
Joignons d'un sacré nœud ma maison à la vôtre
Vous n'avez qu'une fille, et moi je n'ai qu'un fils.
Leur hymen peut nous rendre à jamais plus qu'amis ;
Faites-nous cette grâce, et l'acceptez pour gendre.

LE COMTE

A des partis plus hauts ce beau fils doit prétendre.
Et le nouvel éclat de votre dignité
Lui doit enfler le cœur d'une autre vanité.
Exercez-la, Monsieur, et gouvernez le Prince,
Montrez-lui comme il faut régir une province,
Faire trembler partout les peuples sous la loi;
Remplir les bons d'amour et les méchants d'effroi ;
Joignez à ces vertus celles d'un capitaine :
Montrez-lui comme il faut s'endurcir à la peine,
Dans le métier de Mars se rendre sans égal,
Passer les jours entiers et les nuits à cheval,
Reposer tout armé, forcer une muraille,
Et ne devoir qu'à soi le gain d'une bataille.
Instruisez-le d'exemple, et rendez-le parfait,
Expliquant à ses yeux vos leçons par l'effet.

D. DIÉGUE

Pour s'instruire d'exemple, en dépit de l'envie,
Il lira seulement l'histoire de ma vie.
Là, dans un long tissu de belles actions,
Il verra comme il faut dompter des nations,
Attaquer une place, ordonner une armée,
Et sur de grands exploits bâtir sa renommée.

Nay vua đã ban cho tôi cái danh-dự này, tôi lại muốn xin ông một cái danh-dự nữa, là xin ông cho nhà tôi được làm thông-gia với nhà ông: ông chỉ có một con gái, tôi chỉ có một con trai, ta đem hai đứa kết duyên với nhau thời đôi ta được bạn-bè mãi mãi ; xin ông có bụng yêu tôi mà nhận cho cháu làm con rể.

BÁ-TƯỚC

Ngài nên cầu cho lệnh-lang những nơi xứng-đáng hơn mới phải, bây giờ ngài đã thêm chức trọng quyền cao như thế này, chắc lệnh-lang còn hi-vọng to-tát hơn. Xin ngài ra tay mà đảm-đương lấy quyền chức ấy, ngài dạy dỗ cho Hoàng-tử, chỉ bảo cho cách cai-trị một châu-quận thế nào làm thế nào cho đâu đâu nhân-dân cũng phải khiếp sợ quyền phép, cho người hiền có lòng yêu-mến, cho kẻ ác đem tâm kinh sợ ; ngoài những đức tốt ấy lại phải có cái tài lành nhà võ-tướng : ngài chỉ bảo cho Hoàng-tử biết phải lao-cần nhẫn-nại thế nào, trong nghề võ phải làm thế nào cho vô-địch, phải ngày ngày đêm đêm ngồi trên yên ngựa, nằm ngủ cũng không cởi võ-trang, lại phải làm thế nào cho phá được thành-quách, khiến cho chỉ một tay mình mà nên được chiến-thắng. Ngài làm gương cho Hoàng-tử theo, dạy cho Hoàng-tử nên bậc toàn-tài, lấy việc hiển-nhiên mà chứng-giải cho rõ hiểu.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Hoặc có kẻ ghen ghét mặc dầu, Hoàng-tử muốn noi gương mà theo, cứ đọc ngay lịch-sử một đời tôi là đủ. Đời tôi có thiếu gì những công-nghiệp hiển-hách, coi đó đủ biết phải trị nước thế nào, phải phá thành làm sao, làm thế nào mà thống-lĩnh một đoàn binh, làm thế nào mà lập công nên danh-vọng.

LE COMTE

Les exemples vivants sont d'un autre pouvoir:
Un prince dans un livre apprend mal son devoir.
Et qu'a fait après tout ce grand nombre d'années
Que ne puisse égaler une de mes journées ?
Si vous fûtes vaillant, je le suis aujourd'hui.
Et ce bras du Royaume est le plus ferme appui.
Grenade et l'Aragon tremblent quand ce fer brille,
Mon nom sert de rempart à toute la Castille:
Sans moi vous passeriez bientôt sous d'autres lois,
Et vous auriez bientôt vos ennemis pour rois
Chaque jour, chaque instant, pour rehausser ma gloire,
Mes lauriers sur lauriers, victoire sur victoire:
Le prince à mes côtés ferait dans les combats
L'essai de son courage à l'ombre de mon bras,
Il apprendrait à vaincre en me regardant faire,
Et, pour répondre en hâte à son grand caractère,
Il verrait...

D. DIÈGUE.

Je le sais, vous servez bien le Roi :
Je vous ai vu combattre et commander sous moi.
Quand l'âge dans mes nerfs a fait couler sa glace,
Votre rare valeur a bien rempli ma place ;
Enfin, pour épargner les discours superflus,
Vous êtes aujourd'hui ce qu'autrefois je fus.
Vous voyez toutefois qu'en cette concurrence
Un monarque entre nous met quelque différence

LE COMTE.

Ce que je méritais, vous l'avez emporté.

BÁ-TƯỚC

Lấy những việc hiển-hiện ngay bây giờ mà làm gương mới là có công-hiệu, một ông hoàng chỉ học ở trong sách thôi thời không sao biết được bổn-phận. Còn ông kể những công-lao ông trong bao nhiêu năm, thời thử xét xem có cái công gì là trong một ngày mà tôi không làm nổi không? Xưa ông là người dũng-cảm, nay tôi có kém chi ông. Cái tay này là lương-đống cho Quốc-gia. Thành Gơ-nát, thành A-gông những trông thấy tấc gươm sáng-quắc này mà phải run-sợ. Uy-danh tôi đủ làm thành-quách cho đất Cát-ti: không có tôi thời chẳng bao lâu ông cũng đến phải theo quyền-phép kẻ khác, chẳng bao lâu những kẻ cừu-địch ông sẽ lên làm vua ông. Mỗi một ngày, mỗi một giờ lại thêm cho tôi một cái võ-công, một cái chiến-tích mới, mà danh-vọng tôi càng ngày càng cao. Hoàng-tử theo-đòi tôi thời được nhờ tay tôi che-chở ra xông-pha nơi chiến-trận mà thử nghiệm cái sức gan. Muốn tập cái tài thiện-thắng, cứ trông ngay tôi đánh trận, và cho được mau thành cái tư-cách kẻ lớn, cứ nhìn ngay...

Đ. ĐỊCH-YẾT

Tôi biết, tôi biết ông có công với nhà vua : tôi đã được trông ông cầm quân đánh giặc dưới quyền tôi. Từ khi tôi tuổi già mình yếu, thời ông đã đem cái tài-cán phi-thường mà thay tôi được xứng-đáng. Thôi, chẳng phải nói dài lời làm chi, tôi xưa thế nào thì ông nay thế nấy, song xét trong việc tranh cạnh này thì biết quân-vương đãi hai người cũng có khác một chút.

BÁ-TƯỚC

Chức ấy đáng về tôi, ông tranh cướp của tôi.

D. DIÈGUE.

Qui l'a gagné sur vous l'avait mieux mérité.

LE COMTE.

Qui peut mieux l'exercer en est bien le plus digne.

D. DIÈGUE

En être refusé n'en est pas un bon signe.

LE COMTE.

Vous l'avez eu par brigue, étant vieux courtisan.

D. DIÈGUE.

L'éclat de mes hauts faits fut mon seul partisan.

LE COMTE.

Parlons-en mieux: le Roi fait honneur à votre âge.

D. DIÈGUE.

Le Roi, quand il en fait, le mesure au courage.

LE COMTE.

Et par là cet honneur n'était dû qu'à mon bras.

D. DIÈGUE.

Qui n'a pu l'obtenir ne le méritait pas.

LE COMTE.

Ne le méritait pas ! moi ?

D. DIÈGUE.

Vous.

LE COMTE,

Ton impudence,
Téméraire vieillard, aura sa récompense.

(Il lui donne un soufflet.)

D. DIÈGUE *mettant l'épée à la main.*

Achève et prends ma vie après un tel affront,
Le premier dont ma race ait vu rougir son front.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Ai được là người ấy đáng hơn ông.

BÁ-TƯỚC

Ai có tài làm xứng-chức mới là người ấy đáng.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Bị gạt ra ngoài không phải là cái triệu tốt.

BÁ-TƯỚC

Ông là kẻ nịnh-thần già, ông yêu-hãnh mà được.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Chỉ vì tôi có công hiến-hách tôi mới được.

BÁ-TƯỚC

Nói cho phải, Vua biệt-đãi ông là vì tuổi ông già.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Vua biệt-đãi tôi là vì tài tôi cao.

BÁ-TƯỚC

Nếu vậy thời tôi được mới là đáng.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Ai không được là người ấy không đáng.

BÁ-TƯỚC

Không đáng ! Tôi không đáng, à ?

Đ. ĐỊCH-YẾT

Ông.

BÁ-TƯỚC

Lão-già này cả gan thật, phải trị cho mi mất ngạo-mạn.

(Bá-tước đơ tay tát Đ. Địch-yết)

Đ. ĐỊCH-YẾT *cầm gươm ra tay*

May làm nhục tao, mày giết tao đi luôn thể. Giòng-giống tao không bao

LE COMTE

Et que penses-tu faire avec tant de faiblesse ?

D. DIÈGUE

O Dieu ! ma force usée en ce b soin me laisse!

LE COMTE

Ton épée est à moi, mais tu serais trop vain
Si ce honteux trophée avait chargé ma main.
Adieu, fais lire au Prince, en depit de l'envie,
Pour son instruction l'histoire de ta vie :
D'un insolent discours ce juste châtiment
Ne lui servira pas d'un petit ornement.

Scène IV

D. DIÈGUE

O rage ! ô désespoir ! ô vieillesse ennemie !
N'ai-je donc tant vécu que pour cette infamie,
Et ne suis-je blanchi dans les travaux guerriers
Que pour voir en un jour flétrir tant de lauriers?
Mon bras, qu'avec respect toute l'Espagne admire,
Mon bras qui tant de fois a sauvé cet empire,
Tant de fois affermi le trône de son Roi,
Trahit donc ma querelle, et ne fait rien pour moi!
O cruel souvenir de ma gloire passée !
Œuvre de tant de jours en un jour effacée !
Nouvelle dignité fatale à mon bonheur !
Précipice élevé d'où tombe mon honneur !
Faut-il de votre éclat voir triompher le comte,
Et mourir sans vengeance, ou vivre dans la honte ?
Comte, sois de mon Prince à présent gouverneur:
Ce haut rang n'admet point un homme sans honneur.

BÁ-TƯỚC

Người hèn thế còn làm gì được ?

Đ. ĐỊCH-YẾT

Trời ôi ! sức già bây giờ đi đâu mất cả rồi !

BÁ-TƯỚC.

Gươm mi vào tay ta, nhưng mà ta giết mi bằng cái khí-giới hèn này thời hổ cho mi quá. Thôi ta từ-biệt, mi về nhà mà dạy lấy Hoàng-tử, hoặc có kẻ ghen-ghét mặc dầu, nên đem cái lịch-sử đời mi cho Hoàng-tử đọc ; nói-năng ngạo-mạn thời phải trừng-trị đích-đáng như thế, đó cũng là để tô-điểm thêm cho cái lịch-sử của mi.

Kịch thứ IV

Đ. ĐỊCH-YẾT

Tức-tối thay ! Cực-khổ thay ! Khốc-hại thay là cái tuổi già ! Vậy ra ta sống bao nhiêu năm để mà chịu lấy cái nhục này sao ? Ta bạc đầu trong áng võ-công để cho bao nhiêu công-lao bấy lâu nay trong một ngày bi rầy-séo hay sao ? Cái tay này cả đất Tây-ban-nha trọng-vọng, cái tay này đã mấy mươi phen cứu cho nước khỏi mất, giữ cho vua bền ngôi, nay gặp sự chiến-đấu riêng của mình thời nó bỏ mình, nó không giúp mình được tí gì ! Ôi ! nghĩ đến cái vinh-dự hồi xưa mà đau-đớn thay ! Thật là công-nghiệp mấy mươi năm bị một ngày sóa toẹt ! Đeo thêm lấy quyền-chức làm chi để hại cho đường hạnh-phúc ! Khác nào như mang cái danh-dự mà ném xuống dưới vực sâu ! Bây giờ làm thế nào : để cho Bá-tước nó thắng-thế lộng-quyền mà đành chết đi không trả thù, hay là cố sống lấy để chịu nhục ? Bá-tước, bây giờ mi ra mà chịu lấy chức phụ-đạo cho Hoàng-tử ta : chức

Et ton jaloux orgueil, par cet affront insigne,
Malgré le choix du Roi, m'en a su rendre indigne.
Et toi, de mes exploits glorieux instrument,
Mais d'un corps tout de glace inutile ornement,
Fer, jadis tant à craindre, et qui dans cette offense
M'as servi de parade, et non pas de défense,
Va, quitte désormais le dernier des humains,
Passe pour me venger en de meilleures mains.

Scène V

D. DIÈGUE, D. RODRIGUE

D. Diègue

Rodrigue, as-tu du cœur ?

D. Rodrigue

Tout autre que mon père
L'éprouverait sur l'heure.

D. Diègue

Agréable colère !
Digne ressentiment à ma douleur bien doux !
je reconnais mon sang à ce noble courroux :
Ma jeunesse revit en cette ardeur si prompte.
Viens, mon fils, viens, mon sang, viens réparer ma honte.
Viens me venger.

D. Rodrigue.

De quoi ?

D. Diègue.

D'un affront si cruel
Qu'à l'honneur de tous deux il porte un coup mortel :
D'un soufflet. L'insolent en eût perdu la vie,

cao-trọng này không thể dung được một kẻ đã mất danh-dự. Vì mi kiêu-căng ghen-ghét, mi làm nhục ta một cách thậm-tệ như thế, nên tuy Hoàng-thượng đã kén chọn ta mà mi làm cho ta không xứng-đáng nữa rồi. Còn thanh gươm này, xưa mày là cái khí-giới vẻ-vang cho những công-trạng hiển-hách của tao, bây giờ mày làm một đồ trang-sức vô-ích cho cái thân già yếu nay, xưa kia thiên-hạ khiếp-sợ mày biết bao, bây giờ gặp kẻ nó vũ-nhục tao mày chỉ là một cái vật để khoa-diệu xăng, mà không thể hộ-vệ được cho tao; thôi mày đi đi, mày bỏ cái con người hèn-mạt này mà sang tay khác xứng-đáng hơn để trả thù cho tao.

Kịch thứ V

Đ. ĐỊCH-YẾT — Đ. LỘ-ĐỊCH

Đ. Địch-yết

Lộ-địch hỡi con, con có bụng khẳng-khái không, con ?

Đ. Lộ-địch

Thưa cha, phỏng-thử người khác hỏi thời con ra tay cho biết tức-thì.

Đ. Địch-yết

Cái nộ-khí hay thay ! Lòng tức-giận kia thật là êm-ái cho sự đau-đớn này ! Khí-khái như vậy mới thật là huyết-tính của ta : trông con hăng-hái, mà hồi-tưởng xưa cha thiếu-thời. Lại đây con, lại đây, con là máu-mủ của cha, con rửa nhục cho cha, con trả thù cho cha, hỡi con !

Đ. Lộ-địch

Thù gì, thưa cha ?

Đ. Địch-yết

Thù này là cái thù độc-ác thay, nó phá-hoại cả danh-dự cha con ta : cha vừa bị đứa ngỗ-nghịch dám đương tay tát cha. Cha muốn giết cho nó chết

Mais mon âge a trompé ma généreuse envie,
Et ce fer, que mon bras ne peut plus soutenir,
Je le remets au tien pour venger et punir.
Va contre un arrogant éprouver ton courage :
Ce n'est que dans le sang qu'on lave un tel outrage ;
Meurs, ou tue. Au surplus, pour ne te point flatter,
Je te donne à combattre un homme à redouter.
Je l'ai vu, tout couvert de sang et de poussière,
Porter partout l'effroi dans une armée entière;
J'ai vu par sa valeur cent escadrons rompus,
Et, pour t'en dire encor quelque chose de plus,
Plus que brave soldat, plus que grand capitaine:
C'est...

D. RODRIGUE

De grâce, achevez.

D. DIÈGUE

Le père de Chimène.

D. RODRIGUE

Le...

D. DIÈGUE

Ne réplique point, je connais ton amour:
Mais qui peut vivre infâme est indigne du jour;
Plus l'offenseur est cher, et plus grande est l'offense.
Enfin tu sais l'affront, et tu tiens la vengeance,
Je ne te dis plus rien ; venge-moi, venge-toi,
Montre-toi digne fils d'un père tel que moi ;
Accablé des malheurs où le destin me range,
Je vais les déplorer ; va, cours, vole et nous venge.

ngay tức-thì, nhưng tuổi già không sao đánh được, tay yếu không cầm nổi thanh gươm này, vậy trao cho con để con trả thù, con trị tội thay cha. Con ra sức can-đảm mà trị cho kẻ hung-ngạo biết tay: nhục này phải đến lưu-huyết mới rửa cho sạch được. Chỉ có một là chết, hai là giết mà thôi. Vả lại, không phải là cha tâng-bốc con, nhưng cái người cha để cho con ra quyết-đấu này là một tay cũng đáng ghê. Cha đã từng trông thấy hắn máu bụi đầy người mà uy-hùng lẫm-liệt, làm cho cả một quân-đoàn phải thất-đảm ; lại từng trông thấy trăm đội kỵ-binh vì một tay hắn mà bị phá tan-tành. Ta nói thêm cho con biết, người này hơn một tay võ-sĩ, hơn một bậc tướng tài ; người này là.....

Đ. LỘ-ĐỊCH

Con xin cha cứ nói nốt.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Là cha nàng Chi-miên.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Là...

Đ. ĐỊCH-YẾT

Con không phải nói lại, ta biết cái ái-tình của con. Nhưng kẻ nào chịu sống nhục là kẻ ấy không đáng sống. Người thù càng là người thân, cái thù lại càng thêm nặng. Thôi thì con đã biết cái nhục như thế, mà sự trả thù là ở trong tay con, ta không phải bảo con gì nữa ; con trả thù cho cha, con trả thù cho con, con phải tỏ ra xứng-đáng làm con một người như cha. Ta nay gặp phải hồi đen, mắc cơn bĩ-khổ, ta chỉ còn ngồi mà than-thở một mình; con đi đi, con chạy ra, mau-mau mà trả thù cho đội ta.

Scène VI

D. Rodrigue

Perce jusques au fond du cœur
D'une atteinte imprévue aussi bien que mortelle,

Misérable vengeur d'une juste querelle,
Et malheureux objet d'une injuste rigueur,
Je demeure immobile, et mon âme abattue
Cède au coup qui me tue.
Si près de voir mon feu récompensé,
O Dieu ! l'étrange peine !
En cet affront mon père est l'offense,
Et l'offenseur le père de Chimène !

Que je sens de rudes combats !
Contre mon propre honneur mon amour s'intéresse :
Il faut venger un père, et perdre une maîtresse;
L'un m'anime le cœur, l'autre retient mon bras.
Réduit au triste choix, ou de trahir ma flamme,
Ou de vivre en infâme.
Des deux côtés mon mal est infini.
O Dieu ! l'étrange peine !
Faut-il laisser un affront impuni ?
Faut-il punir le père de Chimène ?

Père, maîtresse, honneur, amour,
Noble et dure contrainte, aimable tyrannie,
Tous mes plaisirs sont morts, ou ma gloire ternie :
L'un me rend malheureux, l'autre indigne du jour.
Cher et cruel espoir d'une âme généreuse,
Mais ensemble amoureuse,
Digne ennemi de mon plus grand bonheur,
Fer, qui causes ma peine,
M'es-tu donné pour venger mon honneur ?
M'es-tu donné pour perdre ma Chimène ?

Il vaut mieux courir au trépas ;
Je dois à ma maîtresse aussi bien qu'à mon père ;
J'attire en me vengeant sa haine et sa colère,

Kịch thứ VI

Đ. Lộ-địch

Sự đâu như sét đánh rụng-rờ
tin đâu như tên bắn rã-rời tâm-can! Vì
thù này là việc đáng, mà khốn thì
cho ta phải cáng-đáng ! Khốc-hại thì
là cái cảnh-ngộ nó bắt ta phải chị
khổ ! Người tôi như tê như điến
đành dem tâm-hồn tiều-tụy mà chị
lấy cái khổ tiêu-hồn. Cuộc tình-duyê
gần đến ngày tròn-vẹn, bỗng đâu gặ
phải nông-nỗi này. Trời ôi ! khổ bi
bao ! Trong cái nhục này cha tôi
người bị nhục, mà kẻ làm nhục lại
cha nàng Chi-miên !

Lòng tôi quẩn-quại biết bao ! Mộ
bên là danh-dự, một bên là ái-tình
ái-tình muốn chống lại với danh-dự
trả thù cho phụ-thân thời mất kẻ tình
nhân ; một bên xui-giục cho lòng tô
hăng-hái, một bên ngăn-cầm cho ta
tôi không nỡ. Khốn cho tôi, hai bê
tôi phải quyết chọn lấy bên nào ; mộ
là phụ tình, hai là sống nhục, bên nào
cái khốn cũng vô-cực. Trời ôi ! khổ
biết bao ! Có nên để nhục mà
không trị không ? Có nên trị cha nàng
Chi-miên không ?

Phụ-thân với tình-nhân, danh-dự
với ái-tình, một bên là cái cường-
quyền nghiêm-khắc mà cao-thượng,
một bên là cái áp-lực khả-ái thay, theo
bên nọ thời sự khoái-lạc tiêu hết, theo
bên kia thời cái danh-dự truỵ-lạc. Ôi
thanh gươm này, mày là cái hi-vọng
thân-thiết mà ác-nghiệt của một kẻ
vừa khẳng-khái mà lại vừa đa-tình,
mày làm cho ta khốn-khổ, vậy thử
mày định trả thù cho danh-dự ta,
hay là làm mất kẻ tình-nhân ta ?

Nên chết đi là hơn cả ; nợ tình nợ
hiếu hai bên cũng nặng bằng nhau.
Tôi trả thù thời người yêu chắc đem
lòng oán giận, không trả thù thời người

J'attire ses mépris en ne me vengeant pas.
A mon plus doux espoir l'un me rend infidèle,
Et l'autre indigne d'elle ;
Mon mal augmente à le vouloir guérir,
Tout redouble ma peine :
Allons, mon âme, et, puisqu'il faut mourir,
Mourons du moins sans offenser Chimène.

Mourir sans tirer ma raison !
Rechercher un trépas si mortel à ma gloire !
Endurer que l'Espagne impute à ma mémoire
D'avoir mal soutenu l'honneur de ma maison !
Respecter un amour dont mon âme égarée
Voit la perte assurée !
N'écoutons plus ce penser suborneur
Qui ne sert qu'à ma peine :
Allons, mon bras, sauvons du moins l'honneur,
Puisqu'après tout il faut perdre Chimène.

Oui, mon esprit s'était déçu :
Je dois tout à mon père avant qu'à ma maîtresse ;
Que je meure au combat, ou meure de tristesse,
Je rendrai mon sang pur, comme je l'ai reçu
Je m'accuse déjà de trop de négligence.
Courons à la vengeance,
Et, tout honteux d'avoir tant balancé,
Ne soyons plus en peine
(Puisqu'aujourd'hui mon père est l'offensé)
Si l'offenseur est père de Chimène.

Fin du premier acte

ACTE II

Scène Première

D. ARIAS, LE COMTE

LE COMTE

Je l'avoue entre nous, mon sang, un peu trop chaud,
S'est trop ému d'un mot, et l'a porté trop haut,
Mais, puisque c'en est fait, le coup est sans remède.

yêu cũng khinh-bỉ. Người yêu oán giận thời hại mất cái hi-vọng rất êm-ái ở trong lòng, người yêu khinh-bỉ thời mình còn xứng-đáng chi nữa. Cái đau-đớn của tôi càng muốn chữa nó lại càng tăng lên, chỉ đủ làm cho tôi thêm khổ : thôi tấm lòng ta ôi ! đã đành chết thời thà ta chết mà đừng làm phiền lòng Chi-miên còn hơn.

Nhưng chịu chết mà không tỏ được lẽ phải ư ? Chết mà để hại cho danh-dự ư ? Chết mà chịu để cho nước Tây-ban-nha trách được vong-linh ta rằng không biết giữ cho danh-dự nhà ta ư? Tấm lòng ta mờ-hoặc đã biết rằng cuộc ái-tình tất hỏng mất mà vẫn cứ khư-khư giữ cái ái-tình mãi ư ? Thôi, ta đừng theo cái tư-tưởng cám-dỗ ấy làm chi, nó chỉ thêm phiền-não cho ta mà thôi. Tay ta đâu, nên ra mà cứu lấy danh-dự vậy, vì dẫu thế nào ta cũng phải đến mất Chi-miên mà thôi.

Phải, ta nghĩ vừa rồi là lầm : nợ hiếu còn nặng hơn nợ tình nhiều ; dù ta chết trong khi quyết-đấu hay chết vì nỗi buồn-rầu, máu ta lúc chết phải trong-sạch như khi cha mẹ truyền cho. Ta chậm-trễ thế này đã là có tội lắm rồi. Nên mau-mau ra báo thù, do-dự như thế đã là xấu-hổ lắm rồi, chẳng nên phiền lòng làm chi rằng kẻ làm nhục là cha nàng Chi-miên, vì người bị nhục chính là cha ta.

Hết hồi thứ nhất

HỒI THỨ NHÌ

Kịch thứ nhất

ĐÔNG A-LIỆT, BÁ-TƯỚC

BÁ-TƯỚC

Tôi thú riêng với ông, tôi khi nóng tiết quá, chỉ vì một câu nói mà nổi giận lên, gây thành ra một việc to, nhưng đã quá tay mất rồi còn làm sao được.

D. ARIAS

Qu'aux volontés du Roi ce grand courage cède,
Il y prend grande part, et son cœur irrité
Agira contre vous de pleine autorité.
Aussi vous n'aurez point de valable défense,
Le rang de l'offensé, la grandeur de l'offense
Demandent des devoirs et des submissions,
Qui passent le commun des satisfactions.

LE COMTE

Le Roi peut à son gré disposer de ma vie.

D. ARIAS

De trop d'emportement votre faute est suivie.
Le Roi vous aime encore, apaisez son courroux;
Il a dit : *Je le veux*. Désobéirez-vous ?

LE COMTE

Monsieur, pour conserver tout ce que j'ai d'estime,
Désobéir un peu n'est pas un si grand crime.
Et, quelque grand qu'il soit, mes services présents
Pour le faire abolir sont plus que suffisants.

D. ARIAS

Quoi qu'on fasse d'illustre et de considérable,
Jamais à son sujet un Roi n'est redevable :
Vous vous flattez beaucoup, et vous devez savoir
Que qui sert bien son Roi ne fait que son devoir.
Vous vous perdrez, Monsieur, sur cette confiance.

LE COMTE

Je ne vous croirai qu'après l'expérience.

D. ARIAS

Vous devez redouter la puissance d'un Roi

ĐÔNG A-LIỆT

Xin ngài chịu vâng theo ý-hướng của Hoàng-thượng, Hoàng-thượng xem ra bất-bình lắm, e quá giận mà ra oai trị ngài chăng. Vả ngài cũng không có lẽ gì chánh-đáng mà chống-chế được. Người bị nhục là một bậc đại-thần, sự lăng-nhục lại thậm-tệ quá, phải khiêm-nhường nhũn-nhặn lắm, chớ không ủy-lạo qua-loa mà được.

BÁ-TƯỚC

Tùy-ý Hoàng-thượng muốn giết tôi thì giết.

ĐÔNG A-LIỆT

Ngài đã có lỗi mà ngài vẫn nóng tính quá. Hoàng-thượng còn có bụng thương ngài : ngài nên dẹp cho Hoàng-thượng nguôi cơn giận. Hoàng-thượng đã nói : *Ta muốn như thế*. Thế ngài định không vâng lời hay sao?

BÁ-TƯỚC

Thưa ông, muốn giữ cho trọn cái danh-giá của tôi, không vâng lời một chút cũng không phạm-tội gì. Mà cho dầu phạm-tội to nữa, những công-lao tôi bây giờ tưởng cũng thừa đủ để mà tiêu cái tội ấy được.

ĐÔNG A-LIỆT

Kẻ bầy-tôi dầu làm nên công-trạng hiển-hách thế nào cũng không thể kể ơn với Vua được. Ngài tự-cao tự-đại quá, ngài phải biết rằng phò vua nên công, chẳng qua là làm việc bổn-phận mà thôi. Thưa ngài, ngài tự-tin quá thế, có ngày thiệt hại cho ngài.

BÁ-TƯỚC

Bao giờ thế thật tôi sẽ tin ông.

Đ. A-LIỆT

Ngài phải sợ cái oai-quyền đấng quân-vương.

LE COMTE

Un jour seul ne perd pas un homme tel que moi ;
Que toute sa grandeur s'arme pour mon supplice,
Tout l'Etat périra, s'il faut que je périsse.

D. ARIAS

Quoi ? vous craignez si peu le pouvoir souverain...

LE COMTE

D'un sceptre qui sans moi tomberait de sa main.
Il a trop d'intérêt lui-même en ma personne,
Et ma tête en tombant ferait choir sa couronne.

D. ARIAS

Souffrez que la raison remette vos esprits.
Prenez un bon conseil.

LE COMTE

Le conseil en est pris.

D. ARIAS

Que lui dirai-je enfin ? Je lui dois rendre compte.

LE COMTE

Que je ne puis du tout consentir à ma honte.

D. ARIAS

Mais songez que les rois veulent être absolus.

LE COMTE

Le sort en est jeté, Monsieur, n'en parlons plus.

D. ARIAS

Adieu donc, puisqu'en vain je tâche à vous résoudre.
Avec tous vos lauriers craignez encore le foudre.

LE COMTE

Je l'attendrai sans peur.

BÁ-TƯỚC

Một ngày không thể làm hại được một người như tôi : Hoàng-thượng cứ đem cả oai-quyền mà hành-tội tôi. Tôi mà chết thời cả Quốc-gia phải đổ.

Đ. A-LIỆT

Vậy ru? Thế ra ngài coi thường quyền chúa-tể thật....

BÁ-TƯỚC

Chúa-tể không có tôi thời cũng mất ngôi, Chúa-tể còn phải trông-cậy ở tôi lắm. Tôi mà mất đầu thì Hoàng-thượng mất vị.

Đ. A-LIỆT

Xin ngài bình-tâm mà nghe lời phải chẳng. Tôi dám khuyên ngài một câu.

BÁ-TƯỚC

Ông khuyên tôi đã biết rồi.

Đ. ALIỆT

Tôi về nói với Hoàng-thượng thế nào được ? Tôi phải thuật cho Hoàng-thượng hay.

BÁ-TƯỚC

Rằng nhục cho tôi thì tôi không có chịu.

Đ. A-LIỆT

Nhưng ngài nên nghĩ lại, phàm vua chúa vẫn muốn nói sao phải nghe vậy.

BÁ-TƯỚC

Thưa ông, tôi đã quyết rồi, ta đừng nói làm chi nữa.

Đ. A-LIỆT

Vậy tôi xin từ-biệt ngài, vì tôi hết sức nói mà ngài không nghe. Ngài tuy công-lao đầy-rẫy, xin cũng sợ chút lôi-đình.

BÁ-TƯỚC

Tôi sẽ có gan chờ đợi.

D. ARIAS

Mais non pas sans effet.

LE COMTE

Nous verrons donc par là Don Diègue satisfait.

(Il est seul)

Qui ne craint point la mort ne craint point les menaces.
J'ai le cœur au dessus des plus fières disgrâces,
Et l'on peut me réduire à vivre sans bonheur,
Mais non pas me résoudre à vivre sans honneur.

Scène II

LE COMTE, D. RODRIGUE

D. RODRIGUE

A moi, Comte, deux mots.

LE COMTE

Parle.

D. RODRIGUE

Ote-moi d'un doute.
Connais-tu bien Don Diègue ?

LE COMTE

Oui.

D. RODRIGUE

Parlons bas, écoute.
Sais-tu que ce vieillard fut la même vertu,
La vaillance et l'honneur de son temps? le sais-tu?

LE COMTE

Peut-être.

D. RODRIGUE

Cette ardeur que dans les yeux je porte,
Sais-tu que c'est son sang ? le sais-tu ?

Đ. A-LIỆT

Ngài chờ-đợi có gan, nhưng chắc không phải là không có hiệu.

BÁ-TƯỚC

Nếu vậy thì Đông Địch-yết sẽ được thỏa lòng.

(Bá-tước đứng một mình)

Ai đã không sợ chết thời không có sợ dọa. Ta đây dẫu thất-sủng cũng không quan-tâm, người ta có thể bắt ta sống khổ mà không thể bắt ta sống nhục được.

Kịch thứ II

BÁ-TƯỚC, ĐÔNG LỘ-ĐỊCH

ĐÔNG LỘ-ĐỊCH

Bá-tước, lại đây hỏi một câu.

BÁ-TƯỚC

Mày nói đi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Mi phải trả lời cho ta khỏi sự hồ-nghi. Mi có biết Đông Địch-yết là ai không ?

BÁ-TƯỚC

Có.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Nói nhỏ chứ ; nghe đây. Mi có biết rằng bậc nguyên-lão ấy đương-thời là một người rất đạo-đức, rất dũng-cảm, rất danh-dự không ? Mi có biết hay không ?

BÁ-TƯỚC

Dễ thường cũng biết.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Cái khí hăng-hái trừng-trừng trong mắt ta đây, mi có biết rằng đấy là cái nhiệt-huyết của lão đó không ? Mi có biết hay không ?

LE COMTE

Que m'importe ?

D. RODRIGUE

A quatre pas d'ici, je te le fais savoir.

LE COMTE

Jeune présomptueux ?

D. RODRIGUE

Parle sans t'émouvoir.
Je suis jeune, il est vrai, mais aux âmes bien nées
La valeur n'attend point le nombre des années.

LE COMTE

Te mesurer à moi ! qui t'a rendu si vain,
Toi qu'on n'a jamais vu les armes à la main?

D. RODRIGUE

Mes pareils à deux fois ne se font point connaître,
Et pour leurs coups d'essai veulent des coups de maître.

LE COMTE

Sais-tu bien qui je suis ?

D. RODRIGUE

Oui, tout autre que moi
Au seul bruit de ton nom pourrait trembler d'effroi.
Les palmes dont je vois ta tête si couverte
Semblent porter écrit le destin de ma perte :
J'attaque en téméraire un bras toujours vainqueur ;
Mais j'aurai trop de force, ayant assez de cœur ;
A qui venge son père il n'est rien impossible ;
Ton bras est invaincu, mais non pas invincible.

LE COMTE

Ce grand cœur qui paraît aux discours que tu tiens.

BÁ-TƯỚC

Biết hay không thì làm gì ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Cách đây bốn bước, ta sẽ ra tay cho mi biết.

BÁ-TƯỚC

Con trẻ tự-phụ !

Đ. LỘ-ĐỊCH

Mi có gan cứ nói đi. Ta trẻ thật, nhưng phàm người lỗi-lạc cái giá-trị không phải đợi tuổi mới lộ ra.

BÁ-TƯỚC

Mày dám địch với tao à? chưa ai trông thấy mày cầm thanh gươm trên tay bao giờ, ai dạy cho mày hợm như thế ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Những kẻ như ta không có xuất-lộ ra hai lần, và ra tay thử chơi cũng thành nên thủ-đoạn.

BÁ-TƯỚC

Mày có biết rõ tao là ai không ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ta biết lắm, giá người khác thời những nghe thấy tên ngươi đã phải run sợ. Nhìn đầu ngươi đầy những huy-chương lộng-lẫy như đã biên rõ ra rằng ta địch với ngươi thời tất chết. Ta vẫn biết ra công-kích một tay thiện-thắng như ngươi là cả gan thật. Nhưng ta đã có lòng khẳng-khái, tất có sức quyết-địch. Kẻ trả thù cho cha thời không gì là không thể làm được. Tay ngươi là chưa ai địch nổi, chớ không phải không ai địch được.

BÁ-TƯỚC

Nghe lời mi nói rõ ra người khẳng-khái, trước kia mỗi lần nhìn mặt mi ta đã nhận biết rồi. Ta xét mi làm

Par tes yeux chaque jour se découvrait aux miens,
Et, croyant voir en toi l'honneur de la Castille,
Mon âme avec plaisir te destinait ma fille
Je sais ta passion, et suis ravi de voir
Que tous ses mouvements cèdent à ton devoir,
Qu'ils n'ont point affaibli cette ardeur magnanime.
Que ta haute vertu répond à mon estime,
Et que, voulant pour gendre un cavalier parfait
Je ne me trompais point au choix que j'avais fait

Mais je sens que pour toi ma pitié s'intéresse :
J'admire ton courage et je plains ta jeunesse.
Ne cherche point à faire un coup d'essai fatal,
Dispense ma valeur d'un combat inégal :
Trop peu d'honneur pour moi suivrait cette victoire :
A vaincre sans péril on triomphe sans gloire.
On te croirait toujours abattu sans effort,
Et j'aurais seulement le regret de ta mort

D. RODRIGUE

D'une indigne pitié ton audace est suivie :
Qui m'ose ôter l'honneur craint de m'ôter la vie !

LE COMTE

Retire-toi d ici.

D. RODRIGUE

Marchons sans discourir.

LE COMTE

Es-tu si las de vivre ?

D. RODRIGUE

As-tu peur de mourir ?

LE COMTE

Viens, tu fais ton devoir, et le fils dégénère
Qui survit un moment à l'honneur de son père.

vẻ-vang cho đất Cát-ti này, nên ta vẫn dẹp lòng muốn gả con gái ta cho mi. Ta biết mi có tình với con ta, và ta lại lấy làm khoái-trí trông thấy tình ấy phải nhường cho việc nghĩa-vụ của mi, không làm cho cái lòng hăng-hái cao-thượng của mi bị sút kém đi; đức cao của mi thực là xứng với lòng ta yêu-chuộng, và bụng ta vẫn cầu một kẻ võ-sĩ toàn-tài làm con rể thật ta kén chọn đã không lầm vậy. Nhưng ta xem bụng ta đã chạnh thương mi. Ta khen cái can-đảm của mi mà ta ái-ngại cho tuổi trẻ mi. Mi có muốn thử tài đừng nên thử một cách tai-hại như vậy ; mi đừng bắt ta phải đem cái tài bách-chiến mà ra quyết-đấu với mi, thật là không cân quá, ta đánh mi được cũng chẳng có danh-dự gì cho ta : đánh đã không nguy-hiểm thời thắng cũng không vinh-hiển. Dẫu ta đánh mi chết, người ta cũng cho là đánh không khó gì, mà ta thì chỉ thêm tiếc cho mi uổng mạng mà thôi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Ngươi đã cả gan, ngươi lại dám thương càn : kẻ nào dám làm mất danh-dự ta là sợ không dám giết ta;

BÁ-TƯỚC

Mày lui ra đi.

Đ. LỘ-ĐỊCH

Đi thì cùng đi, không cần phải nói dài lời.

BÁ-TƯỚC

Mày chán sống lắm sao ?

Đ. LỘ-ĐỊCH

Mày sợ chết hay sao ?

BÁ-TƯỚC

Được, lại đây, mày cũng là làm việc bổn-phận của mày ; làm con mà không biết liều chết để cứu danh-dự cho cha là con đốn thật.

Scène III

L'INFANTE, CHIMÈNE, LÉONOR

L'INFANTE

Apaise, ma Chimène, apaise ta douleur,
Fais agir ta constance en ce coup de malheur ;
Tu reverras le calme après ce faible orage :
Ton bonheur n'est couvert que d'un peu de nuage.
Et tu n'as rien perdu pour le voir différer

CHIMÈNE

Mon cœur, outré d'ennuis, n'ose rien espérer.
Un orage si prompt qui trouble une bonace,
D'un naufrage certain nous porte la menace ;
Je n'en saurais douter, je péris dans le port
J'aimais, j'étais aimée, et nos pères d'accord,
Et je vous en contais la charmante nouvelle
Au malheureux moment que naissait leur querelle.
Dont le récit fatal, sitôt qu'on vous l'a fait,
D'une si douce attente a ruiné l effet.
Maudite ambition, détestable manie,
Dont les plus généreux souffrent la tyrannie !
Honneur impitoyable à mes plus chers désirs,
Que tu me vas coûter de pleurs et de soupirs !

L'INFANTE

Tu n'as dans leur querelle aucun sujet de craindre :
Un moment l'a fait naître, un moment va l'éteindre ;
Elle a fait trop de bruit pour ne pas s'accorder,
Puisque déjà le Roi les veut accommoder,
Et tu sais que mon âme, à tes ennuis sensible,
Pour en tarir la source y fera l'impossible.

Kịch thứ III

CÔNG-CHÚA, CHI MIÊN, LIỄU-NƯƠNG

CÔNG-CHÚA

Chi-miên hỡi em, em nên nguôi cơn thảm, gặp lúc sự biến bất-kỳ, nên vững lòng can-đảm ; việc này cũng như cơn gió thoảng, xong rồi lại bình-tĩnh như thường. Cuộc hạnh-phúc của em như mới có chút mây mờ-ám, dẫu đình-hoãn lai ít lâu, cũng chẳng có thiệt-thòi gì.

CHI-MIÊN

Lòng tôi phiền-não quá chừng, không dám mong-mỏi gì nữa. Mặt bể đương phẳng-lặng, bỗng nổi cơn gió bão, có cái nguy đắm-đuối đến nơi. Tôi không còn nghi ngờ gì nữa, tôi bây giờ như người đương bị đắm trong cửa bể. Có người thương yêu tôi, tôi cũng thương yêu người, cha hai bên đã bằng lòng cả, vừa kể tin vui đề bà hay thì giữa lúc khốn-nạn ấy xảy ra hai ông kình-địch nhau. dầu đuôi ác-hại thế nào, người ta đã thuật bà nghe, thật là phá đổ mất cả cái lòng hi-vọng rất êm-ái của tôi. Ác thay là cái tính hiếu công-danh, tệ thay là cái tật tham chiến-đấu, làm cho người trượng-phu cũng không thoát khỏi vòng ! Ôi ! danh-dự, ngươi thật là làm hại cái lòng dục-vọng tối-thiết của ta, ngươi còn bắt ta phải than khóc biết bao nhiêu nữa !

CÔNG-CHÚA

Hai ông kình-địch nhau thời em có việc chi mà lo-sợ ; việc là việc bỗng-chốc gây ra, rồi cũng bỗng-chốc nguôi đi. Vả đã vỡ-lở ra to như thế tất phải điều-đình xong, vì Hoàng-Thượng đã định phân-giải cho hai bên hòa với nhau. Em cũng biết rằng lòng chị vẫn cảm những nỗi buồn-rầu của em, chị sẽ hết sức vì em làm cho cạn cái nguồn phiền-não.

CHIMÈNE

Les accommodements ne font rien en ce point;
De si mortels affronts ne se réparent point.
En vain on fait agir la force ou la prudence :
Si l'on guérit le mal, ce n'est qu'en apparence;
La haine que les cœurs conservent au dedans
Nourrit des feux cachés, mais d'autant plus ardents.

L'INFANTE

Le saint nœud qui joindra Don Rodrigue et Chimène
Des pères ennemis dissipera la haine,
Et nous verrons bientôt votre amour le plus fort
Par un heureux hymen étouffer ce discord.

CHIMÈNE

Je le souhaite ainsi plus que je ne l'espère :
Don Diègue est trop altier, et je connais mon père.
Je sens couler des pleurs que je veux retenir,
Le passé me tourmente, et je crains l'avenir.

L'INFANTE

Que crains-tu ? d'un vieillard l'impuissante faiblesse ?

CHIMÈNE

Rodrigue a du courage.

L'INFANTE

Il a trop de jeunesse.

CHIMÈNE

Les hommes valeureux le sont du premier coup.

L'INFANTE

Tu ne dois pas pourtant le redouter beaucoup :
Il est trop amoureux pour te vouloir déplaire,
Et deux mots de ta bouche arrêtent sa colère.

CHI-MIÊN

Việc này phân-giải làm sao cho được : những cái nhục chết người như thế bồi-thường làm sao cho được. Dùng oai-quyền, hay dùng mưu-kế cũng là vô-hiệu. Có chữa được cái đau là chữa ngoài mặt mà thôi ; cái ghen-ghét nó vẫn ngụ ở trong lòng, càng ngấm-ngầm lại càng kịch-liệt.

CÔNG-CHÚA

Cái giây tơ-hồng nó nối được Lộ-địch với Chi-miên, sẽ làm tiêu hết sự ghen-ghét của hai người cha cừu-địch. Chẳng bao lâu cuộc nhân-duyên kết-thành, cái tình của hai người sẽ mạnh hơn mà làm cho tắt được sự phân-tranh ấy.

CHI-MIÊN

Tôi ước-ao như vậy mà tôi không dám mong-mỏi. Đông Địch-yết là người khí-khái lắm, mà cha tôi thì tôi đã biết. Tôi muốn cầm nước mắt mà không thể dừng khóc được. Coi việc trước đau lòng mà nghĩ việc sau ấy-náy.

CÔNG-CHÚA

Em sợ chi? Già yếu như Đông-Địch-yết còn làm chi được ?

CHI-MIÊN

Nhưng Lộ-địch là người dũng-cảm.

CÔNG-CHÚA

Chàng còn trẻ tuổi quá.

CHI-MIÊN

Phàm người tài-cán mới lộ đầu cũng rõ ra người tài-cán.

CÔNG-CHÚA

Nhưng tưởng em cũng chẳng phải sợ chàng lắm : chàng thương-yêu em quá, không dám làm mất lòng em đâu. Em chỉ nhếch miệng nói một câu là chàng phải nguôi cơn giận.

CHIMÈNE

S'il ne m'obéit point, quel comble à mon ennui !
Et s'il peut m'obéir, que dira-t-on de lui ?
Etant né ce qu'il est, souffrir un tel outrage !
Soit qu'il cède ou résiste au feu qui me l'engage,
Mon esprit ne peut qu'être ou honteux ou confus
De son trop de respect, ou d'un juste refus.

L'INFANTE

Chimène a l'âme haute, et, quoiqu'intéressée,
Elle ne peut souffrir une basse pensée ;
Mais, si jusques au jour de l'accommodement
Je fais mon prisonnier de ce parfait amant,
Et que j'empêche ainsi l'effet de son courage,
Ton esprit amoureux n'aura-t-il point d'ombrage ?

CHIMÈNE

Ah ! Madame, en ce cas, je n'ai plus de souci.

Scène IV

L'INFANTE, CHIMÈNE, LÉONOR, LE PAGE

L'INFANTE

Page, Cherchez Rodrigue, et l'amenez ici.

LE PAGE

Le Comte de Gormas et lui....

CHIMÈNE

Bon Dieu ! je tremble.

L'INFANTE

Parlez.

LE PAGE

De ce palais ils sont sortis ensemble.

CHIMÈNE

Seuls ?

CHI-MIÊN

Tôi nói mà chàng không nghe thời lại sầu-tủi biết bao ! Tôi nói mà chàng chịu nghe thời thiên-hạ nói chàng thế nào ? Con nhà như thế, chịu nhục như vậy ! Mối tình ràng-buộc đôi bên, dù chàng thuận hay chàng không thuận, lòng tôi cũng chỉ đến phân-vân vì chàng quá trọng hay là hồ-thẹn vì chàng từ-chối mà thôi.

CÔNG-CHÚA

Em Chi-miên ta là người dạ cả trí cao thật, tuy việc thiết đến mình, cũng không chịu đem lòng khuất-tất. Nhưng vì từ nay cho đến ngày việc hòa-giải xong, ta giữ lấy chàng tình-nhân yêu-quí kia lại một nơi, để ngăn-cầm cho chàng khỏi ra tay quả-quyết, thời tấm lòng tương-tư của em có lấy thế làm mếch lòng không ?

CHI-MIÊN

Ôi ! Thưa Bà, nếu được như vậy, tôi còn lo-lắng chi nữa.

Kịch thứ IV

CÔNG-CHÚA, CHI-MIÊN, LIỄU-NƯƠNG, TIỂU-ĐỒNG

CÔNG-CHÚA

Tiểu-đồng, mi đi tìm Đông Lộ-địch, biểu lại đây.

TIỂU-ĐỒNG

Bẩm bà, Bá-tước Ngô-mạch với Đông Lộ-địch....

CHI-MIÊN

Trời ôi ! tôi run sợ.

CÔNG-CHÚA

Thế nào nói đi.

TIỂU-ĐỒNG

Hai người cùng ở trong cung đi ra

CHI-MIÊN

Có đi với ai nữa không?

LE PAGE

Seuls, et qui semblaient tout bas se quereller.

CHIMÈNE

Sans doute ils sont aux mains, il n'en faut plus parler.
Madame, pardonnez à cette promptitude.

Scène V

L'INFANTE, LÉONOR

L'INFANTE

Hélas ! que dans l'esprit je sens d'inquiétude !
Je pleure ses malheurs, son amant me ravit,
Mon repos m'abandonne, et ma flamme revit.
Ce qui va séparer Rodrigue de Chimène,
Fait renaître à la fois mon espoir et ma peine,
Et leur division, que je vois à regret,
Dans mon esprit char ne jette un plaisir secret.

LÉONOR

Cette haute vertu qui règne dans votre âme,
Se rend-elle sitôt à cette lâche flamme ?

L'INFANTE

Ne la nomme point lâche à present que chez moi,
Pompeuse et triomphante, elle me fait la loi ;
Porte-lui du respect puisqu'elle m'est si chère :
Ma vertu la combat, mais malgré moi j'espère,
Et d'un si fol espoir mon cœur mal défendu,
Vole après un amant que Chimène a perdu.

LÉONOR

Vous laissez choir ainsi ce glorieux courage,
Et la raison chez vous perd ainsi son usage ?

L'INFANTE

Ah ! qu'avec peu d'effet on entend la raison,
Quand le cœur est atteint d'un si charmant poison !
Et, lorsque le malade aime sa maladie,

TIỂU-ĐỒNG

Không, và hai người hình như lầm-rầm cãi-cọ gì nhau.

CHI-MIÊN

Chắc hai người đương đánh nhau, thôi đừng nói nữa. Bẩm bà, xin bà thứ cho tôi vội-vàng thế này.

Kịch thứ V

CÔNG-CHÚA, LIỄU-NƯƠNG

CÔNG-CHÚA

Trời ôi ! sao trong bụng ta xôn-xao thế này ! Ta ái-ngại cho tiểu-thư, ta lại trộm thương chàng Lộ-địch ; dạ ta bồi-hồi, tinh ta lai-láng. Lộ-địch với Chi-miên xa cách nhau, thì lòng ta lại thêm mong-mỏi mà thêm đau-phiền. Ta thấy hai người dời nhau, lòng ta ngậm-ngùi mà dạ ta lại khoan-khoái, như có cái thú vui ngầm.

LIỄU-NƯƠNG

Dạ kiên-trinh kia sao vội theo lòng tà-dục thế ?

CÔNG-CHÚA

Mi đừng gọi nó là tà-dục, bây giờ nó đương cương-cường lộng-lẫy, nó chiếm-đoạt cả tâm-hồn ta. Mi phải kính-trọng nó vì nó quí-báu cho ta. Lòng kiên-trinh ta vẫn ruồng-rẫy nó, nhưng dù ta miễn-cưỡng, mà ta vẫn mong-mỏi, ta khát-khao mong-mỏi, không thể cầm lòng được, như muốn chạy ra cướp lấy người tình-nhân mà nàng Chi-miên đã dời mất.

LIỄU-NƯƠNG

Thế ra bà đành chịu bỏ cái lòng kiên-nhẫn vẻ-vang kia và lẽ-phải không thể khuyên-răn được bà nữa hay sao ?

CÔNG-CHÚA

Ôi ! trong lòng đã nhiễm phải cái thuốc độc êm-ái như vậy, còn bụng dâu mà nghe lời khuyên của lẽ-phải nữa ! Vì như người ốm đã mang lòng

Qu'il a peine à souffrir que l'on y remédie !

LÉONOR

Votre espoir vous séduit, votre mal vous est doux,
Mais enfin ce Rodrigue est indigne de vous.

L'INFANTE

Je ne le sais que trop, mais, si ma vertu cède,
Apprends comme l'amour flatte un cœur qu'il possède.
Si Rodrigue une fois sort vainqueur du combat,
Si dessous sa valeur ce grand guerrier s'abat,
Je puis en faire cas, je puis l'aimer sans honte :
Que ne fera-t-il point, s'il peut vaincre le comte ?
J'ose m'imaginer qu'à ses moindres exploits,
Les royaumes entiers tomberont sous ses lois ·
Et mon amour flatteur déjà me persuade
Que je le vois assis au trône de Grenade.
Les Mores, subjugués, trembler en l'adorant,
L'Aragon recevoir ce nouveau conquérant,
Le Portugal se rendre, et ses nobles journées
Porter delà les mers ses hautes destinées,
Du sang des Africains arroser les lauriers,
Enfin tout ce qu'on dit des plus fameux guerriers,
Je l'attends de Rodrigue après cette victoire,
Et fais de son amour un sujet de ma gloire.

LÉONOR

Mais, Madame, voyez où vous portez son bras
En suite d'un combat qui peut-être n'est pas.

quyến-luyến cái bệnh của mình, thời sao có chịu cho người ta đem thuốc lại chữa !

LIỄU-NƯƠNG

Cái hi-vọng của bà nó cám-dỗ bà, lấy bệnh tương-tư làm êm-ái, nhưng mà cái chàng Lộ-địch ấy không có xứng-đáng sánh đôi được với bà.

CÔNG-CHÚA

Ta vẫn biết lắm, song dẫu lòng kiên-trinh ta bị siêu thật, nhưng mi cũng phải biết rằng phàm đã đeo cái ái-tình ở trong bụng thời ái-tình ấy nó làm cho mọi sự như hoa như gấm cả. Vì chàng Lộ-địch phen này ra quyết-đấu mà thắng được, vì nhà võ-tướng trước-danh kia bị thua cái tài-cán của chàng, thời ta có thể lấy đấy làm cớ được, ta có thể yêu chàng mà không xấu hổ ; chàng đánh thua được Bá-tước, thời chi mà chàng làm không nổi ? Ta dám tưởng-tượng rằng chàng thử ra tay chinh-chiến cũng đủ làm cho suốt nước nọ đến nước kia phải qui-hàng ; cái ái-tình ta mơ-màng tưởng-vọng như đã trông thấy chàng ngồi trên ngôi vua thành Gơ-nát, quân Mô phải thiếp-phục, run-sợ mà về triều-cống, đất A-la-gông hoan-nghênh chàng như một vì thiên-tướng ; đất Bồ-đào-nha phải về hàng; thanh-thế mỗi ngày vang-lừng trong bốn bể, huy-chương như tắm trong máu giặc Phi-châu. Thôi thì những bậc danh-tướng đời xưa đời nay thế nào, chàng Lộ-địch ta sau cái thắng-tích này rồi cũng được như thế, và cái ái-tình ta với chàng sẽ là một sự vinh-hiển cho ta biết bao.

LIỄU-NƯƠNG

Nhưng, thưa bà, cuộc quyết-đấu này đã chắc có không mà bà đã vội tưởng-tượng chàng đi chinh-chiến những đâu đâu.

L'INFANTE.

Rodrigue est offensé, le Comte a fait l'outrage ;
Ils sont sortis ensemble : en faut-il davantage ?

LÉONOR.

Eh bien ! ils se battront, puisque vous le voulez,
Mais Rodrigue ira-t-il si loin que vous allez ?

L'INFANTE.

Que veux-tu ? je suis folle, et mon esprit s'égare,
Tu vois par là quels maux cet amour me prépare.
Viens dans mon cabinet consoler mes ennuis
Et ne me quitte point dans le trouble où je suis

Scène VI

D. FERNAND, D. ARIAS, D SANCHE.

D. FERNAND.

Le Comte est donc si vain et si peu raisonnable !
Ose-t-il croire encor son crime pardonnable ?

D. ARIAS.

Je l'ai de votre part longtemps entretenu.
J'ai fait mon pouvoir, Sire, et n'ai rien obtenu.

D. FERNAND.

Justes Cieux ! Ainsi donc un sujet téméraire
A si peu de respect et de soin de me plaire !
Il offense Don Diègue, et méprise son Roi !
Au milieu de ma Cour il me donne la loi !
Qu'il soit brave guerrier, qu'il soit grand capitaine,
Je saurai bien rabattre une humeur si hautaine :
Fût-il la valeur même et le Dieu des combats,
Il verra ce que c'est que de n'obéir pas.

CÔNG-CHÚA

Lộ-địch là người bị nhục, người làm nhục là Bá-tước ; hai người cùng đi ra với nhau ; còn gì mới là chắc nữa ?

LIỄU-NƯƠNG

Vâng, bà đã quyết con cũng xin vâng rằng hai người có đánh nhau. Nhưng bà kỳ-vọng cho Lộ-địch những sự xa-xôi như thế, biết rằng chàng có được như thế không ?

CÔNG-CHÚA

Thôi, mi ôi ! ta bây giờ như điên-cuồng, tinh-thần hốt-hoảng ; mi coi đó thời biết cái bệnh tương-tư này nó làm cho ta đau-đớn biết bao. Mi vào trong phòng khuyên-giải cho ta đỡ phiền, mi đừng bỏ ta trong lúc tâm-hồn bối-rối này.

Kịch thứ VI

ĐÔNG PHIỆT-NĂNG ĐÔNG A-LIỆT, ĐÔNG SAN-SƠ

Đ. PHIỆT-NĂNG

Vậy ra Bá-tước ngu và ngạo thật ! Hắn dám tưởng rằng tôi hắn có thể dung được sao ?

Đ. A-LIỆT

Tôi đã vâng lệnh Hoàng-thượng khuyên-giải hắn mãi : tôi nói hết sức, hắn không chịu nghe chút nào.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Trời đất ôi ! Thế ra kẻ bầy-tôi cả gan không biết tôn-trọng ta, không biết đẹp lòng ta ! Dám làm nhục Đông Địch-yết, dám khinh-nhờn cả quốc-vương ! Giữa chốn triều-đình nó dám tràng-khoát cả đến ta ! Nó là tay võ giỏi, nó là tay tướng tài mặc dầu, ta sẽ ra tay bạt cái khí kiêu-căng ấy đi dầu nó có tài cao tuyệt-luân, dầu nó là ông thần trăm trận nữa, ta cũng sẽ làm cho nó biết rằng không vâng lời

Quoi qu'ait pu mériter une telle insolence,
Je l'ai voulu d'abord traiter sans violence ;
Mais, puisqu'il en abuse, allez dès aujourd'hui,
Soit qu'il résiste, ou non, vous assurer de lui.

D. SANCHE

Peut-être un peu de temps le rendrait moins rebelle ;
On l'a pris tout bouillant encor de sa querelle :
Sire, dans la chaleur d'un premier mouvement
Un cœur si généreux se rend mal aisément ;
Il voit bien qu'il a tort, mais une âme si haute
N'est pas sitôt réduite à confesser sa faute.

D. FERNAND

Don Sanche, taisez-vous, et soyez averti
Qu'on se rend criminel à prendre son parti.

D. SANCHE

J'obéis, et me tais, mais de grâce encor. Sire,
Deux mots en sa défense.

D. FERNAND

Et que pouvez-vous dire ?

D. SANCHE

Qu'une âme accoutumée aux grandes actions
Ne se peut abaisser à des submissions.
Elle n'en conçoit point qui s'expliquent sans honte,
Et c'est à ce mot seul qu'a résisté le Comte.
Il trouve en son devoir un peu trop de rigueur,
Et vous obéirait s'il avait moins de cœur.
Commandez que son bras, nourri dans les alarmes,
Répare cette injure à la pointe des armes,
Il satisfera, Sire, et vienne qui voudra,
Attendant qu'il l'ait su, voici qui répondra.

là tội thế nào. Tuy cách ngạo-mạn như thế đáng tội biết bao nhiêu, mà lúc đầu ta cũng muốn lấy khoan-dung đãi nó. Nhưng bây giờ nó đã quá thế, ngươi phải đi ngay bữa này, dù nó chống-cự hay không, cũng phải bắt cho được về đây.

Đ. SAN-SƠ

Có lẽ khoan cho hắn ít lâu thời hắn sẽ thuần bớt lại. Lúc nãy gặp là hắn còn đương hôi-hổi về việc kình nhau ấy : Tâu Bệ-hạ, một người khẳng-khái như thế, lúc mới đầu nóng-nẩy, khó mà phục-tòng ngay được. Hắn cũng biết rằng hắn có lỗi, nhưng người cao-thượng như thế không có chịu thú tội ngay.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Đông San-sơ, ngươi im đi, ngươi phải biết rằng ai về bè với hắn là có tội.

Đ. SAN-SƠ

Tôi xin vâng, xin không dám nói nữa, nhưng muôn tâu Bệ-hạ, cho phép tôi trình bày một vài lời để chống-chế cho hắn.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Ngươi còn nói gì được ?

Đ. SAN-SƠ

Xin nói rằng một người đã làm nên sự-nghiệp to-lớn không có thể tự-hạ mà khuất-tất được. Nghĩ rằng phàm khuất-tất tất phải nhục đến mình, chỉ vì một chữ nhục ấy nên Bá-tước mới cố cưỡng. Tuy bổn-phận bắt phải thế mà Bá-tước lấy làm hơi quá-khắc ; nếu là người kém lòng khẳng-khái thì đã vâng lời Bệ-hạ ngay. Tay Bá-tước đã trải qua bao nhiêu phen nguy-hiểm, xin Bệ-hạ truyền cho phải ra quyết-đấu mà rửa cái nhục ấy, chắc sẽ vâng lời ngay. Thách có ai dám ra địch, trước khi Bá-tước biết, tay này xin đương nổi.

D. Fernand

Vous perdez le respect, mais je pardonne à l'âge,
Et j'excuse l'ardeur en un jeune courage.
Un Roi dont la prudence a de meilleurs objets
Est meilleur ménager du sang de ses sujets ;
Je veille pour les miens, mes soucis les conservent,
Comme le chef a soin des membres qui le servent.
Ainsi votre raison n'est pas raison pour moi.
Vous parlez en soldat, je dois agir en Roi,
Et, quoi qu'on veuille dire, et quoi qu'il ose croire,
Le Comte à m'obéir ne peut perdre sa gloire.
D'ailleurs l'affront me touche, il a perdu d'honneur
Celui que de mon fils j'ai fait le gouverneur.
S'attaquer à mon choix, c'est se prendre à moi-même
Et faire un attentat sur le pouvoir suprême.
N'en parlons plus. Au reste, on a vu dix vaisseaux
De nos vieux ennemis arborer les drapeaux,
Vers la bouche du fleuve ils ont osé paraître.

D. Arias

Les Mores ont appris par force à vous connaître,
Et, tant de fois vaincus, ils ont perdu le cœur
De se plus hasarder contre un si grand vainqueur.

D. Fernand

Il ne verront jamais sans quelque jalousie
Mon sceptre en dépit d'eux régir l'Andalousie,
Et ce pays si beau qu'ils ont trop possédé,
Avec un œil d'envie est toujours regardé.
C'est l'unique raison qui m'a fait dans Séville
Placer depuis dix ans le trône de Castille,
Pour les voir de plus près, et d'un ordre plus prompt
Renverser aussitôt ce qu'ils entreprendront.

Đ. Phiệt-năng

Người nói xấc, nhưng ta cũng tha lỗi cho ngươi vì ngươi còn tuổi trẻ. Ta dung-thứ cho một người ít tuổi mà có bụng hăng-hái quả-cảm như thế. Ông vua phải lo-liệu những công việc to-tát hơn, nên phải dành-dịn máu của thần-dân. Ta trông-nom cho kẻ thần-tử ta, ta lo-lắng giữ-gìn, như ông chủ phải chăm chút những người nhà giúp việc cho mình. Vì thế mà cái lẽ-phải của ngươi không phải lẽ-phải cho ta. Ngươi nói là lấy cái tư-cách võ-sĩ mà nói, ta xử-sự phải ra tư-cách ông Vua ; dù người ta nghị-luận thế nào, dù Bá-tước võng-tưởng thế nào, Bá-tước vâng lời ta không có phi danh-dự được. Vả việc vũ-nhục ấy cũng có quan-hệ đến ta, vì nó làm mất danh-dự người mà ta đã kén chọn để làm phụ-đạo cho con trai ta. Công-kích sự kén-chọn của ta, là phạm đến ta, phạm đến quyền chúa-tể trong nước. Thôi, chẳng nói làm gì nữa. Nghe đâu có người đã trông thấy mười chiếc tàu của quân giặc kéo cờ tiến vào cửa sông.

Đ. A-liết

Quân Mô đã biết oai Hoàng-thượng rồi, mấy mươi lần chúng nó bị thua, không còn dám cả gan ra địch với một tay thiện-thắng như vậy.

Đ. Phiệt-năng

Nó thấy ta đuổi được nó mà trị-vì đất An-đa-lộ-di, bao giờ nó khỏi ghen-ghét ta. Xứ này đẹp-đẽ như thế trong bao lâu đã ở trong tay chúng nó, bây giờ mất rồi chúng nó còn thèm tiếc mà vẫn ngấp-nghé luôn. Chỉ vì một lẽ đó nên đã mười năm nay ta mới đặt đô đất Cát-ti ra thành Sê-vi, để mà xem-xét chúng nó cho gần hơn, hoặc lâm-thời chúng nó có khởi-sự thời hạ-lệnh giẹp ngay tức-thì.

D. ARIAS

Ils savent aux dépens de leurs plus dignes têtes,
Combien votre présence assure vos conquêtes,
Vous n'avez rien à craindre.

D. FERNAND

Et rien à négliger :
Le trop de confiance attire le danger,
Et vous n'ignorez pas qu'avec fort peu de peine
Un flux de pleine mer jusqu'ici les amène.
Toutefois j aurais tort de jeter dans les cœurs,
L'avis étant mal sûr, de paniques terreurs ;
L'effroi que produirait cette alarme inutile
Dans la nuit qui survient troublerait trop la ville,
Faites doubler la garde aux murs et sur le port,
C'est assez pour ce soir.

Scène VII

D. FERNAND, D. SANCHE, D. ALONSE.

D. ALONSE

Sire, le comte est mort,
Don Diègue par son fils a vengé son offense.

D. FERNAND

Dès que j'ai su l'affront, j'ai prévu la vengeance,
Et j'ai voulu dès lors prévenir ce malheur.

D. ALONSE

Chimène à vos genoux apporte sa douleur ;
Elle vient, tout en pleurs, vous demander justice.

D. FERNAND

Bien qu'à ses déplaisirs mon amour compatisse,
Ce que le Comte a fait semble avoir mérité
Ce digne châtiment de sa témérité.
Quelque juste pourtant que puisse être sa peine,
Je ne puis sans regret perdre un tel capitaine.
Après un long service à mon Etat rendu,
Après son sang pour moi mille fois répandu,
A quelques sentiment que son orgueil m'oblige,
Sa perte m'affaiblit, et son trépas m'afflige.

Đ. A-LIỆT

Chúng nó đã mất nhiều những tay tướng giỏi mà biết rằng Bệ-hạ đóng quân đâu thời chinh-chiến đắc-lợi biết dường nào. Bệ-hạ không còn phải sợ gì nữa.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Mà cũng không nên trễ-nải gì : tự-tín quá hay sinh nguy-hiểm. Ngươi cũng biết rằng gặp khi nước triều lên thời quân nó tiến vào tận đây dễ lắm. Song tin chưa được chắc, ta không nên phao-truyền cho nhân-dân sợ-hãi, kinh-hoàng vô-ích chỉ đủ làm cho đêm hôm nay trong tỉnh-thành bối-rối. Ngươi biểu đặt thêm lính-gác ở các cửa thành và ở ngoài bến, chiều hôm nay phòng-bị thế cũng đủ.

Kịch thứ VII

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. SAN-SƠ, Đ. A-LÔNG

Đ. A-LÔNG

Tâu Bệ-hạ, Bá-tước chết rồi. Con Đông Địch-yết đã trả thù cho cha.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Tự lúc ta được tin sự vũ-nhục ta đã biết trước tất có báo-thù, và đã muốn đặt kế ngay để phòng-bị sự tai-nạn này.

Đ. A-LÔNG

Chi-miên bây giờ đến than-khóc dưới thềm, nức-nở kêu oan cùng Bệ-hạ.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Lòng ta dẫu thương-xót cho nàng, mà cái việc táo-bạo của Bá-tước tưởng trị thế cũng không oan. Song tuy tội là đáng thật, nhưng ta mất một tay tưởng giỏi như vậy, không phải là không thương-tiếc. Biết bao nhiêu năm giúp việc cho nước ta, biết bao nhiêu phen vì ta vào sinh ra tử chốn sa-trường, dẫu ta phải tức-giận vì cái tính kiêu-căng của hắn, mà nay ta mất hắn cũng là thiệt cho ta, nay hắn bị chết ta cũng phiền lòng.

Scène VIII

D FERNAND, D. DIÈGUE, CHIMÈNE, D. SANCHE, D. ARIAS, D ALONSE.

CHIMÈNE

Sire, sire, justice !

D. DIÈGUE

Ah ! Sire, écoutez-nous.

CHIMÈNE

Je me jette à vos pieds.

D. DIÈGUE

J'embrasse vos genoux.

CHIMÈNE

Je demande justice.

D. DIÈGUE

Entendez ma défense.

CHIMÈNE

D'un jeune audacieux punissez l'insolence,
Il a de votre sceptre abattu le soutien,
Il a tué mon père.

D. DIÈGUE

Il a vengé le sien.

CHIMÈNE

Au sang de ses sujets un Roi doit la justice.

D. DIÈGUE

Pour la juste vengeance il n'est point de supplice.

D. FERNAND

Levez-vous l'un et l'autre et parlez à loisir.
Chimène, je prends part à votre déplaisir,
D'une égale douleur je sens mon âme atteinte.
(*A Don Diègue*)
Vous parlerez après, ne troublez pas sa plainte.

Kịch thứ VIII

Đ. PHIỆT-NĂNG, Đ. ĐỊCH-YẾT, CHI-MIÊ
Đ. SAN-SƠ, Đ. A-LIỆT, Đ.A-LONG

CHI-MIÊN

Muôn tâu Bệ-hạ, muôn tâu Bệ-h
tôi xin kêu oan !

Đ. ĐỊCH-YẾT

Xin Bệ-hạ hãy nghe chúng tôi.

CHI-MIÊN

Con xin khấu-đầu dưới chân Bệ-h

Đ. ĐỊCH-YẾT

Tôi xin hôn gối Bệ-hạ.

CHI-MIÊN

Con xin Bệ-hạ giải oan cho con.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Xin Bệ-hạ nghe tôi biện-bạch.

CHI-MIÊN

Xin Bệ-hạ trị tội đứa thiếu-niê
hung-ngạo nó dám cả gan giết một v
bày-tôi lương-đống của Triều-đình
nó dám cả gan giết cha tôi.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Để nó trả thù cho cha nó.

CHI-MIÊN

Máu oan của kẻ thần-tử, đứng quân-
vương phải xử cho công.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Trả-thù chánh-đáng không phải là
có tội.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Cho hai người cùng đứng lên, thong-
dong mà bày tỏ. Chi-miên, ta chia
buồn với con, lòng ta cũng đau-xót
như lòng con. (*Bảo Đông Địch-yết*) Rồi
sau lão hãy nói, để cho hắn thở-than,

CHIMÈNE

Sire, mon père est mort, mes yeux ont vu son sang
Couler à gros bouillons de son généreux flanc ;
Ce sang qui tant de fois garantit vos murailles,
Ce sang qui tant de fois vous gagna des batailles,
Ce sang qui, tout sorti, fume encor de courroux
De se voir répandu pour d'autres que pour vous,
Qu'au milieu des hasards n'osait verser la guerre,
Rodrigue en votre Cour vient d'en couvrir la terre.
J'ai couru sur le lieu sans force et sans couleur,
Je l'ai trouvé sans vie. Excusez ma douleur,
Sire, la voix me manque à ce récit funeste.
Mes pleurs et mes soupirs vous diront mieux le reste.

D. FERNAND

Prends courage, ma fille, et sache qu'aujourd'hui
Ton Roi te veut servir de père au lieu de lui.

CHIMÈNE

Sire, de trop d'honneur ma misère est suivie
Je vous l'ai déjà dit, je l'ai trouvé sans vie ;
Son flanc était ouvert, et, pour mieux m'émouvoir,
Son sang sur la poussière écrivait mon devoir,
Ou plutôt sa valeur, en cet état réduite,
Me parlait par sa plaie, et hâtait ma poursuite,
Et, pour se faire entendre au plus juste des rois,
Par cette triste bouche elle empruntait ma voix.

Sire, ne souffrez pas que sous votre puissance
Règne devant vos yeux une telle licence,

CHI-MIỄN

Muôn tâu Bệ-hạ, cha con chết, mắt con trông thấy máu chảy lênh-láng ở bên sườn ; máu ấy đã mấy mươi phen chống giữ thành-quách cho nhà vua, máu ấy đã mấy mươi phen phá tan được giặc cho nhà vua, máu ấy lúc bắn ra còn hôi-hổi như tức-giận rằng không được chết cho nhà vua mà phải chết về tay kẻ khác, máu ấy trong khi mũi tên hòn đạn giữa cuộc chiến-tranh không hề lai-láng ra bao giờ, ngày nay tên Lộ-dịch giữa chốn triều-đình nhà vua nó dám đang tay vầy khắp trên mặt đất. Con vội-vàng chạy lại kinh-hồn thất-sắt, con thấy cha con đã tắt hơi rồi. Muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ thứ cho cái nỗi đau-đớn của con, con kể đến chuyện sầu-thảm này con không cất lời lên được, Bệ-hạ trông con than khóc cũng đủ biết sau thế nào.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Con nên vững lòng can-đảm, cha con chẳng may chết đi, từ nay vua sẽ thay cho cha con, con ạ.

CHI-MIỄN

Muôn tâu Bệ-hạ, con đương lúc khốn-nạn được cái vinh-dự như vậy thật là hân-hạnh quá. Con vừa nói, con đến thời cha con đã tắt hơi rồi. Bên sườn phanh ra, máu chảy lênh-láng trên đất, trông thấy càng như đứt ruột, hình như vạch ra đấy chỉ để cho con cái nghĩa-vụ phải làm, khác nào như cả cái công-nghiệp bình-sinh của cha con phó-bầy trên vết thương ấy để xui-giục con phải đem cái thân liều-yếu này đến khấu trước sân rồng xin đấng chí-công soi-xét cho.

Muôn tâu Bệ-hạ, xin Bệ-hạ đừng để cho dưới oai-quyền Bệ-hạ có kẻ dám tung-hoành lộng-lẫy ngay trước mắt như

Que les plus valeureux avec impunité
Soient exposés aux coups de la témérité,
Qu'un jeune audacieux triomphe de leur gloire,
Se baigne dans leur sang et brave leur mémoire.
Un si vaillant guerrier qu'on vient de vous ravir
Eteint, s'il n'est vengé, l'ardeur de vous servir.
Enfin mon père est mort, j'en demande vengeance
Plus pour votre intérêt que pour mon allégeance.
Vous perdez en la mort d'un homme de son rang,
Vengez-la par une autre, et le sang par le sang ;
Immolez, non à moi, mais à votre couronne,
Mais à votre grandeur, mais à votre personne,
Immolez, dis-je, Sire, au bien de tout l'Etat,
Tout ce qu'enorgueillit un si haut attentat.

D. FERNAND

Don Diègue, répondez.

D. DIEGUE.

Qu'on est digne d'envie
Lorsqu'en perdant la force on perd aussi la vie,
Et qu'un long âge apprête aux hommes généreux
Au bout de leur carrière un destin malheureux !
Moi dont les longs travaux ont acquis tant de gloire,
Moi que jadis partout a suivi la victoire,
Je me vois aujourd'hui, pour avoir trop vécu,
Recevoir un affront, et demeurer vaincu.
Ce que n'a pu jamais combat, siège, embuscade,
Ce que n'a pu jamais Aragon ni Grenade,
Ni tous vos ennemis, ni tous mes envieux,

vậy, đừng để cho người tài-cán bị kẻ hung-bạo đánh giết, đừng để cho một đứa trẻ tuổi cả gan dám đoạt cái vinh-dự của người ta, tắm trong máu người ta và ngạo cái thanh-danh người ta. Một tay võ-tướng can-đảm như thế mà bị hại, nếu không trả thù cho được thì đủ làm cho nguội cái lòng hăng-hái những kẻ muốn ra tay phụng-sự nhà vua. Thôi thì cha tôi đã bị chết, tôi xin Bệ-hạ rửa oan cho cha tôi, cốt là giữ tiếng cho Hoàng-triều hơn là an-ủi cho lòng tôi. Bệ-hạ mất một kẻ đại-thần bị giết oan, xin Bệ-hạ bắt lấy máu trả máu mà giết kẻ khác để báo thù; xin Bệ-hạ bắt có kẻ phải hi-sinh, không phải là hi-sinh cho tôi, mà là hi-sinh cho Hoàng-triều, cho cái thanh-thế, cho cái phẩm-giá nhà vua; xin Bệ-hạ bắt kẻ nào vì cái tội ác này mà được vẻ-vang phải đem mình ra hi-sinh cho cả xã-tắc biển-vinh.

Đ. PHIỆT-NANG

Đông Địch-yết, cho lão đáp đi.

Đ. ĐỊCH-YẾT

Người ta đến lúc sức đã yếu mệnh lại cùng, người khẳng-khái đến lúc trở về già cuối đời lại gặp phải vận kiển, thân-phận ấy mới đáng thêm sao ; Tôi đây huân-danh sự-nghiệp biết bao, tôi đây khi xưa đi đến đâu đánh được đấy, ngày nay vì sống nhiều quá bị người ta vũ-nhục mà phải chịu thua. Nào đánh trận, nào vây thành, nào tập-kích, nào thành A-gông, nào thành Gơ-nát, nào kẻ thù nhà vua, nào kẻ ghen-ghét mình, không hề phạm đến mình bao giờ, thế mà Bá-tước giữa

Le Comte en votre Cour l'a fait presque à vos yeux,
Jaloux de votre choix, et fier de l'avantage
Que lui donnait sur moi l'impuissance de l'âge.

Sire, ainsi ces cheveux blanchis sous le harnois,
Ce sang pour vous servir prodigué tant de fois,
Ce bras jadis l'effroi d'une armée ennemie,
Descendaient au tombeau tout chargés d'infamie,
Si je n'eusse produit un fils digne de moi,
Digne de son pays et digne de son Roi.
Il m'a prêté sa main, il a tué le Comte,
Il m'a rendu l'honneur, il a lavé ma honte :
Si montrer du courage et du ressentiment,
Si venger un soufflet mérite un châtiment,
Sur moi seul doit tomber l'éclat de la tempête :
Quand le bras a failli, l'on en punit la tête.
Qu'on nomme crime ou non ce qui fait nos débats.
Sire, j'en suis la tête, il n'en est que le bras ;
Si Chimène se plaint qu'il a tué son père
Il ne l'eût jamais fait si je l'eusse pu faire.
Immolez donc ce chef (1) que les ans vont ravir,
Et conservez pour vous le bras qui peut servir.
Aux dépens de mon sang satisfaites Chimène.
Je n'y résiste point, je consens à ma peine,
Et, loin de murmurer d'un rigoureux décret,
Mourant sans déshonneur, je mourrai sans regret.

Triều-đình dám làm ngay trước mắt Bệ-hạ, ghen vì Bệ-hạ đã kén chọn tôi, lại cậy mình khỏe hơn tôi vì tôi già yếu.

Muôn tâu Bệ-hạ, thế ra tóc này bạc đầu trên yên ngựa, máu này mấy mươi phen xông-pha để phò vua, tay này khi xưa làm cho cả binh-đoàn của quân-địch phải khiếp-sợ, ví tôi không sinh được đứa con xứng-đáng tôi, xứng-đáng nước nhà, xứng-đáng làm tôi Bệ-hạ, thời khi xuống lỗ là mang đầy những nhục rồi. Con tôi đã chuộc lại được danh-dự cho tôi, con tôi đã rửa được nhục cho tôi. Nếu tỏ lòng phẫn-nộ can-đảm, nếu trả thù kẻ đã tát cha mình mà đáng tội, thời tôi xin chịu lôi-đình một mình tôi. Tay có lỗi là tội tại đầu. Dù việc này là tội hay không, muôn tâu Bệ-hạ, tôi đây mới là đầu, con tôi chỉ là cái tay mà thôi. Chi-miên kêu rằng con tôi giết cha hắn, ví tay tôi giết lấy được thời con tôi không có giết bao giờ. Vậy xin Bệ-hạ đem cái đầu tuổi-tác sắp xuống lỗ này mà làm hi-sinh, và xin giữ lấy cái tay kia còn có thể dùng được việc. Xin Bệ-hạ lấy máu tôi cho thỏa lòng Chi-miên, tôi không dám chống-cưỡng ; tôi xin cam-tâm đành phận, tôi không dám than-thở rằng lệnh vua quá-khắc, chết đã không nhục thời tôi chết cũng không tiếc.

(1) Chef est ici pour tête.

D. FERNAND

L'affaire est d'importance, et, bien considérée,
Mérite en plein conseil d être delibérée.
Don Sanche, remettez Chimène en sa maison;
Don Diègue aura ma cour et sa foi pour prison.
Qu'on me cherche son fils. Je vous ferai justice.

CHIMÈNE

Il est juste, grand Roi, qu'un meurtrier perisse.

D. FERNAND

Prends du repos, ma fille, et cal me tes douleurs.

CHIMÈNE

M'ordonner du repos, c'est croître mes malheurs.

Fin du second acte.

(Les 3, 4 et 5e actes au prochain numero

Đ. PHIỆT-NĂNG

Việc này quan-trọng, xét kỹ nên phải đem ra đông đủ hội-nghị bàn luận mới được. Đông San-sơ, ngươi giắt Chi-miên về nhà. Còn Đông Địch-yết thời ta giam trong triều này, lấy lòng tin của lão làm giám-ngục. Biểu đi tìm con lão về đây. Ta sẽ xét cho hai bên được công-bằng.

CHI-MIÊN

Muôn tâu Bệ-hạ, kẻ đã giết người thời phải chết mới là công-bằng.

Đ. PHIỆT-NĂNG

Con cứ về nghỉ đi, cho nguôi cơn đau-đớn, con ạ.

CHI-MIÊN

Bắt tôi về nghỉ là làm cho tôi khổ thêm.

Hết hồi thứ nhi

(Còn ba hồi nữa kỳ sau đăng nốt

XỬ-THẾ CÁCH-NGÔN

Độc-thư

1. — Người sĩ-đại-phu ba ngày không đọc sách, nghĩa-lý không giao ở trong bụng, soi vào trong gương thấy mặt-mũi đáng ghét, nói chuyện với người, toàn lời nói vô-vị (HOÀNG LỖ-TRỤC).

2. — Đọc sách nên cho tinh, không cần cho rộng; dụng tâm nên lấy thuần, không nên lấy tạp. Đọc sách vụ lấy rộng, thường không hết ý; dụng tâm không thuần thời không được toàn-công. Phép trị kinh không nên chỉ ngoạn văn-chương, phải đàm-thuyết nghĩa-lý mới được. Một lời một câu, có thể lấy dưỡng tâm trị tính được. Sự-thần, tòng-chính, thủ-hữu, tiếp-vật, được thua, vui buồn xét ở trong sách, nhiên-hậu mới thưởng được cái cam-bã của cổ-nhân mà biết là có ý-vị vậy. (HOÀNG CỐC-SƠN).

3. — Ngồi không vô-sự, ăn no mặc ấm, suốt ngày không đến gần quyển sách tâm-tư không biết gửi-nau vào đâu, tất đến tinh-thần điên-đảo, võng-tưởng sinh điên; xử nghịch-cảnh không vui, xử thuận-cảnh cũng không vui. (THÔNG-HUẤN TRA

4. — Mi-công tiên-sinh nói rằng: « Việc thiên-hạ lợi-hại thường tương-bàn. Toàn lợi mà không có chút hại nào duy có đọc sách. Bất-vấn người giàu, người hèn, người già, người trẻ, đọc sách một quyển được ích một quyển, đọc sách một ngày được ích một ngày, cho nên nói rằng có toàn lợi mà không hại chút nào, ấy thật phải lắm. » (LỤC THANH-HIẾN).

5. — Người nào trên bàn ghế không có bút mực, sách vở, thời người ấy tay mắt lạnh, khí-vị tục. (LỤC THANH-HIẾN)

KHẢO VỀ LỊCH-SỬ LUÂN-LÝ-HỌC NƯỚC TÀU (1)

V

C. — *Hàn-Phi-tử* 韓非子

Tiểu-truyện. — Hàn Phi là bậc thứ-công-tử ở nước Hàn, hay thích học về đàng hình-danh pháp-thuật, thường cùng với Lý-Tư 李斯 cùng học ông Tuân-Khanh 荀卿, Lý-Tư biết rằng mình không bằng. Hàn-Phi-tử thấy nước Hàn suy yếu, thường dâng thư lên nói với vua nước Hàn, mà Hàn-vương không biết dùng. Sau sang sứ nước Tần, bèn đem kế-sách cầu vua Tần Thủy-hoàng Thủy-hoàng muốn đại-dụng, sau phải Lý-Tư nói gièm, phải giam trong ngục, bèn tự-sát mà chết. Hàn-Phi-tử có làm ra sách 55 thiên, gọi là sách *Hàn tử*. Từ đời Tống trở về sau, mới gia thêm chữ « *Phi* », gọi sách *Hàn-Phi-tử* để cho khỏi lẫn với sách ông Hàn Dũ 韓愈. Đương lúc Thủy-hoàng chưa gặp Hàn-Phi-tử, thường đọc sách của Phi-tử mà mộ lắm. Lý-Tư vì có đồng-học với Phi-tử mà lại làm tướng nước Tần, cho nên Phi dẫu chết, mà cái học thuyết của Phi thực vẫn thi-hành ở nước Tần nhiều lắm.

Học-thuyết đại-cương. — Hàn-Phi-tử họp cả cái tư-trào của học-giả nam, bắc, trung ba bộ ở về cuối đời Chu mà tập đại-thành lại; làm thành ra một học-thuyết, theo cái tư trào trung bộ thời lấy pháp-trị chủ-nghĩa làm trung-kiên, mà nghiêm-đoán hình-phạt là bắt chước tự ngươi Thương-Quân. Nói rằng: « Đấng quân-chủ chuộng vô-vi, không nên để cho kẻ thần-hạ dòm biết cái đoan-nghê của mình »; đó là bản ở tư-trào phương nam. Nói rằng: « Đấng quân-chủ chế ra pháp-luật, đăng-tiến kẻ hiền-năng, để trị nhà-nước »; đó lại là chịu cái ảnh-hưởng tư-trào ở phương bắc vậy. Từ sau khi họ Mạnh, họ Tuân, họ Thi, họ Thân, tư-trào ba bộ đã có cái thế hấp-dẫn với nhau. Hàn-Phi-tử sinh ở nước Hàn, nghe được cái phong-thói của Thân Bất Hại, mà lại học ông Tuân-Khanh; cái tính khắc hạch lại giống như Thương-Ưởng, bèn lấy cái tư-trào trung-bộ làm căn-cứ, lại lựa chọn Nam Bắc hai phái, lấy những điều cần-cấp để ứng-dụng về thời-thế để giúp thêm cho cái pháp-trị chủ nghĩa, mà không có mâu-thuẫn với nhau, rồi nung-đúc quán-thâu lại làm ra học-thuyết một nhà; đó là căn tại tính mếch-lệch, nguyên tại thày dạy bảo, mà lại chịu cái ảnh-hưởng về lịch-sử và địa-lý, nào có phải ngẫu-nhiên đâu.

Bàn về tính ác. — Tuân-tử nói tính ác, mà Thương-Quân xem xét tính người cũng cho là ác. Hàn-Phi-tử nhân cái thuyết của họ Tuân, họ Thương, mà lại lấy cái sự thực ở lịch-sử nói cho chứng-minh ra, nói rằng: « Đấng nhân-chủ lo tại quá tin người, quá tin người thời bị người ta kiềm-chế; người bày-tôi đối với vua, không phải là thân như cốt-nhục, chỉ buộc về cái thế nên phải phụng-thờ đó mà thôi, cho nên kẻ bày-tôi hay dòm nom bụng vua, không một phút nào là không, mà vua lại lười-biếng kiêu-ngạo xử ở trên, vì thế trong đời mới hay có kẻ cướp vua giết chúa. Đấng nhân-chủ rất tin con mình, thời gian-thần nó lại,

(1) Dịch theo sách *Trung-quốc luân-lý-học sử* 中國倫理學史 của ông Sái-Chấn 蔡振
Tiếp theo kỳ trước, *Nam-Phong* số 37 trang 33-41.

nhân được con mình để thành cái sự riêng của nó, như là Lý-Đoái 李兌 làm thày dạy Triệu-vương, mà làm cho vua cha phải chết đói. Đấng nhân-chủ rất tin vợ mình, thời gian-thần nó lại nhân được vợ mình để thành cái lợi riêng của nó, như là Cưu-Thi 優施 là thày dạy nàng Ly-Cơ 驪姬 mà xui được giết chết Thân-sinh 申生, lập người Hề-Tề 奚齊; ấy đấy gần như vợ, thân như con, mà còn không thể tin được, thời người khác có thể tin được không? Như thế thời quá tin là cái nền gây ra vạ vậy. Bởi cớ sao vậy? Xem như Vương-Lương yêu ngựa là vì nó chạy giỏi; Việt-Vương Câu-Tiễn yêu quân lính, là vì nó đánh giỏi; ông thày thuốc hút mủ chỗ bị thương của người, ngậm máu chỗ đau của người, không phải là vì cốt-nhục chi-thân, chỉ su về tài-lợi mà thôi; cho nên người thợ xe làm thành được cái xe, muốn cho người ta phú quí: người thợ săng làm thành được cái quan-tài, muốn cho người ta chết non; không phải người thợ xe nhân-đức mà người thợ săng bất-nhân vậy; chỉ vì người không phú-quí thời xe không đắt, người không chết non thời quan-tài không bán được, thực tình không phải là ghét người, chỉ vì người chết thì mình được lợi vậy; cho nên hậu-phi, phu-nhân, thái-tử mà thành đảng, chỉ muốn cho vua chết, vì vua không chết thời cái bề-thế mình không được trọng, thực tình không phải là ghét vua, chỉ vì vua chết thời mình được lợi vậy. Cho nên làm vua phải nên gia-tâm xét những kẻ lợi rằng mình chết »

Uy-thế. — Cái lòng tự-lợi của người ta, cứ theo cái vận-hội đua-tranh sinh-tồn mà phát-chiển mãi ra, cái thế-lực nó thịnh lắm không thể địch nổi được; người ta ai cũng phải giữ cái căn-bản đạo-đức, song nhân-quần tiến-hóa, chửa đến được chí-thiện, muốn chỉ cậy đạo-đức để làm cái yếu-tố lập thành xã-hội nhưng cũng có khi phải cái phong-trào tự lợi nó làm cho trôi rạt đi. Han-Phi tử thấy như thế, cho nên nói rõ-ràng đạo-đức vô-hiệu, muốn lấy uy-thế thay vào. Nói rằng: « Mẹ yêu con bằng gấp mấy cha, mà cái lệnh cha sai-khiến con bằng mười mẹ: quan-lại ở với dân không có long yêu, mà cái lệnh sai dân lại mạnh bằng vạn cha mẹ; cha mẹ vì nặng lòng yêu mà hiệu-lệnh không nỗi; quan-lại dụng uy-nghiêm mà dân phải nghe; thương yêu với uy-nghiêm mỗi đàng một khác như vậy. » Lại rằng: « Ta vì thế biết uy-thế đủ cảm được kẻ bạo, mà đức hạnh không đủ chỉ được loạn vậy. » Lại dẫn việc để chứng rõ ra rằng: « Rỏ nước mắt mà không muốn dụng hình là bụng nhân; song không dụng hình giết đi không được, là phải theo phép; đấng Tiên-vương phải khuất theo pháp-luật chớ khóc-thương cũng không được, như thế thời càng rõ ràng nhân không đủ làm trị được. Vả lại nhân-dân phục về thế, chớ không phục về nghĩa. ông Trọng-Ni là bậc thánh-nhân, thiên-hạ to như thế mà chỉ có 70 người phục theo. Vua Ai-công nước Lỗ là ông vua hèn, thế mà ngảnh mặt phương nam làm vua, dân trong cõi ai cũng phải làm bày-tôi cả. Nay những người du-thuyết không biết thừa-thế mà chỉ chuộng làm nhân nghĩa, ấy là muốn đấng nhân-chủ làm như ông Trọng-Ni vậy. »

Pháp luật. Dẫu rằng uy-thế như vậy, song vua quan không dám lạm-dụng cái cương quyền đâu, phải côn-bản ở pháp-luật. Han-Phi-tử gọi là pháp tức như Tuân-Khanh gọi là lễ, mà lại nói thêm cái nghĩa thiên-trọng về hình-phạt; cái quyền định pháp-luật thời ở tại ông vua, song pháp luật đã định, thời dẫu vua cũng không tự-ý mà bớt ra thêm vào được, cho nên nói rằng: «Giây mực thẳng thời gỗ cong phải đẽo, chuẩn đích bằng thời bậc cao phải bớt đi; quả cân treo thời nặng nhẹ đều nhau; nếu bỏ phát-

thuật mà cứ tự tâm làm trị, thời dẫu vua Nghiêu cũng không hay trị được một nước ; bỏ qui-củ mà cứ tự-ý lượng-đạc càn, thời dẫu Hề-Trọng 奚仲 cũng không hay làm thành được cái bánh xe » Lại rằng : « Đăng minh-chủ chỉ nhất-định ở pháp-luật chớ không cần trí khôn »

Chủ-nghĩa biến-thông. — Tuân Khanh bàn lẽ bảo rằng nên bắt-chước vua sau (bắt chước vua sau tức là lập ra tân-pháp, không phải như họ Dương chua nghĩa cho vua sau là vua Văn vua Võ vậy) Thương Quân cũng hết sức nói biến-pháp, Hàn-Phi-tử cũng nhân theo ý ấy, cho nên nói rằng : « Đời thượng-cổ không biết làm nhà ở, có ông thánh-nhân dạy làm tổ để tránh mọi điều hại. dân mừng mà tôn làm vua. Sau lại có ông thánh-nhân dạy lấy lửa nấu chín mà ăn. Xuống đến đời trung-cổ thiên-hạ nước to, ông Ổn ông Vũ phải khơi thông ngòi lạch ; chúa Kiệt, chúa Trụ bạo loạn. vua Thang, vua Võ phải dùng binh chinh phạt Nếu ở đời Hạ-hậu mà lại cứ dựng chòi làm tổ, dùi cây lấy lửa, thời hẳn phải ông Ổn, ông Vũ cười cho ; ở đời Ân, Chu mà lại cứ khơi thông ngòi lạch, thời hẳn phải vua Thang vua Vũ cười cho vậy. » Lại rằng : « Có người nhà Tống làm ruộng, thấy trong ruộng có một cái cành gai, con thỏ chạy qua chạm phải cành gai đứt cổ mà chết ; người ấy bỏ cày cứ khư-khư canh giữ cành gai ở đó, mong lại bắt được con thỏ khác vướng chết nữa ; mãi chẳng thấy được thỏ nữa, phải người nước Tống họ cười cho. » Thế thời Hàn-Phi-tử cứ theo thời-thế cân-nhu mà chế định ra, chớ không phải cứ nệ-cổ vậy.

Trọng hình-phạt. — Ông Thương-Quân, ông Tuân-tử đều chủ trọng hình ; Hàn-Phi-tử cũng nhân cái ý ấy nói rằng : « Người ta không chắc rằng tự mình làm thiện được, chỉ khiến sao không được làm xằng ; đợi người ta tự làm thiện, trong nước không có mấy ; chỉ khiến sao cấm không ai được làm ác, thời trong nước mới có thể trị yên được Kia như cứ đợi cái tên nó tự thẳng, thời trăm đời không có một mũi tên ; cứ đợi cây gỗ nó tự tròn, thời nghìn năm không có một cái bánh xe ; song người đời hay cưỡi xe, hay bắn chim thời lấy gì mà dùng ? Phải dùng cái đạo uốn-nắn vậy. Dẫu có cái tên, cái cây gỗ không phải uốn nắn mà nó cũng tự thẳng, nó cũng tự tròn, song người lương sĩ cũng không cho làm quí. Sao vậy ? Cưỡi xe ấy không phải một người, bắn chim ấy không phải một phát vậy. Cũng có người dân không đợi thưởng phạt mà cũng cứ tự mình làm thiện, song đấng minh-quân cũng không cho làm quí ; vì ông vua có đạo, không cứ tùy cái thiện thích-nhiên ; phải làm cái đạo khiến phải tất-nhiên phạt ấy là cái đạo khiến phải tất-nhiên vậy. » Vả Hàn-Phi-tử không những chuộng hình-phạt mà thôi, lại chuộng trọng-hình, có nói rằng : «Phép nhà Ân bắt tội người bỏ gio ở chợ, chặt bỏ mất tay. ông Tử-cống cho làm tàn-bạo, hỏi ông Khổng-tử. Khổng-phu-tử nói rằng : « Đó là biết trị-đạo vậy, bỏ gio ra đường thời tất là bay ngạt người, ngạt người thời người tất giận, giận thời sinh ra đánh nhau, đánh nhau thời người trong ba họ tàn-giết lẫn nhau ; ấy là làm tàn-hại ba họ, dẫu giết đi cũng phải. Vả lại phạt nặng thời ai cũng ghét mà cấm đừng bỏ gio thời người ta giữ cũng dễ: giữ làm điều dễ mà không phải tội ác, đó là biết trị đạo vậy. » Ông lại nói lấy trọng hình giết một người, mà hay khiến được mọi người không hãm vào tội ác, đó cũng là nhân-đức,

nên có nói rằng : « Đem ra dụng hình không phải là ghét gì dân, là cái gốc lòng yêu vậy ; hình là đầu sự yêu, hễ hình trọng thời dân yên tĩnh. Song người ngu không biết, lại cho làm bạo-ngược, người ngu ấy vốn muốn trị yên, mà lại ghét cái để làm trị ; vẫn ghét sự nguy mà lại quí cái sở-dĩ đến nguy. »

Ngoài đấng nhân-chủ ra không ai được tự-do. — Hàn-Phi-tử bảo rằng đấng quân-chủ có một cái tự-do tuyệt-đối, nên có nói rằng : « Vua không hay cấm kẻ dưới mà tự cấm mình ấy là cướp. Không hay tiết-chế kẻ dưới mà tự tiết chế mình ấy là loạn. » Còn từ đấng quân-tử trở xuống, nhất thiết nhân-dân, hễ ai không theo khuôn-phép tự-do ở trong pháp-lệnh, thời đều nghiêm-cấm cả. Ông Bá Di, Thúc-Tề đời đều khen là bậc cao nghĩa, mà Hàn-Phi-tử thời bảo rằng : « Như người bày tôi ấy, không sợ gì hình nặng, không ham gì thưởng trọng, là người bày tôi vô-ích vậy. » Người điềm-đạm ai cũng lấy làm trọng, Hàn-Phi-tử thời cho là nên giết đi, nói rằng : « Người kia không chịu thờ đấng thiên-tử, không chịu bạn với vua chư-hầu, chẳng tìm cầu người mà cũng chẳng theo người cầu mình, không có thể lấy thưởng mà khuyên, lấy phạt mà cấm được ; khác gì con ngựa vô-ích, ruổi lên không chịu chạy, thúc xuống không chịu lui, giật sang bên tả cũng chẳng chịu sang tả, giật sang bên hữu cũng chẳng chịu sang hữu, như thế là người dân không theo pháp-lệnh vậy. »

Lấy pháp-luật thống-nhất cả danh-dự. — Hàn-Phi-tử đã không nhận rằng người ta ở ngoài pháp-luật có cái chốn tự-do, thế thời ngoài cái sự phục theo pháp-luật ra không có cái gì là danh-dự cả ; cho nên nói rằng : « Đời mà không được trị không phải tội kẻ dưới, là tại người trên làm sai mất đạo, chỉ quí các điều sở-dĩ sinh ra loạn, mà khinh cái điều sở-dĩ làm nên trị, cho nên cái bụng muốn của kẻ dưới thường trái với cái ý phải của người trên sở dĩ làm trị. Xem như lệnh trên sai khiến mà thuần-tín thời cho là cung-quẫn ; giữ phép mà chẳng biến-đổi thời gọi là ngu ; sợ tội thời gọi là khiếp, nghe kẻ quan lại thời gọi là lậu ; ít kiến-văn chịu theo pháp-lệnh, đó là người biết giữ trọn pháp-luật, thời chê là dân phác-lậu ; hết sức cầy bừa làm ăn, đó là dân sinh-lợi, thời chê là dân ít tài-năng ; trọng pháp-lệnh sợ công-việc, đó là dân biết tôn người trên, thời chê là dân nhút-nhát ; thế là khinh những người giữ phép làm thiện vậy. Nếu không thế, hoặc có kẻ chẳng theo mệnh-lệnh thời khen là dũng ; trọng-hậu tự tôn-đại, thời khen là trưởng-giả ; nết trái với đời thời khen là bậc đại-nhân ; khinh tước-lộc không nhiễu người trên, thời khen là người kiệt sĩ ; đó là lấy cái sự rối-loạn pháp-luật làm cao-thượng vậy. » Lại rằng : « Có người cha ăn trộm mà con tố-giác lên quan, quan cho là dứa trung với vua mà bắt lỗi cha, bèn giết đi ; xem đó thời biết kẻ trực-thần của vua, cũng như là đứa bạo-tử của cha vậy. » Lại rằng : « Vua Thang vua Võ ấy là trái mất nghĩa vua tôi, mà làm loạn mất danh-giáo đời sau vậy. Thang, Võ là nhân-thần dám giết vua cha, mà thiên-hạ lại khen là nghĩa gì. » Thế thời cứ như ý Hàn-Phi-tử bảo rằng làm đấng quân-chủ thời phải cấm-tuyệt cả tư-tưởng tự-do, ngôn-luận tự-do của các kẻ thần-dân đi vậy.

Bài-bác những điều từ-huệ. — Hàn-Phi-tử bản cái chính-sách trọng-nông thượng-chiến, mà thi-hành ra thời phải tín-thưởng tất-phạt, cho nên phàm những sự-nghiệp từ-thiện, đều bài-bác đi cả, có nói rằng : « Thí cho kẻ bần-khốn, đời khen là nhân-nghĩa ; thương-xót trăm họ không nỡ trách phạt, đời khen là huệ-ái ; song cứ thí cho kẻ bần-khốn, thời lấy gì mà thưởng công ? Chẳng nỡ trách phạt

thời lấy gì mà cấm kẻ bạo ? cho nên gặp buổi thiên-tai đói-kém cũng không dám cứu, là bởi sao vậy ? là sợ rằng kẻ vô-công cũng được thưởng như kẻ có công ; cướp của kẻ hết sức kiệm-ước mà đem cho kẻ vô-công vô-tài, không phải là chính-nghĩa vậy.

Kết-luận. — Hàn-Phi-tử theo cái chủ-nghĩa của Thương-Quân, mà lại càng nói tường-rõ về các điều-lý ; còn những tư-tưởng về phái nho-gia, đạo-gia, Hàn-tử dẫu có cóp nhặt lấy ít-nhiều, song đều nhặt lấy được những điều thô mà bỏ sót mất điều tinh ; cho nên Hàn-Phi-tử dẫu là tổng-lãm cả tư-trào ba bộ, mà kỳ thực chỉ là đích-phái của Thương-Quân vậy. Pháp-luật vốn lấy đạo-đức làm căn-bản, mà ông ấy lại cho pháp luật thống-nhiếp cả đạo-đức, không lưu thừa lại một chút gì cả. Vả còn cái lẽ loài người ta sở-dĩ tập-hợp thành xã-hội, sở-dĩ phát-sinh ra đạo-đức pháp-luật, thời Hàn-Phi tử không xét đến cả ; mà cho quân-chủ là một đấng sáng-tạo ra pháp-luật và đạo-đức, cho nên yết rõ ra cái công-đức, dẫu là có cứu chính được cái tệ phái nhà nho, song lại bảo ngoài đấng quân-chủ ra không còn cho ai được tự-do cả ; mà làm đấng quân-chủ chỉ lấy thuật trị quan-lại, lấy hình-tế nhân-dân, chỉ dụng-tâm vì xã-hội, mưu sự hòa-bình từng buổi sớm tối ; song cái sự hòa-bình ở bề ngoài dẫu có thể áp-chế cưỡng được, mà còn cái sự rối loạn ở bề trong lại càng tệ lắm ; nhà Tần dụng cái thuyết của ông ấy, nên nhân-dân không được liêu-sinh ; mà đến như đấng quân-chủ có quyền vạn-năng, cũng không hay giữ toàn được thân-gia, đó không phải là ngẫu-nhiên vậy. Cho nên cái thuyết của Hàn-Phi-tử dẫu có điều khả thủ, nhưng cái chủ-nghĩa căn-bản thời không dung được ở trong luân-lý-giới vậy.

Tổng-luận cả thời-kỳ thứ nhất. — Dân-tộc Tàu khi mới lập-quốc, theo cái khuôn-phép gia-tộc, lại lấy cái văn-minh trong một họ mà đồng-hóa với họ khác, cho nên một nước cũng như một nhà vậy. Trong một nhà, cha anh là người trải việc nhiều, nên hay lấy cái kinh-nghiệm của mình để chỉ-bảo con em. Trong một nước, tòa Chính-phủ có trách nhiệm chuyên, nên hay lấy cái kinh-nghiệm của mình để chỉ bảo nhân-dân. Chức-trách người cha anh thời phải mình làm đạo-đức, để làm khuôn phép cho con em, mà bày tỏ cái điều-mục lập-thành gia-giáo ; con em kẻ nào không suất-giáo (1) thời trách mắng. Chức-trách chính-phủ cũng phải mình làm đạo-đức, để làm khuôn-phép cho nhân-dân, mà tỏ-bày điều-mục làm thành ra lễ, nhân-dân kẻ nào không suất-giáo thời trách-phạt. Tức như đức Khổng-tử bảo rằng : « Lấy đức để dẫn bảo dân, lấy lễ để tề-chỉnh dân vậy. » Đời cổ-giả cái giới-thuyết đạo-đức với pháp-luật chửa phân-biệt, phàm bày ra điều-kiện gì để thi-hành, đều gọi là lễ cả. Đến như sách *Lễ-ký* bảo rằng : « Lễ không có trách đến kẻ thứ-nhân, lại là một nghĩa khác » Chính phủ cũng như là cha anh. Duy có con em gặp phải cha anh bất-đức, thời con em được kêu-van oán-mộ mà thôi, như là ông Thuấn gặp phải ông Cổ-Tẩu, thời ông Thuấn phải kêu khóc trời vậy. Còn như nhân-dân mà gặp phải chính-phủ bất-đức, thời nhân-dân được tôn-đái chính-phủ khác để thay đi, như là vua Thang, vua

(1) *Suất-giáo* 率 教 là nói theo điều dạy bảo.

Võ cách-mệnh mà đánh chúa Kiệt chúa Trụ, đó lại là một biến-lệ vậy. Nhân-dân thường hoài-bão cái quan-niệm bẩm-thừa đạo-đức của chính-phủ ; mà cái đạo đức của chính-phủ dẫu là bản tự cái đạo-giáo tự-nhiên, gần như cái lý tưởng thuộc về động-cơ (1) ; song lại bảo rằng tự trời mệnh cho kẻ có lẽ, trời sai đánh kẻ có tội, nói như thế thời lại thiên-lệch về đàng công-lợi vậy. Đương đời nhà Ngu nhà Hạ, thiên-tai lưu-hành, thực-nghiệp chửa chấn-hưng lên được, chính-phủ không thiên-trọng về công-lợi không được, nên lúc ấy có tỏ ra cái nghĩa rằng : « Chính đức, lợi-dụng, hậu-sinh », lợi-dụng, hậu-sinh là cái đức cần-kiệm làm cho thừa dùng hậu đường sinh-hoạt ; chính-đức là cái đức trung-dung (như ông Cao-Giao kể ra chín đức ở kinh *Thư*). Đến đời nhà Chu nhân-dân đã được no-đủ, song cái tính chung của loài người ta cho cái sự khoái-lạc về đàng thể-phách chửa lấy làm thích, lại muốn tiến lên để cầu cái hạnh-phúc về đàng tinh-thần. Chu-công nhân thế mới chế ra lễ, làm ra nhạc, lễ dụng ra thời vuông-chỉnh mà có tri-khôn ; nhạc dụng ra thời tròn-trặn mà thần-diệu ; lại trọng văn-hoa, chuộng lễ-nhượng, ruồng-bỏ thói bôn-cạnh ; lập kinh-đô ở đất Lạc, có nói rằng : « Hễ đời nào có đức thời dễ hưng-khởi lên được, đời nào vô-đức thời dễ bại-vong đi mất » ; ấy là chuộng công-bình như thế. đó cũng là bất-tri bất-thức, theo cái thời-thế nó chuyển-di, mà bản thiện về đàng động cơ, bài bác bỏ cái thuyết công-lợi. đó đều là cái sự thực thay-đổi ở trong lịch sử, chớ chửa lập-thành ra học-thuyết vậy.

Quản-tử mới giám cái tệ cuối nhà Chu mà kiều-chỉnh lại, bèn lập ra cái thuyết công-lợi, song lại bảo rằng hạ lệnh xuống như nguồn nước chảy, mệnh lệnh phải thuận lòng dân, thời lại tham-luận về động-cơ vậy. Lão-tử nghĩ khổ về lễ-pháp câu-nệ quá, cho nên bàn đến đạo lớn, mới lập ra cái thuyết động-cơ, song lại chủ-trì cái ý-kiến cứ nhu-nhược để thắng cương cường, thời cũng chửa thoát cái phạm-vi công-lợi vậy Thương quân, Hàn Phi-tử thừa cái thuyết của Quản-tử, mà lập luận thuần-thúy về công-lợi ; Trang-tử thừa cái thuyết của Lão-tử, mà lập-luận thuần-thúy về động-cơ ; ấy là những nhà đại-cách-mệnh về luân-lý-giới ở đời nhà Chu vậy. Song cái thuyết công-lợi của họ Thương họ Hàn, chỉ thiên-trọng về hình-phạt, chỉ có một đàng tác-dụng thuộc về tiêu-cực, ỷ cái quyền vạn-năng của Chính-phủ mà áp-chế nhân-dân, như thế thời không hợp nhân-tình, lại càng không hợp với tâm-lý dưỡng-sinh của dân-tộc ở trong các đời lịch-sử ; cho nên cái thuyết ấy không thông-hành lâu được, chỉ có các nhà chính-trị dã-tâm đem ra lợi-dụng ngầm đó mà thôi. Trang-tử thời luận về động-cơ, vượt ra ngoài cái thế-giới vật-chất, mà chuyên cầu hạnh-phúc về đàng tinh-thần, như thế thời không đem cả gia-tộc và xã-hội hiện-thời là cái nền tổ-chức quốc-gia hoán-cải hết cả đi, thời cái học-thuyết ông ấy lại càng xung-đột với cái quan-niệm của dân-tộc ta phải còn có chính-phủ có cha anh. Không những các nhà chính-trị bài-bác cái thuyết ấy, mà các hạng người phổ thông cũng không tín-dụng được, chỉ có những người học trò trốn đời thời lấy làm thích mà thôi. (Các nhà chính-trị đời nhà Hán chỉ nói đến họ Hoàng họ Lão, chớ không nói đến họ Lão họ Trang là vì thế).

(1) Động-cơ 動機 là cái máy hoạt-động tự-nhiên, ở đây nghĩa là cái chủ-nghĩa tự-nhiên.

Duy học-thuyết lúc bấy giờ cứ theo cái nguyên-ủy trong lịch-sử mà tổ-chức thành ra hai phái là phái Nho-học và phái Mặc-học, song Mặc-tử thời thiệu-thuật từ đời nhà Hạ nhà Thương, để cứu chính lại cái tệ nhà Chu, cái chủ-nghĩa kiêm-ái của họ Mặc dẫu có thể chất-chính về trăm đời cũng không sai, nhưng cái lý-luận ông ấy chỉ chuyên nói về hiệu-quả, thuần là cái phạm-vi về đàng công-lợi; lại lấy cái lời họa-phúc quỉ-thần để hiếp dụ người ta; còn đến cái cớ loài người ta sở-dĩ yêu nhau hay làm lợi cho nhau thời chưa nói được tường, chỉ theo cái nền xã-hội hiện-thời tổ-chức mà bảo người ta phải cần phải kiệm, nên giúp-đỡ lẫn nhau, để đều giữ lấy sinh-mệnh, chớ bất-tất phải có cái tác-dụng gì để đào-thục tinh-tình cả, như thế thời những dân-tộc văn-hóa đã tấn-tới không thể kham được; chỉ có những nhà từ-thiện tầm-thường mới tôn-chuộng cái học-thuyết ấy mà thôi. Như là thiên *Thái-thượng cảm-ứng* đời nhà Hán, dẫu thác là nhờ thần-tiên, nhưng kỳ-thực là phái Mặc-học. Người nhà Minh có truyền lại những thiên *Âm-chất*, *Cách công-quả*, cũng là về dòng ấy cả.

Chỉ có phái Nho-gia, theo cái di-ý ông Chu-Công, gồm thâu cả các cổ-nghĩa tự đời Đường, Ngu, Hạ, Thương mà điều-nhiếp lại, phát ra lý-luận, thời phải theo mà thực-hành, việc gì cũng dùng cái chủ-nghĩa triết-trung: suy tỏ gốc tính-đạo, để khuyến-miễn người chí-sĩ, trước chế ra hằng-sản để dạy bảo kẻ phàm-dân, đó là triết-trung về cái thuyết động-cơ và thuyết công-lợi vậy. Lấy lễ để tiết-chế sự xa-xỉ, lấy nhạc để di-dịch phong-tục, đó là triết-trung ở khoảng văn với chất vậy. Con vì cha mà giấu lỗi cho cha, thời pháp-luật của quan không đến nỗi rối, như ông Mạnh-tử nói rằng: « Vua Thuấn làm thiên-tử, mà ông Cổ-Tẩu giết người, thời ông Cao-Giao là quan tư-pháp cứ việc bắt, vua Thuấn cũng không thể cấm được », đó là triết-trung ở khoảng công-đức với tư-đức vậy. Đạo-đức của nhân-dân là phải phục-tùng chính-phủ; mà cái cách xếp-đặt của Chính-phủ thời lại làm tiêu-chuẩn cho nhân-dân; đó là triết trung ở khoảng chính-phủ với nhân-dân vậy. Cung-kính việc tế-tự mà không nói đến việc thần-quái, đó là triết-trung ở khoảng người với quỉ-thần vậy. Dẫu rằng bàn lẽ triết-học rộng sâu không bằng phái Đạo-gia; bàn pháp-lý tinh-thiết không bằng phái Pháp-gia; cái quan-niệm loài người bình-đẳng không bằng phái Mặc-gia; đến như cái chủ-nghĩa triết-trung, cũng không hay lấy cái danh-học trí-tinh làm căn-cơ, thường có chỗ nói y-vi[1] mà thi-hành ra lại trái khác cho nên không tránh được những lời công-kích của các nhà học-giả đời bây giờ; song đương lúc cuối đời nhà Chu, dân-tộc ta thừa cái văn-hóa tự đời Đường, Ngu truyền lại đã hai nghìn năm, mà ngưng-kết lại làm cái tâm-lý trong xã-hội, thực phần nhiều là bởi cái quan-niệm ấy cả. Dẫu học-thuyết nho-gia cũng có hơi đốn-tỏa ở đời nhà Tần, mà tự đời nhà Hán trở về sau, thực làm một ông tổ bất-diệu ở trong luân-lý-giới của dân-tộc ta, truyền mãi cho đến ngày nay vậy.

ĐÔNG-CHÂU *dịch*

HẠN-MẠN DU-KÝ (1)

汗漫遊記

(Lời ký của một người đi chơi phiếm)

Lời mở đầu

Nghĩ mình từ ngày nào lọt lòng mẹ, được một tuổi học đi, đôi ba tuổi học nói, bẩy tám tuổi biết cắp sách theo thày. Bấy giờ và gian nhà cỏ ở trong mười mẫu cô-thôn, lần lần ngày nắng đêm trăng, những tưởng đấy đã là trung-tâm của trời đất ; còn ngoài đó chân trời góc bể, đều là những cảnh đìu-hiu. Chẳng bao lâu mà khôn lớn lên, mới ngày nào còn riu-rít như chim non ấp tổ, nay đã bông-lông như chiếc lá lìa cành ; dường như con tạo khiến cho kẻ du-dủ trong só nhà thử ra mà nếm cái phong-vị cầu sương diếm cỏ. Đến khi xe đã chồn, chân đã mỏi, *hồn quê luống những mơ-màng, bèo mưa hợp bến chim ngàn về hôm.* Nào ai đã giủ cho mình đi, ai đã gọi cho mình về, thực mình cũng mơ-mơ màng-màng như người đứng trong mấy từng mây tối.

Tôi về nước nhà đã 5 năm nay, kể từ năm 1908 bước chân ra đi, đến 1914, trở về Sài-gòn, giữa ngày tháng tám, tính đốt ngón tay một dạo phiếm-du chốc đã sáu năm có lẻ. Loanh-quanh trong nước mất một năm, tạm trọ Xiêm-la hơn mười ngày, khách qua Nhật-bản hơn một tháng, rồi lại sang Trung-hoa, bao nhiêu thương-phụ to, tỉnh-thành lớn : như Ba-thục miền tây, U-yên đất bắc, Quế-Việt cõi nam, đều là chỗ mình có đề ít nhiều vết xe dấu ngựa.

Đến bây giờ hồi-tưởng lối chơi đã thành cảnh mộng : *ngán cho con tạo trêu ngươi, đem tranh luân-lạc vẽ đời phù-sinh.*

Trong bấy nhiêu năm, những sự mắt thấy tai nghe, hãy còn in trong tri nhớ, có phải là chuyện chiêm-bao đâu. Nay đem những lề-lối phong-cảnh mà mình đã trải qua nơi đất khách, chép nhặt một vài, còn chuyện chi-chi không rỗi mà nói đến. Xin bạn đọc cái du-ký này biết ý tác-giả là thế.

Quanh đường vượt bể ra khơi

Ngày tháng giêng năm 1908, tôi với người bạn ra chơi Bắc-kỳ ; định ở lại Nam-định mà học. Đến tháng ba nhân việc ngăn-trở, phải đáp tầu về Đà-nẵng (Tourane). Khi về đến nơi không tiện lên bờ, bèn chạy thẳng vào Qui-nhân. Đến đấy đổ bộ đi xuyên-sơn vào Phú-yên, lẩn-lút trong rừng 8, 9 tháng. Ngày 24 tháng chạp năm ấy, mới dáp mành vào Nam-kỳ. Từ cửa bể Xuân-đài mà ra khơi. Đến ngày 7 tháng giêng năm 1909 tới Mỹ-tho, lần vào Bến-tre, đến làng Tân-hương tìm chỗ ngồi bảo trẻ.

Nhớ khi ngồi bảo trẻ có làm một bài ca rằng :

Một nghìn lô-mét xa là mấy ; hăm bốn hành-canh lớn biết bao. Bể trần

(1) Bài này kỳ 29 đã đăng được mấy trang đầu ; nay cũng chữa lại để in luôn một thể.

theo với ngọn ba-đào ; buồm quá-độ giập-dìu trên quả đất. Nhích thử gánh tang-bồng cho biết sức ; nặng ai giữ mà nhẹ cũng ai nang. Cái hợp-tan là đám phù-vân ; chìm hay nổi lượng theo buồm với gió. Vậy có câu rằng :

Phong-trần tùy sở ngộ ;

Hà-tất kế cùng thông,

Ấy mà thôi ! Gió mát trăng trong ; tạm lấy cảnh đỡ khuây miền đất khách. Vấy-vấy một đôi trò, hoầy-hoầy ba chữ sách : nhắc chuyện đời cho trẻ nhỏ nói nghe chơi. Đĩ Tầm-dương gẫm chị cũng nực cười ; khéo giỏi khách mà trêu người cho Tư-Mã khóc. Thôi ! chuyện cũ kể chi cho nhọc ; hỏi sông Hương có mấy thức trăng tròn. Tới đâu là chẳng nước non....

Tới đâu là chẳng nước non ; nhưng mà lênh-đênh đất khách một mình, ngồi chăn ba đứa trẻ của nhà người, để nương thân cho qua cái thì-giờ không có hi-vọng, cái cảnh-ngộ không có chủ-đích, thời cũng dễ chán thật. Trời cao đất rộng, tới đâu là chẳng nước non ; nghĩ đến đấy mà không thể ngồi yên được.

Ngày tháng tư năm ấy, nhân theo bạn lên Saigon mua sách vở. Đêm nằm nhà trọ mỏng tai nghe người một bên nói chuyện đi Xiêm, kể những kỳ lầu và cách đi, hôm sau bèn xuống ngay tầu mà châm-chước với một người thủy-thủ. Được người ấy chịu lời rồi, đêm mồng 3 tháng tư xuống tầu mà làm khách xuất-dương từ đấy.

Xuống tầu rồi ngồi trong một cái phòng kín dưới khoang ; đồ hành-lý xuất-dương cũng chỉ có hai chiếc bánh mì và một chai nước uống. Tôi cứ ngồi trong cái phòng kín ấy, dùng hết quá nửa đồ hành-lý, thì tầu mới nhổ neo, cứ mơ-mơ màng-màng không biết bây giờ là bao giờ, vì trong phòng tối không có một khe ánh sáng nào, dù có đồng-hồ cũng không có thể rò thấy thời-khắc.

Bấy giờ ngồi một mình, hồi-tưởng cảnh-ngộ sinh-bình, lịch-lịch như in trong tâm-khảm ! Nào những lúc đang vùi đầu chốn tràng-ốc, cùng chúng bạn quyết tranh lèo giật giải, ý-khí hăng-hái biết là nhường nào ! Lại những lúc cưỡi trăng cợt gió, một năm trời vui thú Hành-sơn, sớm hôm cảnh phật người tiên, buồm ngư đông-hải, chuông chiều Từ-tâm, thì thân-thể lại thanh-lịch là nhường nào ! Lại nhớ lúc làm ruộng Cầm-nê, thầy trò dìu-dắt, có khi đặt câu ca cho thợ gặt hát, thú điền-gia nghĩ cũng vui thay ! Lại nhớ lúc bãi cỏ bên đường, mái chùa cạnh suối, cùng đôi ba chúng bạn trò-trò chuyện-chuyện, mượn bóng tà-dương, mảnh tàn-nguyệt, soi chung một tấm tâm-can. Lúc bôn-tẩu về việc hội-thương, lúc bô-hào về việc hưng-học ; bạn cựu-nho đã chê là phường hư-hỏng, kẻ bàng-quan cũng cười là lũ điên-cuồng ; thế mà mình vẫn ngông-ngông nghênh-nghênh, tự lấy làm đắc-ý. Lại nhớ vừa năm ngoái đây, 7, 8 tháng trời, trèo non lách núi, không tìm được một chỗ thê-thân. Than ôi ! Trời đất hẹp-hòi, khách chơi lỡ bước, vào chốn nông-gia, không đủ làm một người điền-tốt ; ra nơi thành-thị, thường phải nhục với đứa phu-tuần. May mà lúc còn ẩn bóng chùa Vân (Suối mây), lúc còn nương thân chại Cống (Cống sơn) ; lúc gặp bạn trong núi, lúc đi săn trong rừng ; trong cảnh cùng-sầu, mà cũng lắm lúc tiêu-dao tự-tại.

Nước kêu quanh suối gió quanh rừng,
Cũng một lần thu dễ mấy lần.
Mưa dọt nhỏ sầu tuôn lác-đác,
Sấm dồn nổi giận gõ tưng bừng.
Mây đen sắp lớp, trời không mắt,
Khói bạc vun vồng, núi có chừng.
Trời đất biết người đây chẳng tá,
Người đây là kẻ giữa phong-trần.

Ấy là một bài thơ cảm-hoài của ta năm vừa rồi ngẫu-vịnh ở nơi một cái

lều tranh trong cái khe núi quạnh vắng kia vậy. Nghĩ đến mà buồn thay! Đến bây giờ chưa hết gian-nan, lại còn phải vượt bể khổ một lần nữa! Hồi-tưởng bao nhiêu cái hi-vọng, cái danh-dự, cái chí-khí của người ta, đều là vật-lụy cho thân của người ta cả, cũng muốn vất đi bỏ đi cho rảnh, mà trong lòng lại hối tiếc biết là nhường nào!

Đang ngồi một mình ngẫm-nghĩ chuyện mình, chợt thấy người làm tầu đến gọi tôi mà bảo rằng: « Tầu đi khỏi Sài-gòn đã nửa ngày rồi; bây giờ có thể ra ngoài mà hóng mát. » Tôi liền theo lên boong.

Ác sế trời tây, vàng gieo mặt biển, trông vào cõi đất, kéo thẳng một vệt mặt nước với chân trời. Bây giờ tưởng mình như chim sổ lồng, cứ đi lại trên mặt tầu mà thở hút hơi bể. Người thủy-thủ cũng ân-cần đãi khách, đồ ăn uống sung-túc, mà mình đã nghiễm-nhiên ra một vị khách quá-giang.

Từ Sài-gòn đến Bangkok tầu ghé có một chỗ, là cù-lao Côn-lôn; ấy là nơi cấm-cố những kẻ tù phạm. Trước người nước ta ai nghe nói tiếng Côn-lôn, mà chẳng run gan ghê thịt. Bây giờ Nhà-nước đã sửa-sang đẹp-đẽ, khí-hậu cũng ôn-hòa; người ở đấy không sợ lam-chướng như các nơi rừng-rú khác.

Tầu đến bến, những tù phải ra mà giỡ hàng, và đem bán cho hành-khách những đồ tự mình chế-tạo được, như: tráp đồi-mồi và đồ thắt bằng mây. Tôi có ý nhận tìm mấy người bạn cũ từ năm trước đã bị tù ở đó, mà không thấy. Hỏi ra mới biết những người phạm ấy được vào hạng hậu-đãi, không phải đi khổ-sai. Khi tôi về Hà-nội có tiếp cái thơ của người bạn ở Côn-lôn cũng khen nhân-chính của Nhà-nước về việc giam-tù. Hễ kẻ có tội đã phải vào nhà giam, đều lấy nhân-đạo mà đãi, không như cái thói tàn-ngược ngày trước. Văn-minh với dã-man khác nhau là thế.

II

Đến thành Bangkok (Siam)

Thuyền từ Côn-lôn-đảo chạy 2 ngày thì đến thành Bangkok, là kinh-đô nước Siam. Tôi nhớ lúc bấy giờ là ngày mồng 6 tháng 4, thuyền vào cửa, hành-khách đều lên xuống tự-do, không ai hỏi xét gì cả. Người làm tầu kia đưa tôi lên bờ, dẫn vào nhà một người quen mà trọ. Người ấy vốn là người nước ta ở tỉnh Bình-định, biết chữ nho, có nghề làm thuốc. Nhân vào Saigon phải người ta nghi là đảng Thiên-địa-hội, nhân có việc bị bắt, người ấy bèn trốn sang Bangkok đã 7 năm nay mà thực là một người chân-chính trong sân Trình cửa Khổng.

Người kia gặp tôi lấy làm mừng-rỡ lắm; trong 10 ngày ở Siam cùng nhau trò-truyện, nên một người bạn tương-đắc; ngày đi chơi các phường-phố, tối vào chùa mà phụ tiên xem việc cát hung, và cho đơn thuốc cho người đau. Vì người Siam còn hay mê-tín quỉ-thần, cho nên người kia cũng nhờ cái thuật ấy mà sinh-nhai lần hồi.

Người Annam sang ở Siam cũng nhiều, quá nửa đi kiếm ăn trong các chùa-chiền, cũng có người làm nghề nọ nghề kia như: làm vườn, làm ruộng, thợ mộc, thợ may, vân vân; còn kiếm ăn về đạo thần-tiên, thì có anh này là một. Chiếc thân lưu-lạc nơi đất khách, cả ngày chỉ lấy chén rượu làm thú tiêu-khiển. Còn nhớ anh ta có câu thơ rằng: 何年華表歸來鶴, 莫誤槃城作異鄉 (Bao giờ hạc lại non Huê, Bàn-thành này chốn đi về năm xưa), thì thấy tấm lòng cố-quốc thường-thường lưu-lộ ra vẫn thơ giọng hát.

Tôi nhân hỏi cận-trạng nước Siam, anh ta lược-thuật lại rằng: « Từ khi

các nước giao-thông, Siam-Hoàng đã có 2 lần sang du-lịch bên Âu-châu, để khảo-sát chính-trị của các nước, việc ngoại-giao, việc phòng-bị trong nước đều nhờ người Anh dạy bảo. Đến năm 1902, đổi hết phép lục-quân, bỏ tượng-binh làm bộ-binh. Lập trường Chấn-võ ở kinh-sư, từ thân-vương trở xuống đều phải vào học, chuyên giảng vũ-bị để dưỡng nên cái tinh-thần thượng-võ.

« Hiện nay trong nước có 10 sư-đoàn, mỗi sư-đoàn có 2 đội quân-bộ, 1 đội kỵ-mã, 1 đội pháo-thủ, 1 đội công-binh, 1 đội vận-tải, 1 đội súng cối-soay, và 1 đội vệ-sinh. Hải-quân đã có 5, 6 chiếc chiến-hạm từ một đến hai ngàn tấn, 6, 7 chiếc thủy-lôi. Quân-bị như thế đã lấy gì làm hoàn-bị, thế mà giữ được địa-vị độc-lập, là nhờ có cái chủ-nghĩa khai-phóng. Nghĩa là trong đô-thành có tập-hợp lĩnh-sự các nước, và mình cũng phải lĩnh-sự ra ngoại-quốc nữa, người trong nước không đủ thì mượn người nước ngoài làm đại-biểu. Các bộ-viện trong nước cũng vậy, mượn tài nước khác là thông-lệ của vạn-quốc.

« Việc giáo-dục phổ-thông trong nước Siam còn ở tay mấy nhà sư, vì các học-đường đều là của nhà chùa lập ra cả. Người trong nước ai không đi đạo Phật, ít có người biết chữ. Còn những người có học-vấn cao-đẳng, lại hồ hết là những người có du-học các nước.

« Dân-trí trong nước còn đê-liệt mà hay phục-tòng, cho nên ít khi xảy ra những việc xuẩn-động. Đất trong nước đều là công-thổ, ai muốn cất nhà hay là cầy-cấy, cứ tìm nơi chưa có người làm mà khai phá rồi nộp thuế cho nước, người đến sau không được tranh của người chiếm trước; trừ khi Nhà-nước có dùng đến nơi đất ấy, đã có lệnh thì phải trả mà đi nơi khác ngay.

« Ruộng-đất lắm màu, dễ cầy-cấy, chỉ vì tính người Siam hay biếng-nhác cho nên dân đói còn nhiều.

« Dân gian quen ở nhà gác, chung-quanh không biết sửa sang gì cả. Tính người hay đánh bạc, Nhà-nước nhiều lần nghiêm-cấm không được, cho nên đức Hoàng-phụ có đặt ra một ngạch thuế cờ-bạc, cũng là nhẫn sở-hiếu của dân, mà thêm tài-dụng cho Nhà-nước.

« Trong thành Bangkok, đường-sá rộng, dân-cư đông, dinh-thự cung-quán đều cất lối tây; cung-điện nhà vua cũng ở trong thành-phố. Thành-phố ở liền cửa bể. Có các đường xe điện xe hỏa, cũng là một nơi đại-đô-hội. Việc buôn bán có thế-lực nhất là người Anh, rồi đến người Pháp, còn hàng tạp-hóa, nhà khách-sạn, nhà chứa hàng thì của Hoa-kiều thịnh hơn nhất. Các nước đều có lập nhà báo-quán, người Trung-hoa cũng có sở Hoa-Siam báo. Còn người Siam cũng có quốc-văn xuất-bản, song hồ hết là những sách ca-dao truyện-ký bằng chữ Siam.

« Nói tóm lại trình-độ người Siam còn kém người Annam; mệnh-vận nước-nhà chỉ nhờ ở tay chủ-trì của mấy người Hoàng-thất, mà thật, hình-dung thái-độ, học-vấn, tư-tưởng của những người trong Hoàng-thất cao biết mấy lần hơn là dân Siam.

« Có người nói: Siam-Hoàng lo trong nước không đủ nhân-tài, phải mộ lấy con trẻ người ngoại-quốc về mà nuôi, như con người Tàu người Annam sinh trong đất Siam mà cha mẹ không đủ sức dưỡng-dục thì vua Siam thu lấy mà dưỡng-dục cho thành tài, để cùng giúp việc Nhà-nước. Ôi! cầu-tài ngoại-quốc, dụng-tâm như đức Siam-Hoàng đã lao lắm thay! »

Lịch-sử nước Siam. — Tương-truyền nước Siam thành lập từ tây-lịch năm 573. Thủa ấy Phật-la-phu-

an (佛羅敢安) là đấng anh-hùng, giẹp yên quân ngoại-khấu, định đô ở La-bản (羅本) gọi nước là *thai* (台) nghĩa là nước tự-do.

Trước người Portugal mới đến gọi người đấy là *Gyama* (nghĩa là người xanh và đen) rồi sau thành danh là Siam, cũng có người gọi là nước Vạn-tượng, hay là nước Hoàng-y. Trong khoảng tây-lịch năm 407 đến năm 450, nước Siam mới khỏi các nước ngoài xâm-chiếm, yên việc can-qua, mà nên một nước tự-chủ, mới có kỷ-cương chế-độ, cho nên phàm khảo lịch-sử nước Siam, phải kể từ Phật-la-phu-an trở xuống, còn từ đó trở lên về đời thượng-cổ, không thể xét được.

Đạo Phật ở Siam. — Trước đã nói Siam lấy Phật-đạo làm phổ-thông giáo-dục, cho nên chính-trị trong nước cũng có vẻ phật-đạo mà người ngoại-quốc gọi Siam là nước « Phật-đạo chính-trị. » Xét Phật-đạo lưu-truyền sang các nước bên Á-đông, chia ra làm hai phái : Đại-thừa và tiểu - thừa. (大乘小乘) Những giáo-nghĩa mà nước Tầu, nước Nhật-bản, nước Nam ta tín-ngưỡng xưa nay thuộc về phái Đại-thừa; Còn Ấn-độ, Diến-điện, và Siam tín-ngưỡng xưa này về phái Tiểu-thừa. Tiểu-thừa là phái trọng những việc trai-đàn cúng-dường, làm chùa xây tháp. Người ta mới vào thành-đô Bangkok, thấy chùa tháp khắp mọi nơi, người mặc áo dà-sa đi đầy đường, tưởng là thành-đô một nước Phật, hay là chợ họp những nhà sư. Hình-thức các chùa mỗi thời một khác, xem thế đủ biết mỹ-thuật người Siam cũng tiến-bộ lắm. Có một điều lạ là dường như nhân nơi có chùa chiền, sau mới thành đô-hội. Không những thành Bangkok như thế mà thành ấn nào cũng vậy.

Người Siam lấy đạo Phật làm quốc-giáo. Con trai sinh trong nước phải xuất-gia một lần, rồi mới được là thành-nhân. Những con nhà giầu lên 7, 8 tuổi, hội thân-hữu rước sư về nhà làm lễ cho con trẻ thí-phát mặc áo dà-sa vàng. Sau một vài ngày lại hoàn-tục.

Con nhà nghèo phải cho con vào chùa làm lễ thí-phát, theo sư học kinh. ngày đi khuyến-hóa, vài năm mới hoàn-tục.

Những người tu-hành tự-nhiên mất dần tính mạnh-bạo, mà ra một giống người nhu-nhược. Đến đời các vua cận-thời mới sửa đổi dần, cho nên phật-giáo ở nước Siam ngày nay có phân ra tân-giáo và cựu - giáo, hình-thức có một vài điều khác nhau, mà giáo-nghĩa thì vẫn là một.

Quốc-vương là người đứng đầu bảo-hộ cho phật-đạo, cầm quyền giáo-dục cả một nước. Về việc cai-trị thì có đặt quan hành-chính các bộ, còn dưới quyền Pháp-chủ có 4 người tăng-chính coi việc giáo-dục cả nước. Trên các tăng-chính có một vị Đại-tăng-chính, thay mặt quốc-vương để thống-giám cả tân-giáo và cựu-giáo trong nam bắc hai hạt

Hiện nay giáo-trưởng nước Siam là một vị Hoàng-đệ, gọi là Ba-chi-la-an thân-vương. Hoàng-đệ có đi lưu-học nước Anh đã có bằng cao-đẳng. Khi về nước đến nửa đường, sinh lòng mộ-đạo, đến Ấn-độ thì phát-nguyện ; đến Tân-gia-pha thì xuất-gia. Lại lộn lại Tích-lan-đảo mà nghiên-cứu phật-học cho tinh rồi mới về nước. Nay tu ở chùa Phù-la-kê-ô, làm quản-trưởng phật-giáo cả nước, quyền ngang với quốc-vương, chùa ấy là nơi tráng-lệ nhất trong thành Bangkok.

Nhớ khi tôi ở tại Báo-quán Bắc-kinh (năm 1913) có tiếp cái thư sau này của người bạn ở Siam thuật chuyện Siam-Hoàng làm lễ đăng-tôn, xem đấy thì biết người Siam tôn-sùng Phật-giáo là dường nào : « Ngày tháng

« chạp năm ngoái (1912) Siam-Hoàng « làm lễ gia-miện tại đền Ma-cáp-ba-sa, « theo cổ-lễ, các sư Bà-la-môn vào « đền làm lễ kỳ-đảo, rồi rước vua vào « ngự chùa Phu-la-kê-ô. Xa-giá đến « cửa chùa, thì cởi áo Bà-la-môn mà « mặc pháp-phục về phật-đạo. Siam- « Hoàng vào đứng trên đại-điện, đối « với 88 vị cao-tăng, mà tuyên một « lời trịnh-trọng rằng: «Trẫm ở dưới « quyền tổng-quản của đức Pháp-chủ « Ba-chi-la-an thân - vương. Trẫm là « người thủ-hộ hết lòng tín-ngưỡng. »

Vô-luận quốc-dân đối với các sư phải tôn-kính thế nào, chính Quốc-vương đi đường gặp các vị Tăng-chính cũng phải chắp tay làm lễ. Cách thờ Phật trọng tăng, quả hơn là triều Lý nước Nam ta thủa trước. Tiếc cho bọn tăng-đồ nước Siam không có cái tư-tưởng cao-sâu trong phật-học, chỉ kiếm-ăn về nghề khoa-cúng đàn-việt, mà đạo Phật không phát-huy ra được.

Khi tôi ở Siam có vào xem đàn chay trong một cái chùa, thấy đàn-bà con-gái đều quì trước hương-án, còn các sư tay cầm cành phan giấy, chạy chung-quanh đàn vừa chạy vừa đọc như trò trẻ chơi vậy. Tưởng đức Bồ-tát có hiện-thân trên đàn ấy cũng không chịu được cái phiền-não náo-nhiệt ấy.

Vả chăng phật-học ở bên Á-đông, giáo-nghĩa rất là cao sâu, những bậc triết-học Âu-Mỹ cũng lấy làm hay lắm. Tiếc cho không có chánh-truyền để càng ngày càng xa lạc. Vô-luận phật-giáo ở Siam vốn là phái Tiểu-thừa, lưu-tệ đến nỗi đi lần từng nhà mà khuyến-hóa, nhờ của chùa làm sinh-nhai ; đến như Phật-giáo từ Trung-quốc truyền sang nước ta nguyên là phái Đại-thừa, đến ngày nay cũng đọa-lạc hồ hết. Trong khoảng 300 năm từ tây-lịch 603 đến 937, trong nước ta đã có lắm vị cao tăng như : *Vô-ngại thượng-nhân, Phụng-đình pháp - sư,* đều là những bậc thâm-thông phật-học. Đời nhà Lý có đức *Hương-hải-thuyền-sư* thuật những câu của các đấng cao - tăng rằng : « *Muốn xem thấy Phật chỉ xem chúng-sinh, chỉ vì chúng-sinh không biết Phật, không phải Phật mê chúng-sinh. Bản-tính tự-ngộ chúng-sinh tức Phật, bản-tính tự-mê Phật tức chúng-sinh, tự tính bình-đẳng, chúng-sinh tức Phật, tự tính tà-hiểm, Phật tức chúng-sinh. Phật ở lòng ta, lọ là phải cầu đâu thấy.* » Kinh Phật có nói rằng : « *Lòng tạo ra mọi nghiệp, nghiệp sinh thì lòng duyệt, mọi nghiệp tiêu-trừ, tự nhiên thấy Phật* » Chân-lý trong Phật-đạo lấy tịch-duyệt giác-ngộ làm qui-túc. Ý-nghĩa uyên-vi như thế mà người đời chỉ mê đường họa-phúc không liễu-ngộ được, cho nên chỉ thiên về tiểu-thừa, mà trọng những sự đàn - chay pháp - giới. Nghe nói ở tỉnh Phú-yên ta có nhiều vị sư biết nghiên-cứu phật-học, khi tôi lưu-lạc đến đó có cải-trang làm sư, vào một cái chùa kia, chụ-trì ba tháng, giao - tiếp với các tăng - chúng cũng nhiều, chẳng qua chỉ những bọn cả ngày bôn-tẩu nơi quyền-quí lấy việc chay-tiếu mà kiếm-ăn. Than ôi ! tục-ngữ có câu rằng : « *tránh nhà mặc áo dà sa, việc chùa lại bận bằng ba việc nhà* ».

Phật-lý uyên-vi như lời *Hương-hải-thuyền-sư* đã nói, nào có phải những người thô-thiển mà lĩnh-lược được. Nghe nói người Nhật-bản đang hết sức khoáng-trương Phật-đạo, năm xưa *Thanh-hư thượng-nhân* là người Trung-quốc, khi du-lịch Nhật-bản về, có liên-lạc các giáo-đồ trong hai nước. Ngày sau Phật-học về Đông-phái và Bắc-phái hoặc nhân đó mà phát-đạt lên được chăng ; còn Tây-nam-phái như : Diến-điện, Tiêm-la, tất ngày một suy-lạc, dù có Siam-Hoàng ra sức cải-cách, chẳng qua cũng là hình-thức mà thôi.

Người Annam sang ở Bangkok cũng nhiều, có người theo đạo Phật, có người theo đạo Thiên-chúa, có người vào làm tôi-tớ các qui-quan, có người đi tản-cư các sứ, mà có đoàn-thể kết làm một bọn di-dân thì chỉ có 2 thôn gọi là Cựu-Annam (Sam-phên) và Tân-Annam (Sam-xển). Cựu-Annam là những người theo đức Cao-Hoàng tị-nạn sang Siam tự trăm năm về trước, đến nay con cháu sinh-trưởng đã nhiều ; Tân-Annam là những người theo giáo Thiên-chúa, từ năm Minh-mạnh Thiệu-trị có lệnh cấm đạo mới trốn mà sang Siam. Người Annam ở Siam đều nói tiếng Siam, chỉ người Tân-Annam-thôn còn giữ được tiếng nước nhà, còn có đoàn-thể, là nhờ có sức tôn-giáo.

III

Đi Hương-cảng

Cái nhiệt-độ về lòng tiến-thủ của tôi bây giờ đã lên đến cực-điểm, lúc ra khỏi nước nhà muốn tìm được ngay nơi học-hành cho thêm tri-thức, biết Bangkok không phải là nơi cầu học, liền từ bạn đáp tầu mà đi Hồng-công. Từ Bangkok đến Hồng-công đường đi phải 10 ngày. Bấy giờ vừa tiết đầu hạ, sóng bể còn êm, thuyền ra khơi được vài ngày, cứ hướng đông mà chạy. Mỗi khi sương sớm vừa tan, cứ đi thủng-thỉnh trên mặt tầu, rộng con mắt, hả tấm lòng, tưởng sinh-bình chưa bao giờ gặp cái cảnh ấy. Tuy-nhiên, trông ngang trông ngửa, trời bể một màu, lại sinh ra vô-cùng cảm-khái, mênh-mang bể thẳm trời cao, cố-hương nào biết đâu-đâu mà nhìn....

Đến ngày mồng 4 tháng 5 chừng một giờ chiều, có người Hoa-khách cùng bạn đi tầu, viết bút chì mà bảo tôi rằng : « Tối hôm nay thuyền sẽ đến Cảng, » bấy giờ tôi huyền-tưởng ngay một bức tranh phong-cảnh Hương-cảng như bầy ra trước mắt. Khi đến nơi, thì bức tranh thiên-nhiên và bức tranh tâm-tạo đã khác nhau nhiều lắm.

Hương-cảng là một cái cù-lao nhỏ ở ngoài cửa sông Châu-giang, thuộc về tỉnh Quảng-đông, cách tỉnh-thành chừng 75 dặm. Chu-vi có 30 dặm dài, diện-tích có 40 dặm vuông, trước là một nơi tụ-họp những quân giặc bể. Tự năm 1842 (Đạo-quang năm thứ 22), Trung-quốc cắt nhượng cho nước Anh, đặt quan cai-trị, từ đó mới thành ra một nơi đô-hội.

Đối-diện cái cù-lao ấy là thành-phố Cửu-long, giữa cách một cái vụng vừa rộng vừa sâu, tầu buôn các nước ra vào đậu được, hai bên có những tầu nhỏ đi lại như mắc cửi, những thuyền nhỏ ghé lại bên tầu lớn như đàn kiến bám vào con sâu, có nhiều tầu nhỏ đi lại lườn-lượt làm cho mặt nước nổi sóng lên cả ngày.

Trên đất những nhà liền như úp bát, từ bên Cửu-long trông sang, không biết cơ-man là lầu-đài chồng-chất, từ mé bể cho đến chót núi, hình như một cái ổ tò-vò muôn gian nghìn nóc, còn những cây cổ-thụ chung-quanh chỉ như mấy chậu hoa để dưới nhà lầu vậy.

Dưới nước thì tầu hỏa, trên bộ thì nhà máy, phun khói như mây cả ngày, tự 7 giờ sáng đến 6 giờ tối không một lúc nào trên không-khí mà được quang được tĩnh.

Có hai con đường xe điện : một con đường đi vòng bờ biển, một con từ trung-hoàn đi ngược lên núi, vì thế người ta lên núi xuống núi không phải leo-trèo gì cả. Bên Cửu-long có đường xe hỏa đi thẳng đến tỉnh-thành, hàng-hóa từ Quảng-đông Quảng-tây chở đến Cảng, nhất-diện đi xe hỏa Quang Cửu, nhất-diện đi đường sông Tây-giang và Ngô-châu, việc buôn bán ở đấy thịnh-vượng thế nào ai cũng đã biết.

Ở Cảng có trường học chữ Anh, trừ những trường công của nhà nước, còn các trường của giáo-hội và các trường của người Trung-quốc, hoặc dậy chữ Anh, hoặc dậy chữ Hán. Khi tôi ở Sài-gòn nghe nói có người Annam qua học ở Cảng, đấy là một trường dậy Anh-văn của Giáo-hội. Khi đến Cảng được hai ngày, tôi nhờ người chủ quán cho tìm người học-sinh Annam. Người chủ-quán nói có biết một người Annam, liền lấy ống nói mà gọi. Đến nơi thì chính là người tôi muốn gặp, người bạn đem tôi về nhà trọ, rồi mấy hôm sau, tôi cũng vào trường mà học chữ Anh, trước sau được vài tháng.

VI

Tự Hương-cảng sang Nhật-Bản

Sự-nghiệp học-vấn của người ta quí ở lập chí, mà cũng nhờ ở gặp thời. Vô luận những kẻ thiếu-niên lười-biếng, có cha mẹ nuôi, có thầy bạn dạy, mà không chịu tân-cần học-tập cho thành công. còn những kẻ gia-tư bần bạc, cảnh-ngộ biến-thường, chỉ những chạy ngược chạy xuôi, phụ chí luống công cũng đáng thương đáng tiếc lắm. Tôi từ nhỏ học chữ hán, 20 tuổi đã thi đỗ. Cũng biết nghề khoa-cử không thích-dụng ở thời này ; quyết chí cải học chữ Pháp, rủ mấy người đồng-chí lập một cái nhà trường tân-học gọi là « Duyên-phong học-đường », đón thầy dạy chữ Pháp là có ý nhân thời-cơ ấy mà mình cũng được thiệp-liệp một đôi chút. Sau vì việc nhà triền-nhiễu không chuyên-tâm mà học được ; mới theo bạn ra Bắc-thành : cái chủ-đích của chúng tôi đi Bắc-thành khi ấy là muốn tìm nơi pháp - học đã đông người mà theo đòi 5, 6 năm họa may có bước chân vào đường tân-học được chăng. Ai ngờ việc du-học Bắc-thành lại thêu-dệt nên mối hiềm-nghi sua đuổi cho tôi ra con người li-hương khứ-lý từ đó.

Lúc đến Hương-cảng, trong nang-thác tôi chỉ còn 120 đồng bạc. Vì lòng mộ-học nóng quá, không kịp tính gần tính xa, quyết-nhiên vào học. Học-phí mỗi tháng có 22 đồng, tôi vừa học được mấy tháng thì sự học của tôi cũng theo tiền lưng tôi mà tốt-nghiệp.

Nghĩ mình thực vô-duyên với Âu-học ; khi ra khỏi nhà học, trong lưng chỉ còn 3 chục đồng bạc. Lấy 3 chục đồng bạc này bảo-lĩnh làm sao cho cái sinh-hoạt mình nơi đất khách ? Thôi, đã là cái thân khứ-quốc, thì đi đâu mà không phải tha-hương. Chi bằng cứ phóng-ý ngao-du cho đến chỗ sơn cùng thủy tận ; dù có trải lưu-li khốn-khổ thế nào, cũng là cái thiên-nhiên học-hiệu của mình đó.

Nghĩ đến đó, tôi liền đi mua vé tầu và sắm-sửa đồ hành-lý mà đi Thượng-hải. Lúc xuống tàu, trong lưng chỉ còn có 5 hào bạc. Tàu chạy tự Cảng lên Thượng-hải chỉ 5, 6 ngày, người ta ai cũng mong cho chóng đến nơi, mà tôi mong cho càng lâu. vì tàu đến bến lúc nào là lúc khốn-cùng của tôi từ đó.

Tầu chạy đến ngày thứ hai, tôi đang ngồi trên sàng tàu mà hóng mát, đang xem quyển tiểu-thuyết (*Hoang-đảo cô - đồng*) chợt thấy một người Trung-hoa lững-thững đến nơi mượn tôi quyển tiểu-thuyết mà đọc. Bản tiểu-thuyết này nguyên là của tay một người văn-sĩ Trung-hoa dịch chữ Anh ra chữ Hán, tả cái tinh-thần mạo-hiểm của một người Anh lưu-li hải-ngoại trong 20 năm. Hay đâu nhân quyển tiểu-thuyết này mà giới-thiệu cho tôi quen với một người Hoa-hữu; lại nhờ quyển tiểu-thuyết này mà giắt-giu cho tôi được lịch-du một nước bên Á-đông. Cho nên tôi lấy làm quí làm chuộng quyển tiểu-thuyết này cũng không phải là quá đáng. Tiếc thay ! Ba năm về sau, lúc thuyền gặp hiểm sông Li-giang, thì quyển tiểu-thuyết quí-báu của tôi đã theo vua thủy về Đông-hải.

Tối hôm ấy, người khách đến trả quyển tiểu-thuyết và nói một thôi rất dài, hình như nghị-luận gì trong tiểu-thuyết mà tôi cứ miệng câm tai điếc không đáp lại một lời. Vì mới bước chân ra ngoài chửa hiểu tiếng Trung-quốc. Trong khi ngôn ngữ bất thông, tôi vừa tức vừa thẹn ; mà khách cứ thản-nhiên, không lấy làm lạ. Vì bởi cõi Trung-quốc rộng quá, mỗi tỉnh nói một thứ tiếng ; người trong một nước thường không hiểu được nhau. Người kia liền giắt tôi vào trong phòng, lấy bút giấy mà thủ-đàm. (1) Từ bấy giờ hai người mới sinh thú-hứng. Người kia biết tôi đi Thượng-hải, nhân bảo tôi rằng : « Các anh ra ngoài cầu học cho rộng kiến-thức, thì ở bên các nước Á-đông này còn đi đâu hơn Nhật-bản. Tôi đây cũng là một người đông-độ (2). Nếu tư-phủ anh không đủ để tôi giúp cho ». Nói rồi liền đưa tôi đến người chủ tầu mà đổi vé cho đi Nhật. Nhân cái tầu ấy là tầu Anh, ghé vào Thượng-hải xếp hàng rồi đi luôn sang Hoành-tân. Nghĩ cái hành chỉ người ta biết đâu mà định trước. Hào thay ! cho ta lúc bấy giờ trong lưng chỉ có 5 hào, mà cũng nghiễm-nhiên làm khách lịch-du một tháng trời trong Tam-đảo (3).

Tầu từ Hương-cảng đến Hoành-tân phải 12 ngày, 2 ngày tầu đậu ở Thượng-hải, khi tầu đến Nhật-bản tôi theo người bạn lên trọ tại nhà lữ-quán. Mọi sự tổn-phí có bạn tôi chiếu-liệu. Tôi cũng nhân lúc rỗi mà học nói tiếng Trung-hoa. Người bạn tôi là người Hồ-bắc, cho nên tiếng tàu tôi tập nói tiếng Hồ-bắc trước.

Tôi đi Nhật-bản là vì có người bạn hào-hiệp ấy định giúp phí cho mà lưu-học. Phàm làm trai có huyết-tính chẳng lấy sự nương-nhờ người là khó chịu, song cùng-đồ lạc-phách nh tôi, tất phải nhờ người giúp sức m tu-tiến được ; miễn cho sau này thàn lập, ấy là chỗ báo đáp đối với tri-k vậy. Cái cảm-tình cùng ý-khí cũ chúng tôi như thề, ai ngờ cái cảnh-ng bên ngoài nó lại giun-giủi cho ra th khác. Ôi ! có luân-lạc mới nếm mi thế-sự. Khi tôi đã gặp người Hoa-hữ ấy không còn muốn có hai người biế mình là người Annam. Nhân đổi tê họ là Cao, nhận tịch là người Quảng đông.

Lúc chúng tôi đến Nhật-bản vừa c việc người Triều-tiên là An Trọng-Cô ám-sát Y-đằng-Hầu mới vài tuần l trước. Phàm người Triều-tiên đi lạ Nhật-bản bị tra xét rất ngặt. Số nhiề người Triều-tiên là họ Cao, cũng như Annam có họ Nguyễn. Nhân thế trinh-thám theo tôi càng ngặt, đến nỗi đi lạ mất cả tự-do ; mà người Hoa-hữu là người bảo-hộ tôi cũng bị nhà trọ khu-trục. Một hôm có người trinh-thám hỏi lai-lịch tôi, bạn tôi nói tôi là người Quảng-đông. Người trinh-thám lấy ngay tiếng Quảng-đông mà hỏi tôi. Tôi còn ngớ-ngẩn chưa hiểu là nói gì, người bạn tôi biện-bác ngay rằng « Người này quán ở Quảng-đông, mà sinh-trưởng ở Siam ». Người trinh-thám cho là độn-từ không tin. Mà người bạn tôi cũng không thể biện-bạch sao cho được. Tôi không muốn vì mình mà để lụy đến bạn, đêm hôm ấy viết cái thư để lại rồi lẻn ra mà đi.

Hôm sau, tôi cứ đi vơ-vẩn trong các công-viên, thấy mấy người trinh-thám theo sau mãi. Thực lấy làm gai-góc lắm, song biết tránh cũng không được, lại cứ lân-la làm quen. Nghề

(1) Thủ-đàm là nói truyện bằng tay (2) Đông-độ là đi về hướng đông, người Tàu thường thường gọi đi Nhật-bản là đông-độ.

(3) Tam-đảo là tên riêng nước Nhật-bản vì nước ấy có ba hòn đảo.

trinh-thám Nhật-bản rất là linh-hoạt. Tôi thường xem truyện trinh-thám, dù chưa trông thấy những cách cải-trang mạo-hiểm, nay ở Nhật-bản thấy cách thay người đổi lốt coi cũng là thường. Tôi đi với họ, cứ 15 phút đã thấy đổi một người. Trong một ngày, tôi nhận mặt được đến 20 người.

Bấy giờ đang đầu mùa xuân, còn mưa tuyết phơi-phới, cái áo dạ mặc ngoài tuyết bám nặng như người lính đeo túi đạn. Gió lạnh buốt tận sương, đi cả ngày, vừa đói vừa lạnh, dứng đâu chân tay run cầm-cập, lại là một cái hình-tích để cho người nghi. Trời gần tối, tôi gọi một người trinh-thám vào ngồi trên cái ghế vườn hoa mà bút-đàm. Người kia bảo tôi rằng: « Hẳn anh là người Triều-tiên. Chính-phủ đang giò-la các anh riết lắm. Thấy các anh gặp việc bất-bình, tôi cũng muốn giúp đỡ một đôi chút. Anh muốn tránh cho khỏi tai mắt bọn trinh-thám, tối hôm nay anh đến ngủ với tôi; tôi sẽ mưu cho một kế thoát-họa » — Tôi nói:

« Các anh lầm. Tôi không phải là người Triều-tiên, chỉ là một người phiêu-lưu trong thế-giới, mà bây giờ chưa muốn đem quốc-tịch kể với các anh, chỉ xin các anh biết rằng: Tôi không phải là người có tội với quí Chính-phủ. » Tôi viết đến đấy, trông lên, thấy người kia khác nét mặt. Nghĩ-ngợi rồi lại bảo tôi rằng: « Nghe nói bên hồ Động-đình có lắm người khảng-khái, hẳn anh cũng là nhân-vật như thế, có phải thế, ngày mai tôi sẽ bảo. » Tôi nghe nói chưa hiểu là ý gì, cũng không đáp lại. Người ấy lại hỏi tôi trọ ở đâu? Tôi nói: « Tôi mới cùng người bạn tôi đến đây, vì các người trinh-thám theo mãi, sợ lụy đến bạn, tôi phải biệt nhau mà đi, mới được nửa ngày, thực chưa có chỗ trọ. Nghe Quí-quốc đãi người ngoại-khách rất văn-minh, tôi chắc sau này cũng được hưởng cách văn-minh ấy, Nay quí-hữu có thể giẫn tôi đến sở Cảnh-sát được chăng? » Người kia gật đầu, rồi đưa tôi vào sở Đông-kinh Cảnh-sát. Lúc vào sở, tôi chào người Cảnh-trưởng. Cảnh-trưởng lấy bút-đàm hỏi tôi là người ở đâu. Tôi khai là người Quảng-đông, rồi lại nói: « Tôi nghe Quí-quốc là một nước văn-minh tiến-tiến ở bên Á-đông. Ai đã đọc cận-sử của Quí-quốc cũng muốn đi đến tận nơi mà xem cho có thực-chứng. Tôi cũng lấy tư-cách là người ngoại-khách mà đến đây, thực chưa làm sự gì có phương-ngại đến việc trị-an của Quí-quốc. Nếu ngài không muốn dung cho chúng tôi được đề dấu chân trong mấy đảo thần-tiên này, có lệnh trục-khách thì tôi xin phụng mệnh đi ngay, nay bỡ-ngỡ mới đến mấy hôm, mọi sự lạ-lùng, tiếng-tăm không thuộc. Thế mà đi đâu trinh-thám cứ theo đó, làm cho bạn-hữu không dám chào nhau, quán-xá không dám chứa trọ, có đâu các ngài đãi khách-du như thế. » Người Cảnh-trưởng đáp lại rằng: « Khách-nhận lầm đó mà thôi. Bản-chức phải người đi trinh-thám là để bảo-hộ bình-an cho quí-khách. Khách tùy ý đi chơi các nơi, ở trọ các nơi. Bản-chức sẽ sức cho các phái-viên không nhiễu khách nữa. » Nói rồi lại nói: « Ngày mai sẽ có một vị Bối-lặc (1) ở Quí-quốc đến đây. Có khi khách cũng nhân cơ-hội ấy mà đến đây chăng? » Nguyên trong lúc ấy Trung-quốc chính-phủ có phái một vị Thân-vương đi lịch-du Nhật-bản. Chính-phủ Nhật-bản phải dự-phòng những việc cử-động của Cách-mệnh-đảng Trung-hoa ở tại Nhật-bản. Vì thế lại nghi cho tôi là một người trong đảng cách-mệnh Tàu. Bấy

(1) Người Mãn-châu gọi Thân-vương là Bối-lặc.

giờ tôi mới nghĩ ra được cái câu « Bên hồ động-tình » của người trinh-thám nói. Ôi ! thiên-hạ có người mũ cao áo dài đi lại rung-rinh trong đường-xá, mà không ai thèm ngó tới ; còn kẻ vong-mệnh đi lủi-thủi một mình, lại khiến cho Chính-phủ một nước văn-minh phải nhọc lòng soi-xét. Ở đời xem người như thế cũng là một sự kỳ !

Bấy giờ bao nhiêu cái hào-hứng lưu-học của tôi đã tiêu đi đâu mất cả. Tưởng li khỏi đất này sớm một ngày nào là được một ngày sung-sướng. Chỉ có một nỗi gian-nan là lấy đâu làm tiền lộ-phí mà đi nơi khác ; vả người Hoa-hữu thì mình đã cáo biệt rồi. Tôi chợt nghĩ ra một kế : nay họ đã nghi mình là cách-đảng, sắp có cử-động gì với vị Bối-lặc kia : ngày mai Bối-lặc đến đây, ta sẽ thiết-kế làm cho họ nghi, để họ cho bắt mình mà giải về Trung-quốc, lên Yên-kinh. Như thế sẽ không tốn một đồng tiền mà ra người hành-lữ được. Vả Bắc-kinh cũng là nơi mình muốn đến ; đến đó sẽ khai rõ quốc-tịch, không có lẽ Trung-Hoa chính-phủ mà lại gia tội cho một người vô-tội.

Trong lòng đã định rồi, tôi liền từ Cảnh-trưởng mà lui ra. Ra khỏi sở Cảnh-sát tôi vào nghỉ một nhà lữ-quán. Quán-chủ đãi khách cũng tử-tế. Cơm tối rồi tôi nhờ người Chủ-quán chỉ nơi ở của một người danh-nhân xứ Đông-kinh. Vì lúc ở Cảng có người đồng-hương đã thuật cho tôi biết tên họ người ấy. Chủ-quán cho người đưa tôi đến nơi. Khi đã gặp mặt, tôi nhân thuật hết mọi nỗi khó-khăn trong chuyến đi ấy. Người danh-nhân kia nói : « Anh ở đây bị trinh-thám theo-dõi là vì họ nghi anh là người Triều-tiên. Còn cách-đảng Trung-hoa thì Chính-phủ Nhật-bản không có can-thiệp gì đến ; anh chớ nghĩ quanh. Tuy-nhiên những người xứ anh đến ở đây đã có lệnh khu-trục từ năm ngoái, thì anh ở đây cũng chưa yên ; chỉ nên ở chơi vài tuần đi xem các nơi rồi liệu mà về Trung-quốc. Có phải lữ-phí ít nhiều, tôi sẽ chu-cấp cho. » Bảo tôi rồi, nói đến chuyện chính-trị trong thế-giới. Cùng tôi bút-đàm trong mấy giờ đồng-hồ, tôi biết là một người trung-hậu trưởng-giả. Người là một kẻ vị cao vọng-trọng, khi đối với kẻ lưu-lạc vong-mệnh càng ra ý ôn-tồn. Đêm đã khuya tôi xin lui về khách-quán, không còn tính đến cái kế-hoạch trước nữa. Hôm sau người danh-nhân có phái người đến chiếu-liệu cho tôi mọi sự ở nơi khách-quán. Tôi được ngao-du vài mươi ngày trong xứ Nhật-bản cũng nhờ cái sức giúp đỡ của người ấy.

Phàm người ta muốn đi chơi một chỗ danh-đó nào, trước phải hiểu tiếng xứ ấy, sau mới lĩnh-lược cái thú-hứng được, không thế thì khác gì đi xem chớp-ảnh mà thôi. Khi tôi đi lịch-du các xứ trong nước Nhật-bản những điều mắt trông thấy, chỉ lấy ý-hội bề ngoài, còn phong-tục trong xã-hội đều mơ-màng chưa được thấu rõ. Những sự mà lược ra sau đây, đều là khi đã về Thượng-hải nghe người bạn thuật lại.

(Chương này chưa hết sẽ tiếp sau)

NGUYỄN BÁ-TRÁC.

KHOA-HỌC TẠP-TRỞ

I

Bộ mặt trời (*Système solaire*)

Hành-tinh và định-tinh. — Khi ta ngắm kỹ lên trời, thì phân-biệt được ngay trong vô-số những điểm sáng lóng-lánh trên bầu trời, có nhiều điểm hình như tự-chuyển ở giữa các điểm khác mà trình-độ cách xa nhau coi như nhất-định không thay đổi.

Những điểm ấy đều là các vị hành-tinh (*planètes*); xét kỹ cách vận-hành thì rõ-ràng các vị ấy chuyển quanh một cái hỏa-cầu là mặt trời, mà chính trái đất là nơi chúng ta sinh-hoạt cũng chạy vòng quanh cái hỏa-cầu ấy. Chung quanh trái đất, lại có một vị hành-tinh khác chịu ngầm ánh sáng của mặt trời ban đêm, vị hành-tinh ấy gọi là mặt trăng.

Đã lâu người ta vẫn công-nhận trái đất là trung-tâm của bầu trời : nhà thiên-văn-học Hi-lạp Ptolémée dậy như thế. Về thế-kỷ thứ 16, ông Copernic hiểu được vị-trí của mặt trời là trung-tâm của các vị hành-tinh ; vì vậy nên giải rõ được tất cả cách vận-hành của các vị ấy. Bắt đầu thế-kỷ thứ 17 ông Képler tìm được những phép rất đúng về cách vận-hành của hành-tinh, và ông Newton là nhà đại-cách-trí xưa nay, diễn-dịch ra cái luật « vạn-vật hấp-dẫn » (*attraction universelle*), luật ấy làm chủ cho cả mọi sự vận-hành trong vũ-trụ ; luật ấy tóm lại như sau này :

« Phàm hai vật đứng với nhau hình như co-kéo lẫn nhau bằng một cái sức hút (hấp-lực), sức ấy mạnh yếu là tùy theo « chánh-tỉ-lệ » (*raison directe*) với toàn-khối vật ấy và « phản-tỉ-lệ » (*raison inverse*) với cái số cự-li hai vật nhân vuông lên » [1].

Mặt trời và hành-tinh. — Mặt trời là một khối tròn lửa cháy ; có các vị hành-tinh theo chuyển chung quanh, cùng dẫn đến một cái trung-tâm-điểm gọi là *apex*, cứ mỗi giây đồng-hồ đi nhanh hai mươi nghìn thước tây (*20 kilomètres*) ; trung-tâm-điểm ấy các nhà thiên-văn đã định được rõ vị-trí ở trong không-giới. Gồm cả mặt trời và các vị hành-tinh làm thành ra một bộ gọi là « bộ mặt trời » (*système solaire*).

Mặt trời cũng như các vật-thể nóng khác ở giữa trong không-giới lạnh, dần dần có nguội đi. Vậy có thể chắc rằng trước kia mặt trời khác bây giờ, và có ngày sẽ không giống như ngày nay. Nói tóm lại thì mặt trời là một thể có biến-hóa (*qui évolue*). Sự khảo-cứu về phép biến-hóa ấy, về những nguyên-nhân và cứu-cánh của mặt trời cùng cả bộ hành-tinh chuyển-vần theo mặt trời, thành một vấn-đề gọi là « vũ-trụ vấn-đề » (*problème cosmogonique*), thật là một vấn-đề hay nhất và khó nhất cho tài-trí người ta vậy.

Ông Laplace trước nhất dám ra tay giải-quyết cái vấn-đề khó-khăn ấy mà cái trí mơ-màng của nhà triết-học nước Đức Kant trước kia mới lược-giải được qua ngành-khái mà thôi. Ông bắt đầu khảo từ các vi tinh-tú mà chu-vi chưa định, ánh sáng xanh mờ, gọi là « tinh-vân » (*nébuleuses*), rồi ông tưởng-tượng ra trong các tinh-vân ấy

(1) « *Deux corps quelconques semblent s'attirer avec une force proportionnelle à leur masse et en raison inverse du carré de leur distance.* » — « **Chánh-tỉ-lệ** », là cứ lấy dường thẳng làm tỉ-lệ, nghĩa toàn-khối vật càng nặng thời sức hấp-dẫn càng mạnh ; « **phản-tỉ-lệ** » là lấy ngược lại làm tỉ-lệ, nghĩa là số cự-li càng xa thời sức hấp-dẫn càng yếu. Nhân vuông (*carré*) nghĩa là một số tự-nhân với mình thành ra bao nhiêu, như tìm cái diện-tích một thể vuông thời lấy một bề lại nhân với bề ấy .

có vì ở về khí-hậu tối-cao, bị thu-rút lại, dần dần hợp toàn-khối thành một hạt trung-tâm (*noyau central*), hạt ấy tức là mặt trời. Mặt trời trước là thể lỏng, quay chung quanh một cái trục (*axe*), rồi bị cái sức rẫn ra ngoài gọi là « viễn-tâm-lực » (*force centrifuge*) (1) làm dẹp lại mà đứt ra nhiều vòng (*anneaux*). Mỗi một vòng dơi ra ấy cũng nguội dần, nhưng chưa thành hình gì, rồi mới kết-hợp lại, trước còn lỏng, tức là một hành-tinh ; hành-tinh ấy cũng theo cách như trên, đứt ra từng vòng, vòng ấy thành ra các vì sao phụ quay chung quanh vì hành-tinh chính, gọi là vệ-tinh (*satellite*) vậy.

Đó là cái lý-thuyết của ông LAPLACE đã diễn ra để giải cái nguyên-ủy của bộ mặt trời. Nhưng sau ông, người ta lại phát-minh ra nhiều cái hiện-tượng khác khiến cho lý-thuyết của ông không được đúng nữa.

Ngày nay thời các nhà thiên-văn cho bộ mặt trời là sinh-xuất ở một đám tinh-vân xoay tròn, vốn lạnh, và trong có những phân-tử của khinh-khí (*hydrogène*) của khí « ê-li-om » (*hélium*), và một chất riêng gọi là « nê-bu-li-om » (*nébulium*), người ta dùng phép « phân tia sáng » (*analyse spectrale*) mà nhận được. Những phân-tử ấy vốn loãng, nhờ có những bụi điện (*corpuscules électrisés*) ở các tinh-tú trên trời như các loài định-tinh bắn xuống thời đám tinh-vân mới trông thấy được. Sau dần-dần đám tinh-vân kết-hợp lại, các phân-tử xô vào một nơi trọng-tâm-điểm (*centre de gravité*), thu-hình lại, ép vào nhau mà khí nóng tăng lên, dần-dần thành ra một cái hạch (*noyau*), ở giữa cái hạch ấy vì sức ép và vì khí nóng mới kết-cấu ra phân-tử các chất đơn theo phép « vật-chất tích-phân » (*intégration de la matière*) vậy. Đám tinh-vân vốn xoay tròn, trong các vòng tròn ấy có khi có nhiều đống đông-đặc như thế, mỗi đống làm thành ra các hành-tinh và vệ-tinh vậy.

Đó là cái thuyết của nhà lý-học nước Thụy-điển ARRHENIUS.

Theo cái lý-thuyết mới của ông EMILE BELOT, nguyên sinh-viên trường Cao-đẳng Bách-công (*Ecole Polytechnique*), hiện làm tổng-quản-lý các xưởng chế-tạo của Nhà-nước Pháp, thời lúc khởi-thủy có hai đám tinh-vân, chớ không phải một, đám no đâm đụng vào đám kia. Theo các thuyết cũ thời chỉ xét sự hồi-chuyển (*rotation*) các hành-tinh chung-quanh mình mà không xét sự di-chuyển (*translation*) chung-quanh mặt trời, sự di-chuyển ấy đã tính ra rõ-ràng 20 ngàn thước trong một giây đồng-hồ, thời chắc cũng có quan-hệ đến cách tổ-chức bộ mặt trời vậy.

Nay cứ cái thuyết của ông EMILE BELOT thời trong hai đám tinh-vân có một đám vận-động và một đám còn vô-hình, đám trên đụng vào đám dưới, sinh ra những quầng (*vibrations*), quầng ấy lại thành ra chỗ « thắt » (*nœuds*), chỗ « phìu » (*ventres*), giống như khi thanh-âm vang truyền đi vậy. Mỗi chỗ « phìu » nở ra thành đường quỉ (*orbite*) cho một vị hành-tinh ; như vậy thời giải được cả các hành-tinh khác nhau thế nào và nhiều cái đặc-tính khác của bộ mặt trời vậy.

Tuổi địa-cầu. — Không những người ta tính phỏng chừng niên-số trái đất, mà tính đến cả niên-số của bộ mặt trời nữa. Ông ARRHENIUS thời ước-lượng cái nhiệt-độ của mặt trời mà tính ra mặt trời có lẽ sống đã mấy mươi triệu năm rồi và sau này chắc còn sống được đến ngần ấy nữa.

Bộ mặt trời chẳng qua là một phần nhỏ trong giải Ngân-hà (*voie lactée*).

(1) Là một cái sức quay mau theo vòng tròn. Sức ấy càng quay mau thì vòng tròn càng phải rộng thêm ra.

giải này tức là một cái giải trắng vòng quanh bầu trời có nhiều tinh-tú họp lại mà mặt trời là một vị sen trong đó. Người ta đã nhận ra rằng hễ xa giải trắng ấy bao nhiêu, thì các tinh-tú cũng thấy ít đi bấy nhiêu. Vì vậy nên có người đã đoán rằng giải Ngân-hà có lẽ gồm hết cả các tinh-tú trên bầu trời vậy.

Trong bộ mặt trời, trừ mặt trời ra, còn vô-số hành-tinh khác, nhưng chỉ có 10 vị là lớn nhất : là « Thủy-tinh » (*Mercure*), « Kim-tinh » (*Vénus*), rồi đến trái đất cùng với vệ-tinh là mặt trăng ; tiếp đến « Hỏa - tinh » (*Mars*) với ba vệ-tinh, rồi đến một mảng những hành-tinh nho-nhỏ, kể hàng nghìn, mỗi vị có một đường quĩ-đạo riêng, có vị đường trực - kính (*diamètre*) chỉ có 10 hay 15 nghìn thước tây mà thôi. Sau mảng sao vụn-vặt ấy thì đến « Mộc-tinh » (*Jupiter*) là vì hành-tinh to lớn nhất trong bộ mặt trời, toàn-khối gấp một nghìn ba trăm lần trái-đất, lại có 8 vệ-tinh theo hầu. Rồi đến « Thổ-tinh » (*Saturne*), ngoài có một vòng đai lớn lạ-lùng và 12 vệ-tinh theo hầu ; « Thiên-vương-tinh » (*Uranus*) có 4 vệ-tinh ; sau hết đến « Hải-vương-tinh » (*Neptune*) chỉ có 1 một vệ-tinh, vị này là do nhà thiên-văn-học nước Pháp Le Verrier chỉ dự-toán mà phát-minh ra được.

Sự bí-mật của vũ-trụ. — Khoảng giữa mặt-trời với Thủy-tinh có vị hành-tinh nào khác nữa không ?Ngoài Hải-vương-tinh nữa có vị nào không? Đó là một sự bí-mật chưa thể giải được.

Trừ các vị hành-tinh ấy, còn có các sao Chổi (*comètes*), là vị sao có đường quĩ-đạo rất dài, và tốc-lực (*vitesse*) rất mạnh, chuyển chung quanh mặt trời, cách từng khoảng lâu lâu trên trái-đất ta mới trông thấy một lần.

Ngày đêm, thời-tiết, khí-hậu, và hết thảy các khí-tượng trong trời đất thay đổi biến-thiên là tự bộ mặt trời và tự mặt-trời với trái-đất tuần-hoàn chuyển vận mà sinh ra cả.

Bộ mặt trời cũng như các vật khác, rồi cũng có khi già mà chết. Cách mấy triệu năm nữa, mặt trời sẽ nguội đi, vỏ rắn đặc lại, không sáng nữa, các hành-tinh theo quanh cũng tối-tăm mù-mịt cả, như một lũ quần-manh giắt nhau chạy cuồng trong không-giới vậy.

Cứ mãi thế, đến khi nào gặp một vị sao khác cũng chết, thì đụng vào nhau, mà các nguyên-chất tan bay đi hết; những phân-tử thì tan ra *hélium*, ra khinh-khí, ra *nébulium*; rồi nhân đó sẽ có một vì định-tinh mới xuất-hiện lấp-lánh trên trời ; vì sao ấy gọi là « nô-va » (*Nova*) (như khi chiến-tranh có xuất-hiện một sao mới gọi là sao « Phượng-hoàng ») ; nhân đó rồi các chất hơi còn lại hợp thành ra một « tinh-vân » mới.

Thế là kiếp « vũ-trụ tái-sinh », chết đi sống lại vô cùng-tận vậy.

II

Các thiên-văn-đài trong thế-giới

Phép xem thiên văn. — Xem lịch-sử các dân-tộc ngày xưa, như dân xứ Ai-cập (Egypte), xứ Ba-bỉ-luân (Babylone) v. v. . . thì ra đời thượng-cổ cũng đã có thiên-văn-học, mà thiên-văn-học cũng đã tấn-tới ít nhiều rồi.

Thiên-văn-học cũng như các khoa-học khác, phát-khởi ra là bởi sự cần dùng cho đường sinh-hoạt của loài người. Kỳ-thủy người ta phải xem kỹ những lúc mặt trời mọc, với lúc lặn, để thay đổi công việc làm ăn, vì xưa chỉ biết ngày với đêm mà thôi.

Các tinh-tú lưu-chuyển trên bầu trời luôn, ta muốn hình-dung ra, phải so-sánh với các vật dưới đất, và nhất là với cái vòng chân trời (*ligne de l'horizon*) ở trước mắt kia ; có lẽ đó là cái lý-do các nhà thiên-văn-học xưa

nay vẫn dùng những hình vòng tròn để làm đồ khảo-nghiệm vậy.

Muốn chiêm-nghiệm thời người ta phải chọn chỗ nào cao và phóng-khoáng để làm thiên-văn-đài; vì ở đó thì trông thấy dễ nhưng lúc mặt trời mọc và lúc lặn, đời thượng-cổ cần phải biết lắm để chia thì-giờ. Cho nên dân Can-đê (Chaldée) thường đứng trên các đền miếu cao có bậc lên để xét nghiệm các tinh-tú.

Những khí-cụ ngày xưa dùng để chiêm-tinh. — Vì rằng cái vòng chân trời lấy dấu tự-nhiên chia không đúng với cách vận-hành của các tinh-tú và nhất là không đúng với mặt trời, cho nên người ta đã sớm nghĩ ra những cái vòng tròn bằng kim-loại, đặt ngang, và có khắc điểm chia ra phân-độ. Đo có lẽ là cái vòng vàng mà cổ-nhân tương-truyền lại rằng vòng ấy có 365 « cu-đê » (*coudées*) (phép đo ngày xưa, mỗi « cu-đê » tính từ khuỷu tay đến đầu ngón tay giữa, tức là 50 phân tây), mà theo lời ông Diodore là nhà sử-ký nước Hi-lạp thì vòng ấy để lên trên mả vua O-si-măng-đát (*Osymandias*) nước Ai-cập, mỗi ngày chỉ hướng chỗ mặt trời mọc và chỗ mặt trời lặn.

Lại có cái khí-cụ khác, đơn-sơ hơn, gọi là « nhô-môn » (*gnomon*), tức như cái cột dựng thẳng để có thể trông bóng dài hay ngắn mà chia thời-khắc được. Đến bây giờ vẫn dùng cách ấy; nhưng người ta chế ra nhiều kiểu khác nhau rất tinh-xảo, như kiểu ở nhà thờ Saint-Sulpice thành Paris.

Cũng vì người ta xem xét cách vận-hành trên bầu trời, nên chẳng bao lâu nhận ra được rằng trái-đất còn có nhiều vòng khác nữa: như « xích-đạo » (*équateur*), « bình-hành-đạo » (*parallèles*), « hoàng-đạo » (*écliptique*) v. v... Và muốn dùng các vòng ấy để hình-dung cách vận-hành của các vị tinh-tú, thì xưa người Hi-lạp đã chế ra thứ quả cầu bằng vòng gọi là « hồn-thiên-nghi » (*armilles*), trong đặt những mảnh đồng (*pinnules*) có khoan lỗ bỏng để nhắm các tinh-tú; các đồ thiên-văn ngày nay còn giữ những mảnh soi ấy và hiện nay người ta vẫn thường dùng trong họa-đồ để đo-lường diện-tích.

Muốn đo chiều cao của các vì sao trên đường chân trời, trong khoảng 90 độ, thì dùng cả cái vòng tròn cũng vô-ích; không cần phải dùng cả vòng, chỉ dùng phần chia tư vòng là đủ, đến bây giờ vẫn dùng cách ấy, và đặt ra một thứ đồ gọi là « phần tư vòng » (*quart de cercle*), hay là « lục-phân-nghi » (*sextant*).

Nhưng muốn xem xét kỹ-lưỡng hơn thì đã lâu người ta chỉ biết một cách làm to thêm các khí-cụ ra mà thôi. Ấy người Ả-rập (*Arabe*) thụ-truyền được phép thiên-văn của Hi-lạp đã chế ra một cái vòng bằng đồng, đường trực-kính dài tới 10 « cu-đê » (*coudées*).

Họ lại dựng những nhà lầu to lớn quá. Có nhiều nhà làm sách Ả-rập thuật lại rằng ông vương-tước Oulough-Beg là tay thiên-văn giỏi có dựng ở gần thành Samarkande (đất Tân-cương) một cái thước « lục-phân » cao bằng nóc nhà thờ lớn ở kinh-đô Thổ-nhĩ-kỳ (*Sainte Sophie de Constantinople*), đường bán-kính (*rayon*) tới 60 thước tây. Đã lâu người ta vẫn tưởng rằng đó là nói huyền mà thôi, chớ không có đâu to như thế, hoặc cho là một cái cột « nhô-môn » thường mà thôi. Nhưng mấy năm gần đây người ta tìm thấy được cái thước « lục phân » to lớn ấy thật; và khi xảy ra việc chiến-tranh năm 1914 thì còn đào ra chưa khai lên hết được.

Cũng độ khoảng ấy người Tầu chế ra nhiều khí-cụ bằng đồng đen rất to. Hồi giặc « Quyền-phỉ » (*Révolte des Boxeurs*) người Đức chiếm lấy những khí-cụ ấy đem về để vào nhà Bác-

cổ (*musée*) ở Potsdam. Chiếu theo tờ điều-ước ngày 29 tháng 6 năm 1919 thì người Đức rồi phải trả lại cho Tàu.

Vì đồ xây hay lở đồ nên người ta lại làm bằng gỗ hay bằng kim-loại, mà vẫn làm to thêm kích thước mãi ra như cái thước « lục-phân » bằng gỗ của ông Tycho-Bpet capit, đường bán-kính gần đến 5 thước tây, phải 40 người mới mang nổi được, và phải cái nhà lầu thực to mới đựng được.

Bắt đầu đời cận-đại, người ta tìm cách chế ra đồ đo tinh-tường mà không phải làm to thêm đường bán-kính. Năm 1542, người nước Bồ-đào-nha (Portugal) tên là Novics chế ra một cách đo đặt tên bằng tên người (*Novius*); rồi có người lại nghĩ ra các đường « hoành-đạo » (*transversales*). Đến năm 1631 người nước Pháp tên là Vernier chế ra một cách đo, đặt tên mình, cách ấy sửa đổi lại dùng mãi đến bây giờ.

Từ đó người ta có thể giảm được nhiều khung-khổ các vòng, mà xem vẫn được tinh-tế.

Ngay tự năm 1610, đã có người chế ra các thứ kính, nhân đó mà thiên-văn-học biến-cách hẳn.

Từ bắt đầu thế-kỷ thứ 17 không phải chỉ dùng một thứ khí-cụ để học thiên-văn, mà đã thành ra có hai thứ, một thứ để xét về vị-trí, một thứ để xét về hình-thể (*astronomie de position et astronomie physique*).

Những thứ kính mới có lúc đầu tiên cũng giống như kính của ông Galilée, chiều dài chỉ có 50 phân. Vậy có thể cầm kính ấy đứng trong cửa sổ mà ngắm các vì sao được. Khi cần đến thì có thể xoay trong những tháp vòng khung ốc, như tháp to ở kinh-thành Copenhague (nước Đan-mạch). Tháp này bắt đầu xây từ năm 1632. Không kể cái cột trụ ở chợ lúa thành Paris, mà những tinh-sĩ của bà Nữ-hoàng Catherine de Médicis đứng ở trên, mắt không dùng kính mà vẫn xem được thiên-văn, thì tháp này là thiên-văn-đài tối-cổ ở Âu-châu ngày nay.

Kính chế ra thật là cái khí-cụ rất thần-diệu, tự lúc đầu đã thông-dụng ngay. Nhờ có kính mới phát-minh được nhiều sự mới lạ, như: các điểm trong mặt trời và cách mặt trời luân-chuyển thế nào; núi trong mặt trăng, hình-tượng sao Kim-tinh, sao Hỏa-tinh, các vệ-tinh của sao Hải-vương-tinh và vô-số định-tinh ở giải Ngân-hà, v. v... Chẳng bao lâu, các thứ kính làm dài thêm mãi. Năm 1655 ông Huyghens là nhà tinh-sĩ nước Hà-lan, làm một cái ngoại-nhỡn-kính (*objectif*) dài là 6 thước 50 phân; rồi sau còn nhiều cái dài hơn nữa, có cái dài tới ngoại 60 thước. Muốn dùng các thứ kính ấy, người ta trèo lên một cái cột ở giữa trời, có thừng-chão để vận-động. Không có cột ấy, thì ông J. D. Cassin là tinh-sĩ nước Pháp, đặt cái ngoại-nhỡn-kính lên trên đỉnh thiên-văn-đài, mà ông thì đứng dưới cách 27 thước, soi vào nội-nhỡn-kính (*oculaire*) mà chiêm-nghiệm.

Những thiên-văn-đài gần đời nay. — Lúc bấy giờ là gần vào hồi dựng 2 cái thiên-văn-đài to nhất ở Paris (Pháp) và ở Greenwich (Anh).

Nguyên những nhà tinh-sĩ ở Paris xin làm một cái phòng to để đựng những thứ kính dài ấy cho khỏi gió, và cần có nhiều cửa sổ cao để trông ra tứ phía. Đến năm 1667, ông Perrault làm xong cái thiên-văn-đài ở Paris theo cách-thức như thế.

Ngày 21 tháng 6 năm 1667, khi các nhà thiên-văn ở viện Bác-sĩ đi ra ngoài ô Saint-Jacques, ở nơi cánh đồng mà định dựng thiên-văn-đài ở đấy, thì những cái thước « lục-phân » của các ông đem theo chỉ mới có những mảnh đồng (*pinnules*) thường thôi. Nhưng ngay cuối năm ấy, các nhà thiên-văn ở Paris

đã đem kính để đặt thay vào các mảnh đồng rồi. Sự thay đổi ấy tưởng cũng là một sự thường, thế mà có ảnh-hưởng rất sâu-xa trong nghề chiêm-nghiệm, vì nhờ có kính mà so-sánh với ngày trước thì trước một phần bây giờ xem xét được tường hơn lên 60 phần, và tìm ra được từng ly (*seconde*) cũng dễ như ngày trước tìm từng phân (*minute*) vậy. Từ xưa đến nay, chưa bao giờ thiên-văn-học tấn-tới được mau thế.

Kết-quả được hoàn-toàn như thế là bởi biết bỏ cái lối thước « lục-phân » vòng to cũ, mà dùng những khí-cụ kiểu mới. Những kki-cụ ấy phần nhiều là những lối « thước ti-ngọ » (*instruments méridiens*), cần phải để ở nơi nào vững-vàng lắm mới được, thế thì ở Paris không có chỗ nào để làm thiên-văn-đài cho thỏa-thích cả. Nói cho phải, thì nghĩa là thiên-văn-đài càng làm to lại càng không thích-dụng vậy.

Ấy cách dùng các thứ kính vừa kể trên kia, có điều bất-tiện thế, cho nên người ta thay thứ kính ấy mà dùng thứ kính gọi là « phản-chiếu-thiên-lý-kính »(*télescopes à réflexion*), thì cũng chừng ấy ánh sáng mà có thể làm ngắn đi được 20 phần ; nhưng cách ấy không thích-dụng được lâu, nên người ta lại tìm hết cách để làm cái ngoại-nhỡn-kính cho tinh-xảo thêm, và giảm bớt chiều dài, nhưng vẫn để nguyên lỗ hở như cũ.

Đến năm 1758, tìm ra được thứ kính « tiêu-sắc » (*lunettes achromatiques*), nghĩa là chỉ để lọt qua tia sáng trắng mà không chia ánh sáng ra làm bảy mùi. Rồi từ đó các hạng kính đều ngắn đi nhiều, cũng như trước làm giảm khung-khổ cái thước « lục-phân» vậy.

Tự đó thời những kiểu thiên-văn-đài to lớn không thích-dụng nữa, và thiên-văn-đài ở Paris có lẽ là cái kiểu sau cùng vậy. Dần-dần các thiên-văn-đài mới dây cũng làm nhỏ lại, vì mỗi một khí-cụ có một chỗ để riêng. Nếu dùng kính để xem vị-trí, mà phải cần chỗ vững-vàng lắm, thì người ta đặt kính thiên-lý ngang bằng mặt đất, nền làm rất sâu, cũng như cái nền ở phòng Chính-ngọ (*Salle méridienne*) ở Thiên-văn-đài thành Paris; còn nếu dùng kính để dò-thăm, mà thường phải để thẳng lên đường xích-đạo, thì người ta để kính ấy ở trong những cái chòm xoay đi xoay lại được (*coupoles tournantes*), hoặc lợi-dụng các kiểu thiên-văn-đài cũ mà sửa-sang lại như ở Paris vậy.

Vậy thời vào khoảng giữa thế-kỷ 17, là hồi các thiên-văn-đài lớn không thích-dụng nữa. Nếu bây giờ muốn làm cho to-tát đẹp-đẽ lắm, thì cũng vô-ích ; vì các đồ cần dùng để xem thiên-văn, chỉ cần có chỗ để cho kín-đáo mà thôi, dựng nhà lầu lầm-thường cũng đủ, miễn là ở trong ở ngoài khí-hậu điều-hòa là được.

Vậy cho nên những kiểu làm to rộng rực-rỡ đều bỏ đi hết, mà chỉ dùng kiểu làm giản-dị bằng sắt kẽm thôi. Tuy-nhiên, cũng không thiệt mất cái vẻ vĩ-đại đâu, vì các thứ kính thiên-lý ngày nay nhiều kiểu cũng to lớn lắm.

III

Từ trái đất lên mặt trăng

Đi lên mặt trăng có được không ?

Ông Goddard là giáo-sư ở Đại-học-đường Clark (bên Mỹ) nhân khi tìm cách xét nghiệm những lớp cao trên không-khí mà nghĩ ra được một thứ lửa cây bông (*fusée*) rất sáng, vì nó mạnh hơn tám lần những cây bông lửa từ xưa đến giờ.

Ông đã thi-nghiệm ở núi Wilson, có hội « Smithsonian Institute » bảo-trợ. Ở trong cây lửa, thì có những nạp thuốc xếp đặt một cách riêng để

cho nó lần-lượt theo nhau mà nổ. Khi nạp đầu nổ xong, cây lửa đã lên cao được bao nhiêu đó, và cái sức bắn đi đã sắp yếu, thì nạp thứ nhì lại nổ tiếp theo, khiến cho nó lại bật lên, kỳ cho đến lúc cái sức ấy gần hết. Lúc bấy giờ thì nạp thứ ba lại nổ và cứ thế mà lên mãi, cao bao nhiêu là tùy theo số những nạp thuốc ở trong cây lửa ; cứ theo như lời ông Goddard thì một cái cây lửa cả vỏ cả thuốc nặng 160 gam (*grammes*) có thể lên cao được 47 ki-lo-mét. Nếu làm cho nó nặng thêm lên, nghĩa là làm cho cái số và cái sức những nạp thuốc nhiều lên thì nó còn lên cao nhiều hơn nữa ; bởi thế nên một cây lửa nặng 2200 gam lên đến 115 cây-lo-mét, một cây nặng 5.600 gam lên đến 713 cây-lo-mét, vân vân.... Cứ theo đó mà tính, thì chỉ phải làm một cây lửa nặng 657 ki-lo có thể ra khỏi cái hấp-lực-giới (*zone d'attraction*) của trái-đất mà không phải rơi xuống đất nữa. Khi mà nó đi đến cách mặt trăng 64.280 cây-lo-mét thì là đã vào hấp-lực-giới của mặt trăng, bị mặt trăng hút vậy.

Nay người ta ví muốn đi lên mặt trăng bằng một cái cây bông đủ sức mà vận-tải được 2, 3 người đi trong không-gian thời có thể dùng được cái lối pháo lửa của ông giáo-sư Goddard mới chế ra đó không ? Nếu những số ông tính ra mà đúng thì cứ lý-thuyết không có gì là ngăn-trở, nhưng thực ra thì cũng khó lắm.

Ta hãng cho rằng cái pháo lửa kia có đủ sức mà lên cao được 320.000 cây-lo-mét cho khỏi phải trái-đất hút lại, nhưng mà khỏi được cái hấp-lực ấy thì lại có một điều khó-khăn nhất chẳng khá bỏ qua được. Dẫu sức nhanh của cái pháo lửa so với sức nhanh của viên trái-phá thì nhỏ thực, nhưng cũng phải chịu ảnh-hưởng của sự chuyển-vận của trái-đất. Như thế thì đường chạy không được thẳng nữa ; vì cứ xét lấy một lẽ rằng trái-đất xoay quanh cứ 24 giờ là một vòng, thì đã biết rằng cái pháo lửa phải đi xoay chở không đi thẳng được. Vậy phải cần đặt cho cái pháo lửa ấy một cái cơ-quan sai-khiến để người mà nó chở đi có thể sửa đổi được cách chạy của nó. Nếu cứ nhằm mặt-trăng mà bắn lên thì không thể được, phải biết rằng vì hành-tinh ấy cũng có cách chuyển-vận riêng, cây lửa phải tùy theo cách chuyển-vận ấy mà đi mới được. Vậy như ý ông Goddard cũng đã nghĩ đến, người ta khó lòng mà bắn một cái pháo lửa không có người ngồi trên được. Song ta hãy cho cái vấn-đề ấy như đã giải-quyết rồi, cây lửa sức nó tiến lên vẫn đều ; nó sắp đến cái nơi mà hai hấp-lực của trái-đất và mặt-trăng gần tương-phản nhau. Quá nơi ấy thì cái hấp-lực của mặt - trăng sẽ mạnh hơn, cây lửa vừa bị sức hút xuống lại vừa bị trọng-lực nữa.

Từ lúc ấy thì không phải đẩy cho cây lửa tiến đi nữa, mà lại phải hạn-chế cho nó rơi xuống từ-từ. Nếu không có cách gì để hạn-chế, thì cây lửa đi nhanh tới 2.400 cây-lô-mét trong một giây đồng-hồ.

Ta lại giả-thiết rằng sự khó-khăn thứ nhì ấy cũng giải-quyết được, mà người đi du-lịch trên trăng đã xét nghiệm được nhiều điều kỳ lạ trên mặt trăng, nhưng bấy giờ lại muốn trở về đất, thì làm thế nào ? Tất-nhiên cái sức mạnh hút về, phải gần bằng cái sức mạnh lúc đi mới được. Vì rằng cái trọng-lực mặt-trăng kém cái trọng-lực của trái-đất, nếu thế-lực lúc về kém nhiều cái thế-lực lúc từ trái-đất mà đi, thì sự đỗ xuống trái-đất có nhiều điều khó-khăn hơn là đỗ xuống mặt-trăng.

Đến lúc cây lửa về bị trái-đất hút thì phải triệt cái sức rơi xuống bằng

một cái sức trái-lại với cái sức lúc trước nó đưa cây lửa đi.

Nếu không có cách gì hạn-chế được thì cây bông kia sẽ rơi xuống trái-đất, sức nhanh là 8.000 cây-lô-mét trong một giây đồng-hồ, nghĩa là vào đến trong vòng không-khí thì nó sẽ theo cái số-phận như các hòn vẫn-thạch (*aérolithes*) cọ-sát với những lớp trên tầng không-khí, mà sinh ra nhiệt-khí đến nỗi tan đi hết. Dẫu thế, cũng có thể chắc được rằng cách du-lịch ấy có ngày nên công, mà nên ra thì chắc hẳn cũng phải nhờ một cách giống như cách bắn pháo lửa trên kia vậy. Vả lại ở bên Pháp đã có một cái máy về cách ấy : là máy suy-tiến-cơ (*propulseur-trompe*) của nhà kỹ-sư MELOT chế ra để dùng vào các máy bay vậy.

BIỂN-XA *dịch-thuật*

VĂN - UYỂN

HÁT NÓI (*hát ả-đào*)

Tặng đào Hiếu (Pháp-vân)

Tục-tử do lai thanh-nhãn thiểu, 俗子由來青眼少 (1), *giai-nhân khả tích bạch đầu đa* 佳人可惜白頭多(2). Khéo trêu người một cái tinh-ma, cứ chọn mặt vô-duyên mà vật. Nỡ giấn se cho bùn nhuộm sắc, trót chơi lan với cỏ pha mùi, nào kể chi đen trắng thơm hôi, vơ mặt *lịch* với chân *quê* làm một lứa. Thôi chớ trách túi tơ xe chẳng lựa, bởi khư-khư mình buộc lấy mình chơi ; nghĩ lâu ngán-ngẩm cho đời !

Tống-biệt

I

Tống quân tống biệt hà kiều lộ 送君送別河橋路 (3). Cách một ngày xem gấp nửa ba trăng, lửa tim ai gợi dậy đùng-đùng, nấu-nung kẻ gan vàng dạ sắt. *Tương-tư tương-kiến tri hà nhật* 相思相見知何日 (4), *đa bệnh đa sầu tổn thiếu-niên* 多病多愁損少年(5). Khi sương sa, khi gió thổi, khi trăng xuyên, đong sầu lại biết cùng ai xan-xẻ ? Trung-tình ấy dẫu nghìn xưa cũng thế, mối tình-xi là tự lũ này ra ; biết hoa đeo đứng vì hoa !

II

Nửa bước suy ra bằng mấy dặm, một ngày dồn lại cũng ba thu ; kìa Vân-sa, nọ Phương-châu, công chờ-đợi quản bao đường lận-đận. Dạ chỉ lòng tơ sao khéo vấn, lời vàng ý ngọc bỗng nên sai ; những trách mình hồ dễ trách ai, luống thay cái giã-tràng xe cát bể. Bẽ-bàng thủa sao tàn trăng xế, biết lấy ai mà giải tấm tình riêng ? Vuông khăn còn đó làm tin, xa người xa bóng nhưng duyên còn gần ; phải chăng xin hỏi chúa xuân !

Gặp đào Hiếu lại đến ca-quán

Tan lắm đề dành cơn họp lại, buồn lâu càng mọc cái vui ra ; gió gác Đằng phút những bức thư sa, xui

(1) Người tục-tử xưa nay ít có kẻ sành mắt.
(2) Tiếc cho kẻ giai nhân hay lỡ bước để đến bạc đầu.
(3) Tiễn-biệt đưa chàng qua đường Hà-kiều
(4) Nhớ nhau nhưng biết ngày nào gặp nhau.
(5) Nhiều bệnh, nhiều sầu chỉ tổn-hại mất lúc tuổi trẻ.

lòng khách trăm hoa từng cánh nở. Nào những lúc trồn trồng đắp nhó, nào chiêm-bao, nào phú truyện, nào thơ, mà nay gặp-gỡ chẳng duyên ưa, người già ép trời non âu phải được. Hiềm vì chút tấc gang dải nước, muốn đem khăn bắc lấy dịp cầu sang; mảnh tình ai thấu thời thương !

Trong tiệc hát tiễn bạn đi thi hội

Gánh hồ-thỉ bốn phương là chí, đã làm trai đừng nước mắt đàn bà ; cái đường danh đi lại vẫn là ta, tung chín vạn gió bằng thời mới thích. *thượng-quốc nang vi khách*, 上國能爲客 (1), *tha hương mạc oán ly* 他鄉莫怨離 (2). Tình thụ-vàn (3 chẳng lọ kể rườm chi, hãy ngảnh lại chốn vũ-ca mà khá tiếc. Rồi ra đó phố nam sóng biếc (4), nợ phong-lưu để tội một mình ta, Mảnh tình ai xẻ làm ba, nửa vào trong ấy nửa ra ngoài này ; nửa còn lơ-lửng xinh thay !

Hội chùa Bạch-hạc

Ngày mười chín tháng năm là hội, chùa Việt-trì lắm nỗi tẻ vui : Đương tiệc hát chén khuyên mời, trẻ tạo-hóa bỗng gieo vòng sân - nộ. Nhặng có cánh bỗng bay ra tiếng nọ, sẻ không răng nên đặt đến điều đâu ; ma muộn-sầu theo với quỉ phong-lưu, cứ bạch-diện hồng-nhan mà quấy rối. Ấy mới biết tơ tình là lưới tội, càng đa-tình càng lắm tội đời ; thôi thôi đừng hờn trách chi ai, có khương-khửu mới lai láng tình, dù vui dù tẻ cũng dành !

VIỆT-SỬ NGUYÊN-ÂM

(tiếp theo

(Của cụ Đốc Nguyễn Trùng-Hanh)

11. — Phùng-Hưng 馮興 (621)

Lược-dẫn. — Là người tu-trưởng quận Đường-lâm, rất có tài mạnh, thấy quan Đô-hộ Cao Chính-Bình tàn ngược quá, đem quân vây thành Long-biên, Chính-Bình tức mà chết, dân tôn ông làm vua Bố-cái (nghĩa là cha mẹ dân).

Truyện

Đường-lâm hào-phú họ Phùng.
Đẩy trâu bắt hổ anh-hùng trời sinh.
Giận Cao-đô-hộ Chính-Bình,
Kéo quân vây chặt một thành Long-biên.
Bình thua ai cũng suy tôn,
Hiệu xưng Bố-cái coi quyền một phương.

Thơ

Có tài có của có người tưng,
Gánh vác non sông một góc lừng.
Còn cõi Giao-châu con cháu mãi,
Khấn rằng Bố-cái đức Phùng-Hưng.

12. — Khúc-Hiệu 曲號 (907)

Lược-dẫn. — Là con Thừa-Dụ, người ở châu Hùng nước ta, cha làm chức Tiết-độ-sứ, chia ra phủ huyện, đặt sổ đinh sổ điền, hơi có cách cai-trị ; sau con là ông Thừa-Mỹ nối chức ấy, bị quan Tầu đánh bắt mất.

Truyện

Dời Đường người ở châu Hùng,
Tên là Khúc-Hiệu cũng hùng-lược sao

---

(1) Hay làm khách ở chốn kinh-đô là nơi thượng-quốc
(2) Chẳng oán gì biệt-li ở chốn tha-hương.
(3) Tình bạn-bè nhớ nhau khi trông nhau thì lại khuất bóng cây, bóng mây
(4) Là nơi anh em bạn tiễn nhau ở bến Nam-phố

Nối xưng Tiết-độ châu Giao,
Sổ điền sổ hộ một triều-đình riêng.
Cha con thay đổi giữ-gìn,
Vua Nam dần mở khuôn nền về sau.

Thơ

Này cũng trong tu cũng ngoại giao,
Không triều-đình có kém gì nào.
Tiếc thay Thừa-Mỹ chưa khôn-khéo,
Để nước Nam nhà lại một tao.

13. — Dương Duyên-Nghệ 楊 延 藝 (923)

Lược-dẫn. — Ông là nha-tướng họ Khúc, đánh đuổi quân Tầu, lại tự xưng là Tiết-độ-sứ, sau bị đứa Tì-tướng là Kiều Công-Tiễn giết mất. Con rể là Ngô Quyền lại báo thù được.

Truyện

Dương Duyên-Nghệ tướng châu Giao,
Đánh người Lý-Tiến quan Tầu cắt sang.
Thù họ Khúc báo rõ ràng.
Lại xưng Tiết-độ quyền đang một thì.
Gian-hùng gặp đứa tướng-tì.
Cõi Nam lại xuýt nghiêng về Hán-Nam.

Thơ

Riêng một trời Nam Khúc lại Dương,
Mặc ai Hán Tấn với Lương Đường.
Rể con vững có người trông cậy,
Hầu tớ ngờ đâu đứa phũ-phàng.

14.— Ngô Tiên-Chúa 吳 先 主 (938)

Lược-dẫn. — Tên là Quyền, cũng là người Đường-lâm, có tài giỏi, mưu-lược, nghe thấy Kiều Công-Tiễn giết mất Duyên-Nghệ, bèn kéo quân ra đánh, Công-Tiễn cầu cứu vua Nam-Hán ; chí vua Hán muốn lấy châu Giao, sai con là Hoằng-Thao đem quân sang đánh, ông Quyền giết được Công-Tiễn rồi, lại cắm cọc cửa bể Bạch-đằng, lừa đánh giết Hoằng-Thao, xưng làm vua, đóng đô ở Cổ-loa, được 6 năm mất, con là Xương-Ngập nối, Dương Tam-Kha lại cướp mất ngôi.

Truyện

Đường-lâm lại có Ngô-quyền,
Rể Dương Duyên-Nghệ trấn miền Ái-[châu.
Trước vì ông nhạc báo thầu,
Giết Công-Tiễn lại mưu lừa Hoằng-Thao.
Bạch-đằng một trận binh-đao,
Quét trong giặc Hán, lập triều-đình Ngô.

Thơ

Sáu năm trấn tĩnh vững thành Loa,
Có đủ triều quan có nước nhà.
Chắc lũ phượng non lông cánh bồng,
Ngờ đâu cú đói cậu Tam-Kha ?

15. — Ngô Hậu-chúa 吳 後 主 (951)

Lược-dẫn. — Là con thứ Ngô-Quyền, ở với cậu là Dương Tam-Kha làm con nuôi, Tam-Kha sai đem quân đi đánh giặc Nguyễn-Đường, ông ấy kéo trở lại đánh chuất Tam-Kha, làm Trương-dương-công, đón anh là Xương-Ngập về cùng làm vua, xưng là Nam-Tấn-vương, anh xưng là Thiên-Sách-vương.

Truyện

Xương-Văn con thứ vua Ngô,
Xương anh phải đuổi thân cô tay người.
Tuổi xanh may cậu còn nuôi,
Mưu cùng hai sứ đồ-hồi sự ta.
Về quân đánh chuất Tam-Kha,
Đón anh giữ lấy nước nhà trị chung.

Thơ

Giở cờ đem lại nghiệp nhà Ngô,
Trời cũng chiều người lúc thế cô.
Chẳng hẹp cùng anh không nỡ cậu,
Cõi Nam chưa dễ mấy đời vua.

16. — Thập-nhị sứ-quân 十 二 使 君 (967)

Lược-dẫn. — Lúc vua Ngô Xương Văn phục quốc cho đến lúc mất, chính-quyền cô-tức, cho nên không nhất-thống được cả nước, bởi thế người họ là Ngô Xương-Sí đóng quân

giữ vùng Bình-kiều, Tì-tướng là Đỗ Cảnh-Thạc giữ sông Đỗ-động, còn những thổ-hào là Trần-Lãm, Kiều Tam-Chế, Nguyễn Thái-Bình, Ngô Nhật-Khánh, Lý-Khuê, Nguyễn Thủ-Tiệp, Lã-Đường, Nguyễn-Siêu, Kiều-Thuận, Phạm Bạch-Hổ, mỗi người giữ một phương, tranh nhau làm hùng-tướng và đánh lẫn nhau, sau ông Đinh Bộ-Lĩnh thay ông Trần-Lãm coi quân, nhân đem quân ấy đi đánh các xứ, quân đánh đâu được dấy, từ đấy thiên-hạ mới nhất-thống về Đinh.

Truyện

Mười hai Sứ tôi vua Ngô,
Ngô vong người giữ một khu tranh hành.
Đông tây nam bắc tung hoành,
Vạch chia bờ-cõi tan-tành non sông.
Anh-hào chỉ có Trần-công,
Gây nên vận-hội mây rồng nhà Đinh.

Thơ

Gẫm cuộc phân chia cũng lạ lùng,
Mười hai vua gạnh một non sông.
Thoát vòng bĩ-tắc thôi từ đấy,
Ghé cõi trời Nam tỏ vựng hồng.

DỊCH THƠ CHỮ HÁN

對鏡

偶開戀鏡小窗前
亂鬢愁顏兩黯然
鏡中人却緣何事
不復嬌妍似昔年

1

Giở gương trước cửa bỗng soi,
Tóc mây bối-rối vóc mai võ-vàng.
Cớ sao người ở trong gương,
Chẳng còn điểm phấn tô hường như xưa?

Trần Phỉ-Hiền.

2

Trước rèm gượng giở gương loan,
Mặt sầu tóc rối hai đàng ngẩn-ngơ.
Xem gương hỏi bóng thẫn-thơ,
Sao mầu trang-điểm bây giờ khác xưa?

Trương Mộng-Tiếu.

柳影參差掩畫樓
曉鶯啼送滿宮愁
年年花落無人見
空逐春泉出御溝

1

Lơ-thơ bóng liễu bên lầu,
Chim oanh sao khéo đưa sầu trong cung.
Hoa tàn khôn kẻ đoái cùng,
Trôi theo dòng nước ra vùng ngự-câu.

Trương Mộng-Tiếu.

2

Lơ-thơ liễu mọc quanh lầu,
Chim oanh sớm gửi vọng sầu vào cung.
Nào ai biết mấy thu đông,
Hoa trôi nước chảy ra dòng ngự-câu.

Trần Phỉ-Hiền.

夜泊秦淮

烟籠寒水月籠沙
夜泊秦淮近酒家
商女不知亡國恨
隔江猶唱後庭花

1

Lơ-mờ khói nước trăng ngàn,
Bến Tần đêm tách đậu gần tửu-gia.
Khuynh-thành khôn biết xót-xa,
Bên sông còn thổi khúc ca hậu-đình.

Trần Phỉ-Hiền

2

Trăng ngàn khói nước lẫn pha,
Bến Tần đêm tách tửu-gia lại gần.
Đĩ buồn mất nước chẳng hờn,
Hậu-đình còn vịnh khúc đờn bên sông.

TRƯƠNG MỘNG-TIẾU.

讀亡夫遺詩

塞雨蕭疎柳散烟
挑燈獨坐念遺編
沉吟未斷腸先斷
玉筋雙垂落枕邊

1

Mưa tuôn lợt-đợt nhành dương,
Cảo thơm lần giở trước đèn thử coi.
Buồn thôi nói chẳng nên lời,
Ngổn-ngang bên gối lụy rơi đôi hàng.

TRẦN PHỈ-HIỀN.

2

Tan mưa liễu xẩn-xơ mành,
Đèn chong ngồi luống bận tình tri-âm.
Tuôn sầu chưa vẹn khúc ngâm,
Hai hàng lụy đã ướt đầm gối loan.

TRƯƠNG MỘNG-TIẾU.

長恨歌

夕殿螢飛思悄然
孤燈挑盡未成眠
遲遲更漏初長夜
耿耿銀河欲署天

1

Buồn trông huỳnh giải ngang hè,
Dầu thau tim lụn giấc hòe chưa an.
Trống canh chặm-chặm đêm tràng,
Sông ngân mải xế ác vàng hầu lên.

TRẦN PHỈ-HIỀN.

2

Đóm bay ngớ-ngẩn bên lầu,
Giấc hòe chưa trải đèn dầu lụn hao.
Đêm dài trống điểm lao-xao,
Sông ngân dằng-dặc bóng sao lờ-mờ.

TRƯƠNG MỘNG-TIẾU.

又體

芙蓉如面柳如眉
對此如何不淚垂
春風桃李花開夜
秋雨梧桐葉落時

1

Mày in liễu mặt dường hoa,
Cảnh tình mấy lúc lụy sa mấy lần.
Lý đào hoa ướm gió xuân,
Ngô-đồng lá rụng vừa chừng mưa thu.

TRƯƠNG MỘNG-TIẾU.

2

Hoa in mặt liễu in mày,
Nhìn trong cảnh ấy càng say tấc lòng.
Gió xuân đào lý đơm bông,
Mưa thu lác-đác ngô-đồng lá rơi.

TRẦN PHỈ-HIỀN.

NHÂN-ĐÌNH QUỐC-ÂM THI-VĂN TẬP

(*tiếp theo*)

Tặng tiền-thất đệ Trương-đài

Mới nửa trăm năm đội tuổi trời,
Cảnh già nghe đã thú hơn tôi.
Ruộng-nương bờ-bãi phong-lưu lắm,
Con cháu đề-huề nội ngoại rồi.
Phúc tổ rõi mừng nhà có nóc,
Ơn vua vinh thấy rể cùng trai.
Anh em đôi lúc vui câu truyện,
Thoảng đến tình xưa lại nhớ ai.

Thôn-cư tức-sự

Sẵn kho vô-tận đủ tiêu-pha,
Chẳng mấy khi ra khỏi cổng nhà.
Hay dở ngoài tai cơn gió thoảng,
Giầu sang trước mắt đám mây qua.
Gần đường xe ngựa nên rào trúc,
Ở thú non quê chỉ cấy hoa.
Nước lã canh rau ngon giấc ngủ,
Việc đời ai xá hỏi chi ta.

Tặng đồng-hãn lão-ý Dương-dài

Nổi tiếng sông *Khương* biết họ tên,
Bạch-đầu-ông có chước hồi-thiên.
Thương-hàn mấy vị *sâm-tô* khỏi,
Đan-nhiệt vài thang *quế-phụ* thuyên.
Hậu-phác vốn gây nền thọ khảo,
Thong-dong vui mượn thú điền-viên.
Vì thêm *đồng-nữ-hoa* mời chén,
Xá hỏi ai là lục-địa-tiên.

Tặng bản-thôn lão-nho sơ-độ

Tiền hết canh khuya cuộc muốn tàn,
Nợ trần chưa trắng tóc đà ban.
Gió đưa hành-lý và con sách,
Trăng tỏ tri-âm một ngón đàn.
Thi-tửu dong-dài cùng tuế-nguyệt,
Tang-bồng lần-lữa với giang-sơn.
Hỏi ông ông mới chu hoa giáp,
Sắp sắp trời cho đến cõi nhàn.

Tặng muội-phu Nguyễn-đài ngũ-thập

Học-vấn kinh-luân đủ mọi tài,
Bắn tung hồ-thỉ bốn phương trời.
Giang-hồ đủng-đỉnh con trẻo quế,
Sương-tuyết phôi-pha sợi tóc mai.
Canh bạc đương cay gà bảo hiểu,
Nước cờ phá bí ngựa phi hồi.
Trauh đua trời để xem đàn trẻ,
Cái nợ phong-trần hãy chịu chơi.

Bằng-tọa vãn-điếu *(năm ất-mão)*

Nhấp-nhoáng phèn thưa bóng ác tàn,
Ầm-ầm tiếng nước rẻo bên sàn.
Lơn gà người bụt đâu trôi đến,
Gò đống ao chuôm bỗng ngập tràn.
Trên sóng nhấp-nhô và nóc cỏ,
Dưới trăng len-lỏi chiếc thuyền nan.
Cách rào chỉ thấy người ta nói,
Gặt hái mùa nay dễ muốn nhàn.

Trung-nguyên khiển-hứng

Lá vàng đã rụng nước chưa lui,
Ngất-ngưởng trên sàn tháng rưỡi rồi.
Cheng-cúng nào nghe sư niệm phật,
Mông-mênh chỉ thấy nước như trời.
Sóng đào giận gió nhô từng lớp,
Doành biếc in trăng khắp mọi nơi.
Này tiết trung-nguyên ta hãy chén,
Hỏi tiên trong nước đó là ai.

Thái-hà Thảo-trang nguyên Thái-nguyên Niết-sứ Lê đại-nhân họa

Nước còn lên nữa giáng chưa lui,
Này tiết trung-nguyên đã đến rồi.
Cờ phướn diễu đàn sư hết đất,
Trống canh vọng nước tiếng vang trời.
Đòng-đong càn-cấn lên từng lũ,
Ngựa-nghẽo dù-xe xếp một nơi.
Cần trúc thuyền lan trăng thấp-thoáng,
Năm hồ bốn bể có riêng ai.

Họa Thái-hà Thảo-trang phùng-lạo chi tác *(năm Ất-mão)*

Lụt lội cơ này lại đói to,
Dẫu lo cũng vậy xiết sao lo.
Góc sàn nằm kềnh nào yên gối,
Nửa bước đi đâu phải gọi đò.
Đất rộn sóng dào coi tựa bể,
Núi nhô ngọn biếc thấp như gò.
Nếu khai sông cũ dân không lụt,
Nói phải thì ai cũng phải cho.

Phụ nguyên-tác

Thấy ai cũng nói nước này to,
To nước dân ta lại cả lo.
Chốn cửa nhà cao còn bắc bực,
Lối xe ngựa cũ phải đi đò.
Phất-phơ lá biếc bèo lưng nóc,
Vùng-vẫy doành ngân cá đỉnh gò.
Biết tính sao đây dân khỏi lụt,
Muốn khai sông cũ chẳng ai cho.

Tú-tài Lê Đình-Huyến

VỊNH-SỬ

Triệu-Ẩu

Trận-tiền phấp-phới lá cờ bay,
Ô nhỉ bà Trưng hẳn thấy đây!
Những bác mày-râu đành thẹn mặt,
Nên người canh-cửi phải ra tay.
Đầu voi xông-đột lòng lo nước,
Da ngựa ra-trường chí bọc thây.
Son phấn nữ-lưu còn ái-quốc,
Quân Ngô cũng hãi nước Nam thay.

Quốc-Toản

Kiếm trỏ hai phen tan giặc mạnh,
Cờ đề sáu chữ giải lòng trung.
Lão-thành trung-nghĩa chưa là giỏi,
Ít tuổi mà trung mới lạ lùng!

Như-Hổ

Bút nghiên cũng thể tiếng anh đồ,
Nỗi bầy nỗi năm chửa thấy no.
Ăn khỏe tất-nhiên làm cũng khỏe,
Bụng to ắt hẳn đảm càng to.
Vênh-vang tiến-sĩ nhờ ơn vợ,
Ngất-ngưởng công-hầu đội lộc vua.
Khố chuối lọng xanh ai hỏi đến,
Thưa rằng tôi vốn thực nhà nho.

Trịnh-Kiểm

Hiếu đâu có hiếu lạ lùng thay,
Chiến-quốc ngày xưa hẳn bác này.
Giạ cáo trời kia đâu lại chứng,
Vực tôm đất ấy chẳng qua may.
Hiển-vinh giấc mộng bàn tay trắng,
Danh-tiếng nghìn thu để mặt giầy.
Vua chúa hai trăm năm lẻ ấy,
Ác-cai non Tản chất lên đầy!

Gia-tướng Hưng-Đạo-vương

Nhân-kiệt đâu hơn cái cuộc này,
Anh-hùng gặp biến phải ra tay.
Phạm Cao lẫm-liệt muôn người địch,
Yết Dã trung-trinh mấy kẻ tầy.
Chim hộc bay cao nhờ sáu cánh,
Nhà to đứng vững sức đoàn cây.
Đại-vương ví thử cô-hùng-lập,
Đâu có danh thơm được đến rầy.

Nguyễn-Hiền

Áo mũ ơn vua nhuận trái đào,
Hỏi thăm quan Trạng ở quê nào?
Văn-chương thày khóa từ đây cạch,
Mô-phạm nhà sư thế mới hào!
Nhắn bảo Bắc-đình khoan giá rẻ,
Biết đâu Nam-Việt chẳng tài cao.
Tuổi tuy rằng bé gan không bé,
Gặp mấy Cam La đứng giữa trào.

Thị-Kính

I

Giây oan nỡ buộc thế này a,
Duyên nợ trăm năm khéo cũng là!
Vừa mới sợi tơ xe bữa nọ,
Mượn đâu bó đuốc chiếu đêm qua?
Thương chồng mang tiếng tuồng hoa-[nguyệt,
Miệng thế khôn phân nỗi chính tà.
Một tấm tiết-trinh ai tỏ giãi,
Chứng minh họa có Phật trên tòa.

II

Cái nghề con Tạo khéo trêu ngươi,
Kiếm cách ghen quanh mãi chữ tài!
Ngán nỗi râu chồng đâu mọc ngược,
Gớm cho miệng thế rệt nên lời.
Cãi câu kia nọ dành không đất,
Mà lẽ gian ngay đã có trời.
Thôi cũng từ xưa xưa mãi thế,
Ngậm oan há những một mình ai!

Tề-Khương

Hỏi ai li-biệt chẳng sầu bi,
Li-biệt như cô nghĩ cũng kỳ!
Ý hẳn hợp-bôi nên dót rượu,
Hay là kết tóc phải se tơ?
Vẻ-vang áo gấm là đây thỏa,
Lạnh-lẽo nằm xuông có kể gì.
Quyến-luyến vợ con nào những kẻ,
Sao không đọc kỹ truyện Tề-cơ.

Bá-Di

Trời sinh vốn sẵn tính thanh-cao,
Già nửa đời ông những hiềm nghèo.
Chắc mầm nhà Chu không lão đói,

Ngờ đâu đất Mục có quân reo.
Phát thâu thóc chẳn thây nhân nghĩa,
Non Thủ rau xuông độ sớm chiều.
Giá thử người đời ông thế cả,
Nước Nam ngọc thực rẻ hơn bèo.

TAO-ĐÀN

愛 蓮

Yêu sen

水 陸 草 木 之 花
Trời sinh các thức danh-hoa,
可 愛 者 甚 蕃
Có hương có sắc đều là nên thương.
晉 陶 淵 明 獨 愛 菊
Đào-Tiềm thích cúc-hoa nhiều,
自 李 唐 來 世 人 甚 愛 牡 丹
Người đời chỉ chuộng mi-miều hoa đơn.
予 獨 愛 蓮
Ta nay chỉ thích hoa sen,
之 出 於 泥 而 不 染
Ở bùn mà chẳng lây đen mùi bùn.
濯 清 漣 而 不 妖
Nước ngâm mà tuyết không mòn,
中 通 外 直
Trong thông ngoài thẳng vẫn còn tinh-anh.
不 蔓 不 枝
Rõ ràng không chành không cành.
香 遠 益 清
Càng xa càng thấy hương thanh ngạt-ngào.
亭 亭 淨 植
Thênh thênh đứng giữa phong-trào.
可 遠 觀 而 不 可 褻 玩 焉
Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay.
予 謂 菊
Mùa thu hoa cúc xa bay.
花 之 隱 逸 者 也
Cùng người ẩn-dật sánh tầy lứa đôi.
牡 丹
Hoa đơn rậc-rỡ tốt tươi,
花 之 富 貴 者 也
So ra hoa ấy như người giầu sang.
蓮
Hoa sen điểm-đạm nghiêm trang,
花 之 君 子 者 也
Thực là quân tử trong làng danh hoa.
噫 菊 之 愛
Thương ôi ! hoa cúc đã già,
陶 後 鮮 有 聞
Nào người thưởng cúc ai là Uyên-minh ?
蓮 之 愛
Hoa sen thoang thoảng phương tình.
同 予 者 何 人
Biết chăng chỉ có một mình mà thôi.
牡 丹 之 愛
Mậu đơn tốt mẽ bề ngoài,
宜 乎 衆 矣
Xưa nay thấy đỏ nhiều người thích mê !

NGÔ HUY-LINH *dịch*

Khuyến học quốc-ngữ

I

Ta vốn từ xưa học chữ Tầu,
Chữ Tầu vừa khó học vừa lâu.
Mười năm đèn sách gia công gắng,
Hai chữ *chi hồ* rõ nghĩa đâu !
Bởi ý của người văn của mượn,
Mà văn thì rộng ý thì sâu.
Học cho xem được thông văn-tự,
Cũng bốn năm năm chửa dễ hầu.

II

Quốc-ngữ thì ta học dễ lâu,
Vài trang a ă â u âu.
Hai vần bằng trắc thành lên tiếng,
Ba tháng ê a biết mọi câu.

Trông quyển Nam-Phong không [quáng mắt,
Cầm tờ Trung-Bắc cũng xuôi đầu.
Muốn làm tổng lý càng nên học,
Ú ớ hơi thông mới được bầu.

PHẠM HUY-TOẠI
Tri-huyện Gia-bình (Bắc-ninh)

CÂU ĐỐI

Khóc bố vợ là phường trèo

Chị em ôi ! nào ông ngoại đi đâu, sao nỡ rứt tình, ô vậy !
Bà con nhỉ ! phận nửa con nhẽ nín, kiếm lối trả nghĩa, nên chăng ?

Khóc mẹ vợ

I

Gió thổi sóng rồn sông Thái lạnh,
Sầu tuôn tơ đứt ruột tằm đau.

II

Sông Thái lạnh-lùng cơn gió thảm.
Giường đông ngao-ngán trận mưa tuôn.

Khóc anh

Cùng chung bát máu chia-san, em dưới anh trên vui lắm vẻ.
Nỡ bỏ lầu hoa vắng-ngắt, kẻ còn người khuất cảm thương thay.

Khóc em trai

Mới ngày nào tiệc yến cùng nhau, chén rượu tỉnh say mừng họp mặt.
Sao đã vội xe loan sớm gác, lầu hoa ngao-ngán xiết bao tình.

Em gái khóc chị

Em vẫn mừng cha mẹ khéo toan, muốn cho gần thuyền bến, gần nhân-duyên, buổi sớm chiều hôm, trò truyện xum-vầy vừa ý chị.
Chị chẳng nghĩ chồng con như thế, sao nỡ xa non sông, xa hương lửa, khi giỗ ngày tết, đi về thương nhớ tủi lòng em.

Chị khóc em gái

Em đã yên phận em rồi, còn lũ con thơ, khuya sớm lấy ai chặn-giắt, nhỉ ?
Chị nghĩ đau lòng chị lắm, thấy đàn cháu dại, ra vào thương nỗi bơ-vơ, buồn !

Em trai khóc chị gái

Bát máu sẻ đôi, em khúc dưới, chị khúc trên, bào ảnh trăm năm đà biết mạnh.
Non vàng khôn chuộc, mẹ thời già, con thời dại, hiếu tình đôi gánh để riêng ai.

Chị giàu góa khóc em chồng

I

Một sớm chú đi đâu, luống để mẹ cha thương nhớ chú.
Chín suối anh cùng gặp, nhờ đem tình tự tỏ cùng anh.

II

Anh đi đâu, em lại đi đâu, bỗng phút chốc chia sầu hai mái tóc.
Chị đã thế, thìm thời lại thế, mối tình này để tủi một em dâu.

Em chồng khóc chị dâu

Đôi bên cha mẹ thời già, trăm việc tảo-tần nhờ có chị.
Chín suối các anh có gặp, nhờ đem tình tự giãi cho em.

Chị gái góa, không con, khóc em gái mới sinh trai, mà người em trai mất năm trước

Nghĩ nỗi lại thêm buồn, tưởng khuất em trai còn em gái.
Trách trời sao mà độc, vừa cười hôm nọ khóc hôm nay.

VŨ TÍCH-CỐNG

VĂN-XUÔI

Văn « tiêu-khiển » — Văn « biện-thuyết »

Một mục văn-chương, nhiều nhà đã bàn rõ rồi; nhưng càng bàn càng rõ, càng rõ lại càng tinh, tưởng không phải là nhàm vậy.

Ta thử ngắm bức tranh sơn-thuỷ với bức tượng truyền-thần : quả-nhiên hai bức ấy, cách vẽ không giống nhau, vì tinh-thần mỗi bức một khác; ta lại ngắm xem đồ bầy-cảnh với đồ tiện-dụng, quả-nhiên hai đồ vật ấy cũng không giống nhau, vì cách dùng mỗi đồ một khác. Cho nên gọi là thợ khéo, thợ cướp được công tạo-hoá. là thợ biết tùy vật mà phú hình.

Văn-chương tức là mĩ-thuật : văn có nhiều vẻ, mỗi vẻ một tôn-chỉ riêng, một tinh-thần riêng, một tình-tình riêng, một lợi-dụng riêng, cũng như tranh chấm nhiều lối, đồ làm nhiều cách vậy. Vì thế cho nên làm văn nhiều cách, cách nào phân-biệt ý-nghĩa của nhà làm văn cách ấy. Nhà làm văn tài chỉ là thợ vẽ biết thay lối chấm tranh, thợ mộc biết đổi cách làm đồ thôi, nghĩa là biết theo tôn-chỉ văn mà tả ra lời-lẽ khác nhau...

Đại-khái văn có hai dọng: dọng « tiêu-khiển », dọng « biện-thuyết ». Ta không nên hiểu lầm mà ngộ-dụng. Đã ngộ-dụng thì văn không có giá-trị; đã không có giá-trị, chẳng những vô-ích cho thiên-hạ, lại hại cho hậu-nhân, vì văn ấy sẽ là « sức ngăn-trở » cho cuộc tiến-hoá sau này.

Văn « tiêu-khiển » là thứ văn không công-phạt ai, không phản-đối ai, không trách-cứ ai, không bỉ-báng ai, chỉ là bức tranh phô bầy cảnh vật : nào mầu hồng, mầu tía, chỗ đậm, chỗ thưa, nào nét già cọi, nét non tơ ; hay chỉ như tiếng đàn gẩy kêu dìu-dắt : nào tiếng khoan, tiếng nhặt, tiếng mau, tiếng thưa, nào lúc lên bổng, lúc xuống chìm; nghĩa là văn dùng để di-dưỡng tính-tình, ưu-du tính-chất, bao nhiêu lời văn đều có ý vị thanh-tao, cung mực êm-ái, khéo sinh tình cảm-xúc, khéo nẩy tứ du-hoài...

Vậy dọng thơ, dọng phú, dọng ca-dao.... đều là dọng văn « tiêu-khiển » cả. Thử đem ngâm nga một đoạn *Kim-Vân-Kiều*, quả-nhiên lời lẽ dịu-dàng, điệu vận khoan-khoái, khiến người nghe không thể không có cái thú sinh-xuất tự-nhiên được. Vì cái vui, cái buồn, cái yêu, cái ghét, cái mừng, cái lo, người ta ai cũng chung có cảm-tình ấy cả; mà cảm-tình ấy phát-hiện phải nhờ sự cảm-xúc bề ngoài. Vậy văn « tiêu-khiển » tức là cơ-quan cảm-xúc ấy: nhà làm văn khéo biểu lộ cảm-tình riêng tả ra văn; người độc-giả cùng có cảm-tình ấy tất-nhiên phải cảm-xúc.

Còn văn « biện-thuyết » khác hẳn thế. Nó là thứ văn cần để giải-gỡ vấn-đề gì, thi-thố phương-pháp gì, phản-đối hay phát-minh lý-tưởng gì, hay là biện-bạc những nhân-tình thế-thái, khảo-cứu những bí-mật di-tích của cổ-lại. vân vân... Thế ra văn này tức là văn *biện chân thuyết lý*. Nghĩa là phân-biệt điều thực, mà phát-minh lẽ phải. Cứ theo khoa-học riêng của từng người. tất-nhiên có nhiều tư-tưởng khác nhau, không có giới-hạn nào nhất-định. Vậy phô bầy tư-tưởng ấy bởi khoa học ấy, tức là dọng văn biện-thuyết đấy.

Xem thế thì hai thứ văn ấy không giống nhau vì tinh-thần, tôn-chỉ mỗi dọng một khác. Nhà làm văn — trước khi cầm quản bút biết — há chẳng nên phân biệt dọng văn lắm ru !

Đã đành rằng « văn-chương vô bằng-cứ », xưa nay chưa ai dám quyết lập một chương-trình nhất-định làm cái chuẩn-tắc bất-thiên cho nhà làm văn. Vì văn-khí phải theo *thiên-tai, năng-lực* của mỗi người mà đổi khác đi. — Nhưng nhờ cách bình - phẩm (*Critique littéraire*), ta có thể tìm điều cốt-thiết lập ra đại-cương chỉ cho cách làm văn được.

Vậy trong hai dọng văn này, ta nên viết thế nào cho hợp với tinh-thần văn, tôn-chỉ văn ?

Ta thường nói « vàn-vẻ ». Hai chữ vàn vẻ chỉ riêng cho văn « tiêu-khiển » mà thôi.

Quả thế, văn này tức là « cảnh vui đẹp của con mắt, cuộc hát xướng của lỗ tai ». Thế thì tả được rõ và đúng cái cảm-tình của ta ra, quí-hồ cảm-xúc được tình-tình người khác, là văn « tuyệt-bút » rồi. Nhưng được thế tưởng không phải là dễ vậy

Kia nhờ ngọn bút tả trên tờ giấy, mà làm sao nẩy được tinh-thần văn, cũng như thợ vẽ điểm thuốc, thợ mộc trạm đồ với thợ nặn đắp tượng, đều phải nhờ đến trí cảm-giác trí suy xét với thiên trí tự-nhiên. Từng ấy cái lại phải hợp với lời-lẽ bóng-bẩy, điệu dọng sênh-sang, càng trạm rũa bao nhiêu, thêu dệt bao nhiêu, càng cảm được tình-tình bấy nhiêu . . .

Nhưng bao nhiêu dọng văn « tiêu-khiển » đều không thể đem dùng vào văn « biện-thuyết » được.

Tất-nhiên nhà làm văn chỉ phải trừu-cứu lý-tưởng, rồi tả ra lời văn rõ-ràng, giản-dị, chớ không có cái dọng văn hoa-hoét lắm như dọng văn « tiêu-khiển ». Cái lời, cái điệu văn này, chẳng qua chỉ là thể phụ để giúp ý văn cho phân-minh gẫy-gọn, khiến độc-giả dễ hiểu ý người tác-giả mà thôi.

Phàm đã viết văn, phải rằng ý với lời phải theo nhau. Nếu có ý không có lời, thì văn không rõ ; mà có lời không có ý thì văn vô-vị.

Tuy-nhiên, văn-chương là nguyên-khí của quốc-gia, thì người làm văn dù viết văn « tiêu-khiển » hay văn « biện-thuyết », tất phải sao cho *từ nghiêm nghĩa chính*, lúc nào cũng giữ một cái tôn-chỉ rất cao-thượng. Đừng bảo rằng viết văn tiêu-khiển mà tung-hoành khẩu-thiệt, hỗn-hào xuyên-tạc, chỉ trần-trần những *câu văn sáo*. Đừng bảo rằng viết văn «biện-thuyết» mà ngửa nghiêng quản bút, khoa-kỳ đấu-mỹ, chỉ trơ trơ những *lý-sự cùn*.

Nếu thế thì hạng văn ấy không có ích cho quốc-dân, tạo-phúc cho xã-hội, mà nhân tâm thế-đạo cũng vì thế mà thành ra hoang-đường vu-khoát, cơ tiến-hóa chẳng thấy đâu, mà cơ suy-vi đã có mà đợi được.

Hỡi nhà làm văn, trước khi muốn viết gì, xin hãy từ từ ngọn bút mà hỏi rằng :

« Ta viết văn để hoa-quốc, hay để ngu-thế ? »

Hỡi nhà làm văn ! nên cẩn-thận !

HOÀNG TÍCH-CHU

(Phù-lưu Bắc-ninh)

THI-NHÂN TRUNG-KỲ : Ông THÚC-GIẠ

Những thi-văn quốc-âm ở Trung kỳ, cách ba bốn mươi năm đến nay có lắm tay kiệt-tác, lưu-truyền lại còn lắm bài rất hay, mà phần nhiều làm ra bởi tay các Đức ông thủa ấy. Cho nên Đức Dực-Tôn-Hoàng-đế có ban khen Đức ông

Tương-an rằng « Quốc-âm thánh-thủ ». Xưa như thế, mà nay dễ thường đã không có ai đâu !

Quan Viên-ngoại bộ Binh là ông Ưng-Bình, tự là Thúc-giạ-thị, cử-nhân, cháu đức ông Tuy-lý Vương có bộ *Vĩ-giã hiệp-tập*. Ông Thúc-giạ cùng tôi là một bậc sư-hữu lại kiêm cả tình cốt nhục. Ông thường khuyên tôi học ngâm vịnh, chớ để cho tình-tính ngày một hoang-sơ; tuy đã gọi « nhất hành tác lại » thời sự phong-vận lăm bỏ, nhưng mà cái chung-tình của ông như tuồng còn đeo nặng trì-trì; buổi nhàn-hạ lại cùng nhau nét vẽ câu thơ, tưởng cũng bởi tánh cao-khiết phong-tao của Tạo-hóa phú cho tự-nhiên vậy.

Nhân một buổi chiều buông thuyền giữa sông Hương, cùng nhau ba bảy bạn-bè, ngửa-nghiêng dưới nước trên trăng, ngoạn-lãm phong-cảnh ; trong thuyền sẵn đem theo hai ả danh-viên đã có tài lại có sắc ; vậy chẳng những là cuộc chơi hôm ấy khá gọi là vui ưa với thú « thanh nga hạo xỉ », « hoành địch đoản tiêu » mà thôi, lại còn lắm thú phong-tao như là « khắc chúc thôi thi », « liên ngâm hạn vận » nữa, mới thật là ít có. Vậy một ả danh-viên đã hạn vận B. C D. Đ Ê. để làm một bài « Chơi thuyền dưới trăng ». Đề ấy cũng lắm ông làm thành hài, nhưng xem không mấy câu được, duy một mình Thúc giạ đã có tài « thất-bộ » mà nghe có lắm vần xuôi ; tưởng nên lục ra đây để khán quan nhàn-lãm.

Con thuyền vững lái giỏ không bè (*B*),
Ra khỏi dòng khơi mái cạy [1] xẻ (*C*).
Trộ [2] sáo sông sâu chài bủa cá,
Tiếng tiêu dồng rộng trẻ chăn dê (*D*).
Gương in bóng nước đôi vành nguyệt,
Liễu trìu [3] ngành xuân mấy dặm đê (*D*).
Cụm lách ngửa nghiêng bầu Lý-Bạch,
La-Phù một giấc cũng đà ê (*Ê*).

Sự canh họa trong các thể thức làm thi chẳng phải là dễ hoạc gọi là y-vận, bộ-vận, thứ-vận, hay là hạn-vận ; trong các thể ấy chỉ có hạn-vận là tối khó, vì những vận của người ta hạn cho, chỉ xuất ư tự-nhiên, cứ luôn miệng đọc ra, đề đó mặc ai thêu dệt ; thế mà ông Thúc-giạ đã tìm đến diệu-xứ mà tả được cảnh-tình thấu-triệt linh-lung thôi-xao như bóng ở trong gương, trăng ở trong nước, lại như sắc ở trong không, thật là cái địa vị « tam thập niên tố bất đắc . . . . . », chẳng phải là dung-dị.

Thi-văn quốc-âm của ông làm còn nhiều, sẽ xin lục và đăng lần-lượt về sau ; nay lục những bài nào có tình thiết với bằng-hữu, có can-thiệp với thế-tình, nào những truyện khá ghi những câu nên chép.

Thơ khuyên bạn là Tôn-thất Phán, Tri-phủ Tư-nghĩa, xem báo *Nam-Phong* làm vui

Phải chăng trong các lẽ làm quan,
Xem báo *Nam-Phong* thấy rõ-ràng.
Kính-tỉnh tiếng chuông tòa Thượng-[Thẩm,
Thơm-tho ngòi bút huyện Đông-[quang.
Nhắc cân quyền lợi chia hai ngả,
Theo bước văn-minh chỉ mọi đàng.
Mà chuyện đời xưa nay cũng có,
Vui hơn tiếng hạc với cung đàn.

Thơ mừng quan Phủ mới Tôn-thất Phán được tiếng ban khen có học-thức của Hoàng-đế.

(1) *Bát cạy*, tiếng nói của nhà đò : là bên tả hữu.
(2) *Trộ* sáo là một vòng sáo đóng quanh để vây lại mà đánh cá. Trộ nghĩa như trận vậy : một trộ mưa vân vân.
(3) *Trìu* cũng như trĩu vậy nặng trìu

Mừng quan Phủ mới bạn xưa mình,
Muôn đội lời khen của Thánh-minh.
Nở mặt đã nhờ ơn Tạo-Hóa,
Nghiêng vai càng nặng gánh thương-[sinh.
Vì trong học-thức đà khôn dễ,
Theo dấu tuần-lương đặng mới xinh.
Lừng-lẫy tiếng thơm, thơm mãi-mãi,
Có *Nam-Phong* thổi khắp hoàn-đình.

Phụng họa vần thi « Đêm nằm không ngủ » của cụ lớn Phước-môn có đăng trong báo *Trung-Bắc*.

An no ngủ kỹ phước trời cho,
Vì gánh giang sơn nặng phải lo.
Tiếng sáo dóng canh đưa khúc thỏi,
Ruột tằm đòi đoạn rối tơ vò
Lưỡi gươm Tô-Địch càng thêm sắc,
Ngọn đuốc Vân-Trường dễ hóa tro.
Cứ mãi mài mai cho đến sáng,
Mặc ai tăm tối chuyện thỏ mò.

Sông Hương *lạm-bình*.

CÂU TRUYỆN RỬA HỜN

Ở đời cái gì không biết nên hỏi, không nên lấy sự hỏi làm thẹn và cũng không nên cần-nhẹ người mình hỏi là người hơn mình, bằng mình, hoặc kém mình. Bỉ-nhân là người dốt sử Tàu, nhưng tính lại hay xem truyện đời xưa bên Trung-quốc. Đã nói là dốt thì lại càng nên hỏi, mà đã hỏi chắc các nhà sử-học chẳng tiếc công mà bảo cho. Thường xem báo hoặc xem những bài sử-lược nước Tàu thấy nói ông Mã-Viện đã 90 tuổi-đầu còn cầm được thương lên được ngựa để sang đánh dẹp « Man-Di », mở mang bờ-cõi.

Dám hỏi : Mã-Viện ấy là ai? Man-di kia là ai ? và bờ-cõi là bờ-cõi nào ?

Đọc báo *Nam-phong* số 5 tôi còn nhớ bài ca của ông Lê Văn-Quĩ vịnh hai bà Trưng-vương, có câu :

« Nhớ thuở trước mở cờ dựng hiệu,
« Bà Trưng-vương với Triệu-ẩu ta.
« Nào là Mã-Viện Phục-ba,
« Nào là Lục-tướng, nào là Ngô-quản.
« Thân son phấn dám gần tên dạn,
« Đuổi quân Tàu mấy vạn kể chi.... »

Ông Mã-Viện 90 tuổi ấy có phải là Mã-viện Phục-ba nói trong mấy câu thơ trên kia không ?

Đọc báo *Nam-phong* số 8 tôi còn nhớ bài thơ của ông Đoàn Như-Khuê sao-lục vịnh ông Phục-ba tướng-quân, xin sao lại sau này :

Trèo non vượt bể biết bao công,
Một trận Hồ-tây chút vẫy-vùng.
Quắc-thước khoe chi mình tóc trắng,
Cân-thoa đọ với gái hồng-quần.
Giềm-chê đã chán đầy mâm ngọc,
Công cán ra chi mấy cột đồng.
Ai muốn chép công ta chép oán,
Công riêng ai đó oán ta chung !

Nhân nói truyện Phục ba tướng-quân, tôi lại nhớ đến câu truyện có người nói với tôi năm xưa, khi còn làm việc ở ngoài biên-giới, nay xin thuật lại.

Phục-ba tướng-quân là một người anh-hùng đời xưa ở bên Tàu, khi sinh thời trung-quân ái-quốc, đến khi tử-hậu dân Tàu cảm công, đâu-đâu cũng lập đền thờ, cũng như bên ta lập điện thờ ông Trần Hưng-Đạo, nhất là những miền biên-cảnh hay có nhiều đền.

Ở quận Đông-hưng (gần Moncay) thuộc về phủ Khâm-châu tỉnh Quảng-tây bên Tàu, có một cái đền thờ tướng-quân, trong đền dựng một pho tượng mặt to râu dài, lực-lưỡng, tay phải cầm một thanh gươm, tay trái cầm một cái đầu người tóc dài suề-sòa, người cầm gươm sách đầu ấy chính

là tượng ông Phục-ba Mã-Viện, còn cái đầu tóc suề-sòa ấy là đầu ai ?....

Có một người An-nam ta nhân có việc buôn - bán sang Tàu, vào qua đền xem thấy thế, lấy làm căm-tức, toan phá ngay pho tượng, nhưng lại nghĩ nếu vội-vàng phá thì cái đầu thật lại cũng như cái đầu giả kia, người ấy bèn đi về ; đến đêm lẻn vào trong đền phá tan pho tượng, phá xong lại trở về. Sáng hôm sau người thủ-tự thấy thế lấy làm ngạc-nhiên, nhưng chưa rõ ngành-ngọn làm sao.

Sau về nói chuyện ai cũng sợ cho người phá pho tượng vì lòng nghĩa-khí dám khinh mình, giá lúc đang phá mà có người biết thì thế nào ?

Ấy là cái cảm-tình của người hiệp-sĩ đối với ông cụ 90 tuổi còn sang đánh dẹp man-di là thế ; con cái cảm-tình của các nhà thi-sĩ nước ta đối với tướng-quân nên nhớ câu :

Công riêng ai đó oán ta chung.

Được như thế muôn năm người thất-trận ở Cẩm-khê (1) cũng được ngậm cười chín suối.

NGUYỆT-THÀNH

ĐÔNG-LÂN TÂY-TRẢO

Si l'on ne cherche dans l'histoire que le bonheur de l'humanité, l'on est déçu comme on l'est dans une vie où l'on ne cherche que plaisir. Il n'y a point au cours des siècles une époque heureuse : les époques les moins malheureuses y attrapent l'indulgence et, par la comparaison plus tard et par l'envie, de fausses renommées d'âge d'or. Il n'y a point de peuples qui aient été bien longtemps gouvernés. Il n'y a point de régimes qui n'aient commis de fautes impardonnables. Et il est trop facile de supposer que les régimes et les rois fussent les seuls coupables, si jamais les peuples n'ont cessé d'être durs et cruels à eux-mêmes. Regardée avec l'unique souci du bonheur, l'histoire est scandaleuse et ridicule, par l'infamie qu'on y découvre et l'échec continuel d'un zèle forcené.

ANDRÉ BEAUNIER

Nếu lấy lịch-sử làm trường hạnh-phúc cho loài người thời cũng đến thất-vọng như lấy đời người làm nơi khoái-lạc cho người ta. Suốt trong lịch-đại không có đời nào là đời được sung-sướng ; đời nào ít khổ hơn nhất thời về sau so-sánh ra đã lấy làm đáng thèm-vọng rồi, nên người sau phán-đoán có ý khoan-dung mà được cái danh tiếng giả là hoàng-kim-thời-đại. Không có dân nào là được bình-trị trong lâu năm. Không có chính-thể nào là không phạm phải những sự lầm-lỗi nặng. Nếu cứ đổ lỗi cả cho chính-thể, cho vua chúa thì tiện quá, nhưng phải biết rằng các dân-tộc xưa nay không bao giờ là không có cái tính tương-tường tương-tặc lẫn nhau. Cho nên cứ lấy cái phương-diện hạnh-phúc mà xét lịch-sử, thời lịch-sử thật là lố-lăng mà buồn cười, vì cái lòng lang dạ thú của người ta, quay-cuồng điên-đảo mà chẳng nên công-chuyện gì.

---

(1) Cẩm khê là chỗ hai bà Nữ-anh hùng nước ta bại trận rồi mất

TIỂU-THUYẾT TÀU

HOẶC-NỮ

Dịch Liêu-trai

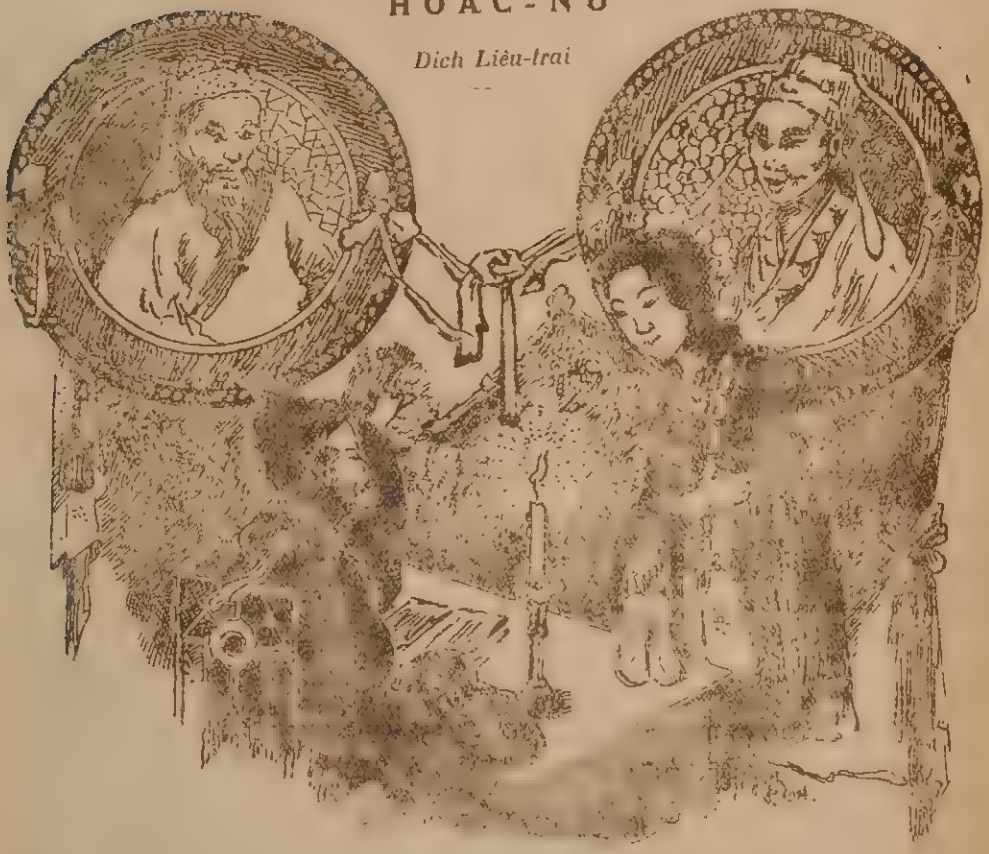

Chu Dai-Hưng, người Chương-đức, nhà cực giầu mà tính cực sẻn, nếu không phải việc cưới-xin, thì trong nhà không khi nào có khách, dưới bếp không khi nào có thịt. Nhưng tính hay bờm-xơm thích gái đẹp, hễ thấy ở đâu có gái đẹp thì dẫn sa-phi thế nào cũng không tiếc. Đêm nào Chu cũng trèo qua tường lẻn đi chơi với những ả đăng-phụ. Một đêm kia, Chu gặp một ả thiếu-nữ đi một mình, biết là người con gái trốn đi bơ-vơ, bắt hiếp đem về nhà, dong đèn lên xem thì tuyệt đẹp; hỏi ra thì nói là họ Hoắc. Chu muốn hỏi căn-vặn cho rõ gốc-tích. Hoắc-nữ không bằng lòng, nói rằng: — « Đã có bụng đem về, sao lại còn hỏi căn-vặn mãi; nếu sơ lâm-lụy đến mình, thì tôi xin đi ngay ». — Chu không dám hỏi nữa, giữ lại ăn ở cùng nhau. Nhưng Hoắc-nữ không thể ăn được những thức cơm thô gạo hẩm, lại chán ngấy những thứ mỡ-màng; bữa nào ăn cũng phải có yến-sào, hoặc sào tim gà, canh bóng cá, thì mới ăn no được. Chu đều phải

hết sức cung-phụng cả, chớ không thể sao hà-tiện được. Hoắc-nữ lại hay đau-yếu, tự nói rằng phải mỗi ngày một chén nước sâm thì mới khỏe. Chu trước còn không cho, sau thấy nàng đau rền-rĩ gần chết, bất-đắc-dĩ phải sắc nước sâm cho uống thì bệnh khỏi

liền ; từ đấy ngày nào cũng phải thường cung một chén nước sâm. Nàng mặc sống áo tất toàn dùng gấm-vóc, thấy hơi cũ, lại bắt may cái khác ; như thế hơn một tháng, chi-dụng sa-phí quá. Chu dần-dần không thể cung được. Nàng xùi-xụt khóc-lóc không chịu ăn, chỉ cầu xin đi. Chu sợ, lại phải ủy-khúc chiều lòng thứa-thuận vậy.

Hoắc-nữ hễ hơi buồn một tí, thì không thể chịu được, cứ mười lăm ngày lại phải gọi bọn con hát đến làm trò cho vui. Lúc làm trò thì Chu bắc ghế ở ngoài mành, ôm con ngồi xem. Nàng thấy không có khách đến chơi-bời chè-chén, lại thường trách mắng Chu. Chu cũng phải im-lặng. Được hai năm trời, nhà dần sa-sút mãi, Chu mới nói với nàng xin bớt sa-phí đi cho. Nàng cũng thuận cho bớt phi-dụng đi một nửa. Được ít lâu cũng không thể nào cung-cấp được nữa, nàng bất-đắc-dĩ phải ăn cháo thịt vậy, có bữa không có thức trân-cam gì cũng ăn. Chu đã lấy làm mừng, chợt một đêm, nàng mở cửa gác sau trốn mất. Chu buồn rầu quá chừng, dò-la khắp cả, mới biết nàng trốn sang ở nhà họ Hà thôn bên láng-giềng.

Hà là con nhà dòng-dõi họ to, mà tính thì hào-hoa phóng-túng, khách-khứa giao-thiệp cực nhiều, có khi đong đèn lửa suốt sáng. Chợt thấy người con gái đẹp đương nửa đêm

lên vào buồng ; hỏi ra mới biết là người vợ lẽ của Chu. Hà vốn khinh Chu, lại thích người gái đẹp, bèn nhận lấy làm vợ, quấn-quýt với nhau càng ngày càng mê-mẩn, cùng-cực sa-sỉ, cung-phụng nàng cũng như Chu. Chu đòi biết tin, đòi trả nàng về, nhưng Hà chỉ làm thinh. Chu bèn đi thưa quan, quan hỏi Chu có biết họ tên gốc-tích người con gái ấy không. Chu đều không rõ cả, quan bỏ không hỏi đến. Chu bèn đem của đề đút-lót cho quan, quan mới nhận đơn để hỏi. Hoắc-nữ bảo Hà rằng : — « Khi tôi ở với Chu, cũng không có mối-lái lễ cưới gì cả, can gì mà sợ. » Hà mừng, muốn kiện lấy cho được. Có người khách là Cô-sinh bảo Hà rằng : « Không nên, nếu mình giấu-giếm đứa đi trốn, đã là phạm quốc-luật rồi. Huống-chi tự khi đứa con gái ấy đến đây, mỗi ngày sa-phi vô chừng, dẫu nhà giầu nghìn vàng cũng không kham được mấy nả. » Hà mới tỉnh-ngộ, thôi không theo kiện nữa, bèn giao trả Hoắc-nữ lại cho Chu. Được vài ngày, nàng lại trốn đi mất.

Gần đấy có Hoàng-sinh vốn là người học-trò nghèo, chửa có vợ ; hốt-nhiên

thấy nàng gõ cửa vào, tự kể đầu đuôi lai-lịch. Hoàng vốn là người sợ phép cẩn-thận, chợt thấy người gái đẹp trốn lại với mình, sợ hãi không biết làm thế nào ; cố từ khước mãi nhưng nhất-định không đi. Hoàng nghe lời nàng đối đáp dịu-dàng, cũng sinh động tâm, mới thuận lưu cho ở, nhưng chỉ sợ nàng không kham được cảnh nghèo. Thế mà nàng thức khuya dậy sớm, làm-lụng công-việc cửa nhà, chăm-chỉ không từ khó-nhọc. Hoàng là người uẩn-tạ tiêu-sái, khéo chiều chuộng vợ, chỉ tiếc rằng không được gặp nhau sớm ; sợ phong-thanh tiết-lộ ra, thì không được ở với nhau lâu dài. Nhưng Chu từ khi đi kiện, nhà lại càng nghèo, liệu biết nàng cũng chẳng chịu yên ở nào, bèn thôi không đi tìm về nữa.

Nàng từ khi về ở với Hoàng được vài năm, dốc lòng thân-ái. Một hôm muốn về thăm nhà, lại nèo Hoàng phải thuê xe cùng đưa về. Hoàng nói

rằng : — « Trước vẫn nói không có nhà, sao trước sau lại nói khác nhau thế ? » Nàng rằng : — « Trước thiếp nói dùa đó mà thôi, thiếp vốn người Trấn-giang, bị lừa kẻ dãng-tử quyến đi, mới lưu-lạc giang-hồ đến đây ; nhà thiếp cũng phong-dụ, chàng dẫu khánh-

kiệt tư-bản mà dưa thiếp về, cũng không sợ thiệt. » Hoàng nghe lời thuê xe cùng nàng đi, đến cõi Dương-châu, bèn đổi sang đi thuyền ; thuyền còn

đậu ở bến sông, nàng đứng tựa chấn-song ngoạn cảnh ; chợt có thuyền anh lái buôn đi qua, trông thấy nàng tuyệt đẹp, thất kinh, bèn quay thuyền neo ở lại, nhưng Hoàng vẫn vô-tình không biết; nàng hốt-nhiên nói rằng : — « Nhà chàng nghèo lắm, nay tôi có một bài thuốc chữa nghèo, chẳng biết chàng có nghe không? » Hoàng hỏi căn-vặn mãi. Nàng nói : — « Thiếp lấy chàng đã mấy năm nay, mà chưa sinh con-cái gì cả, cũng là một việc chửa rồi. Thiếp dẫu xấu, nhưng nay còn chửa già, hễ ai có mua thiếp nghìn vàng, thì cứ bán thiếp đi, rồi sẽ có cả nhà cửa ruộng nương vợ con ở đấy, kể ấy thế nào?» Hoàng thất sắc, không biết nói thế là vì cớ sao. Nàng cười nói rằng : — « Chàng chớ nóng vội, thiên-hạ thiếu gì người đẹp, ai lại bỏ nghìn vàng ra mua thiếp ; đó là nói bỡn để thử xem ở ngoài có ai dám mua hay không; còn cái quyền bán hay không bán thì tại chàng, chớ có sợ gì. » Nàng liền bảo người vợ lái-đò thử hỏi xem có ai dám bỏ tiền ra mua hay không. Người vợ lái đò liếc mắt trông Hoàng, Hoàng cũng giả cách thử ưng xem sao. Vợ lái-đò đi một lát, trở về nói rằng có người lái-buôn xin mua tám trăm lạng. Hoàng xua tay bảo ý rằng khó lòng mà mua được. Một chốc lại trở về nói xin vâng đủ số một nghìn, và xin mời Hoàng sang thuyền để làm giấy trao tiền. Hoàng có ý giận. Nàng nói : — « Hãy bảo người ta đợi đấy, rồi tôi sẽ bảo nhà-tôi sang. » Nàng bảo Hoàng rằng : — « Thiếp bấy lâu lấy cái mình nghìn vàng mà phụng-thờ chàng, bây giờ chàng mới rõ đấy nhé ! » Hoàng hỏi bây giờ nói từ-chối làm sao được. Nàng nói : — « Xin chàng hãy cứ sang viết giấy, còn đi hay không đi, thì quyền tại mình ». Hoàng không nghe. Nàng cứ thúc-giục mãi, Hoàng bất-đắc-dĩ phải sang, lập-khắc ký giấy trao tiền. Hoàng niêm phong vàng lại tử-tế, nói rằng : — « Chỉ vì tôi nghèo, nên mới phải đoạn tình thế này. Nếu nhà-tôi không chịu theo đi, thì nguyên-kim hãy còn đây, xin nộp lại. » Hoàng vừa đem tiền về đến thuyền, thì đã thấy nàng theo người vợ lái đò bước sang cuối thuyền lái buôn đàng kia rồi. Nàng đoái lại từ-giã Hoàng, chớ không có ý gì lưu-luyến nữa. Hoàng kinh-hồn thất-đảm, nức-nở không nói lên được nữa. Vụt-chốc thuyền lái buôn nhổ sào, dong buồm

đi như tên. Hoàng kêu gào, muốn lồng lên đuổi theo. Người lái đò không nghe, quay mũi thuyền sang nam, chớp mắt đã đến Trấn-giang. Hoàng đem đồ hành-trang lên bờ, người lái đò lại quay thuyền chở đi. Hoàng ngồi giữ hành-trang, buồn-bã chưa biết về đâu, nước chiều cuồn-cuộn chầy xuôi, lòng đau như cắt bên trời xa trông. Đương lúc Hoàng xùi-xụt khóc thì chợt nghe tiếng gọi văng-vẳng : « Hoàng-lang! » Hoàng ngơ-ngác trông trước trông sau thì đã thấy nàng ở đàng trước rồi. Hoàng mừng lắm, mang đồ hành-trang chạy lại, hỏi : « Nàng sao lại đến được đây thế ? » Nàng cười đáp rằng : — « Nếu chậm vài phút nữa, thì chàng hẳn có bụng ngờ. » Hoàng biết là người phi-thường, cố cật-vấn thực-tình. Nàng cười nói rằng : — « Thiếp sinh-bình, hễ anh nào sẻn-bần thì thiếp đến phá của ; anh nào tà-dâm thì thiếp đến lừa của. Nếu nói thực cùng chàng, thì chàng tất không nghe, biết tìm đâu cho được nghìn vàng. Nay vàng đã nặng túi, mà bến Hợp-phố lại đem châu về, đã là may cho chàng lắm rồi, còn cật vấn làm gì. »

Hoàng bèn thuê người đem hành-trang theo nàng cùng đi. Đến Thủy-môn, thấy có cái nhà hướng nam, bèn cùng bước vào, thì thấy hai ông bà

già và mấy người con trai con dâu ra đón rước, đều nói rằng : « Kìa Hoàng-lang đã đến. » Hoàng vào chào hai ông bà. Có hai người thiếu-niên ra vái chào mời ngồi, đó là Đại-lang và Tam-lang, vốn là anh em với nàng. Khi thiết đãi ăn uống, cũng không có bầy ra nhiều thức, chỉ có một vài thứ thịt như là : gà, cua, ngỗng, cá, đều thái ra từng miếng. Hai người thiếu-niên lấy chén lớn mời rượu, chào mời bàn nói hào-phóng. Khi ăn xong bèn đưa Hoàng vào nhà riêng, để cho hai vợ chồng cùng ở; chăn gối sạch-sẽ, không thiếu một thức gì, dải giường dùng bằng thứ da thuộc để thay thứ chiếu mây. Hằng ngày đã có mấy đứa thị-tì hầu-hạ ba bữa cơm. Nàng có khi cả ngày không đến. Hoàng thường ở một mình, lấy làm buồn-bã lắm, muốn từ-giã ra về. Nàng cố ngăn ở lại. Một hôm nàng bảo Hoàng rằng: — « Nay thiếp muốn vì chàng mưu mua một người làm lẽ, để mong đường tự-tức về sau. Nhưng nói là mua dắng-tiếp, thì phải mua đắt tiền; xin chàng giả cách làm anh ruột thiếp, để cho cha tôi đứng làm chủ-hôn, có lẽ lấy được con nhà tử-tế. » Hoàng không nghe; nàng cố ép. Khi ấy có con gái ông Trương Công-sĩ, mới góa chồng ; lễ cưới mất độ một trăm bạc, nàng nhất-định cưới về; người vợ mới tên là A-Mỹ, nết-na cũng dịu-dàng.

Nàng cứ gọi bằng chị dâu. Hoàng áy-náy không yên lòng, mà nàng thì thản-nhiên như không. Một hôm nàng bảo Hoàng rằng : — « Thiếp xin cùng với chị cả thiếp đi chơi Nam-hải, để thăm người em gái, độ hơn một tháng mới trở về ; xin hai vợ chồng chàng cứ yên ở nhà. » Nói rồi nàng bèn đi. Hai vợ chồng Hoàng từ đấy ở riêng một nhà, cứ đúng buổi có người cung-cấp ăn uống, rất là phong-hậu. Nhưng từ khi Hoàng ở đấy, không từng thấy một người nào đến chơi nhà. Cứ mỗi buổi sáng, nàng A-Mỹ đến hầu thăm bà cụ già, chỉ hầu chuyện đôi câu rồi lui ra. Các nàng em gái đứng ở cạnh trông nhau mà cười. Có khi lưu-liên ngồi lâu, cũng không thấy có ý ân-cần gì cả. Hoàng vào hầu ông già cũng như vậy. Chợt khi gặp các cậu thiếu-niên đương họp chuyện, Hoàng sực đến nơi, thì đều nín lặng cả. Hoàng có ý nghi-ngờ buồn-bã, không thể nói ra được. A-Mỹ biết ý, hỏi rằng : — « Chàng cùng với các chú thiếu-niên đều là anh em, sao hơn một tháng nay tôi vẫn thấy đãi nhau như khách vậy ? » Hoàng thẳng-thốt không biết đáp lại làm sao, chỉ ngập-ngừng nói rằng : — « Vì tôi đi vắng đã mươi năm nay, bây giờ mới về. » A-Mỹ lại hỏi cặn-kẽ dòng-dõi nhà bố mẹ, và quê-quán các chị em dâu. Hoàng quẫn-bách không thể giấu quanh được nữa, phải thổ-lộ hết cả tình đầu. A-Mỹ khóc mà nói rằng : — « Nhà thiếp dẫu nghèo, nhưng không khi nào bán mình làm dắng-thiếp, không trách được các chị em nhà vợ chàng không thèm kể tôi vào dâu. » Hoàng sợ hãi luống-cuống không biết nghĩ sao, vội-vàng quì xuống kêu xin. A-Mỹ gạt nước mắt, đỡ Hoàng đứng lên, xin Hoàng liệu xử cho. Hoàng nói : — « Tôi không biết tính sao, bây giờ chỉ có một kế lẻn trốn đi mà thôi. » A-Mỹ rằng : — « Đã đi lấy chồng mà lại trở về, sao lại nỡ tình như thế được. Nàng ấy dẫu theo trước, nhưng vốn là tư-bôn ; thiếp dẫu cưới sau, nhưng là chính-thức ; không gì bằng hãy đợi nàng ấy về, hỏi nàng ấy đã lập ra cái mưu ấy thì bây giờ xử-trí cho tôi ra làm sao » Đợi mấy tháng chẳng thấy Hoắc-nữ về. Một đêm kia, nghe ngoài nhà khách có tiếng uống rượu ồn-ào, Hoàng lẻn ra dòm xem, thì thấy có hai người khách mặc áo nhung-trang : một người mặc áo da báo, lẫm-liệt như thiên-thần ; một người đội mũ dâu-mâu làm bằng da đầu hổ, trông hãy còn mồm mũi đủ cả. Hoàng sợ, lui vào nói chuyện với nàng A-Mỹ, nhưng vẫn không lượng được cha con họ Hoắc là người thế nào ; vợ chồng nghi-ngờ lo sợ, mưu muốn đi thuê ở chỗ khác, lại sợ rằng sinh ra ý hiềm-nghi chăng. Hoàng bảo A-Mỹ rằng : — « Nay tôi nói thực với nàng, cớ-sự đã rõ ra thế này, tôi cũng không có thể ở đây được. Nếu muốn đem nàng đi, lại sợ ông bà thân-sinh ra nàng không ưng chăng. Nay tôi hãy tạm từ giã ít lâu, độ trong hai năm thì tôi lại đến. Nàng có thể đợi được thì đợi, nếu muốn đi lấy người khác thì cũng tùy ý. » A-Mỹ muốn về nói với cha mẹ rồi xin đi theo. Hoàng không nghe. A-Mỹ rỏ nước mắt khóc, bắt Hoàng phải đính lời thề, rồi từ-biệt về nhà.

Hoàng vào cáo từ ông bà, lúc bấy giờ các chàng thiếu-niên đi vắng cả ; ông muốn nèo-lưu ở lại, để đợi các chàng ấy về. Hoàng không đợi nữa cứ đi, khi lên thuyền buồn-bã như mất thần-hồn ; thuyền đến Qua-châu, Hoàng ngảnh lại trông, thấy có một chiếc thuyền đang dong buồm chạy lại, đi như bay, dần-dần tiến đến nơi, thì thấy có người cầm gươm đứng trên mũi thuyền là chàng Hoắc-đại-lang, gọi lên bảo rằng : « Ngươi muốn trở về sao không bảo trước ; nay bỏ phu-nhân lại mà đi, hai ba năm nữa ai còn

đợi được. » Nói vừa rứt lời, thì thuyền đã giáp đến nơi; nàng A-Mỹ ở trong thuyền bước ra, Đại-lang đưa nàng bước sang thuyền Hoàng, rồi nhảy trở lại thuyền mình mà đi. Trước kia A-Mỹ về đến nhà, đương khóc-lóc kể-lể với cha mẹ, chợt thấy Đại-lang đem xe đến, giơ gươm ra bắt hiếp nàng đem đi, cả nhà sợ hãi, không ai dám ngăn - trở. Nàng mới thuật truyện lại cho Hoàng nghe, song Hoàng cũng không biết tại ý sao; chỉ mừng lại được vợ, bèn dong thuyền ra đi.

Khi Hoàng về đến nhà, xuất tư-bản ra làm-ăn, dần-dần giàu-có. A-Mỹ nhớ cha mẹ, muốn cùng Hoàng đi về thăm, nhưng sợ rằng lại đem cả Hoắc-nữ về, thì lôi-thôi về chuyện cả lẽ. Chửa được bao lâu, Trương-ông hỏi

thăm đến nơi, thấy nhà cửa chỉnh-đốn, trong bụng cũng yên. Trương-ông bảo A-Mỹ rằng : — « Từ khi mày đi rồi, ta đến nhà họ Hoắc hỏi thăm, thấy cửa ngõ đóng cả, chủ nhà đi đâu không ai biết, đã nửa năm rồi mà không có tin tức gì cả. Mẹ mày ở nhà ngày đêm khóc-lóc, tưởng mày phải kẻ cướp bắt đi mất, không biết lưu-lạc nơi nào ; không ngờ nay được vô-dạng, thì may lắm ! » Hoàng mới kể thực sự-tình, đều ngờ là thần. Sau nàng A-Mỹ sinh được đứa con trai,

đặt tên là Tiên-Tử ; khi ngoại mười tuổi, mẹ cho đem về chơi Trấn-giang, qua Dương-châu, ngủ tại nhà trọ, kẻ theo hầu đi chơi vắng cả, có người con gái vào, giật đứa bé đi sang nhà khác, buông mành ngồi ẵm đứa bé lên trên gối, hỏi tên là gì. Đứa bé nói tên. Hỏi vì cớ sao mà đặt tên ấy? Đứa bé đáp rằng : « Không biết. » Nàng nói : — « Về hỏi cha mày thì biết. » Nàng bèn tết bới tóc cho, lại lấy bông hoa trên đầu gài vào cho, trụt ra cái xuyến vàng đeo vào tay cho, lại gói cho lạng vàng vào trong tay áo, bảo đem về mua sách mà học. Đứa bé hỏi nàng là ai. Nàng rằng: — « Con không biết có một mẹ nữa ư ? Về bảo cha mày, hễ Chu Đại-Hưng chết, không có quan-tài mà chôn, thì nên giúp cho hắn, đừng có quên. » Khi tên bỗ già về nhà trọ, thấy mất đứa bé, vội-vàng chạy sang nhà ấy tìm, thấy đương nói chuyện với một người, dòm xem thì là bà cố-chủ ; tên bỗ già sẽ dặng-hắng ngoài mành, sắp muốn bẩm-bạch, thì nàng đặt đứa bé lên giường, hoảng-hốt biến mất ; hỏi người chủ nhà, không ai biết cả. Sau mấy ngày lại lại Trấn-giang trở về,

thuật lại truyện cho Hoàng nghe, và đem những đồ tặng ra cho xem, Hoàng cảm-tạ than-thở vô-cùng. Hỏi tin Chu, thì ra Chu chết đã ba ngày rồi, còn lộ thây chưa táng. Hoàng bèn hậu-cấp táng cho.

Lời phê-bình

Dị-sử-thị rằng : « *Hoắc-nữ ba lần đổi chủ, không phải là người trinh. Nhưng gặp anh bỏn-sẻn thì vào phá cái của sẻn, gặp anh tà-dâm thì đến giục cái lòng dâm ; nàng không phải là vô-tâm đâu, song đã đến phá hại lại còn thương-xót làm chi nữa ; những cái xác tham-dâm biển-lận ấy, dẫu vùi ngòi rãnh cũng chẳng tiếc gì!* »

DÔNG-CHÂU *dịch Liêu-trai.*

THỜI-ĐÀM

Lễ khánh-thành đền Kỷ-niệm Đông-Pháp. — Hôm mồng 9 tháng 6, ở vườn thuộc-địa tỉnh Nogent sur-Marne đã làm lễ khánh-thành đền Kỷ-niệm cho những người An-nam vì nước Pháp mà bỏ mình trong cuộc chiến-tranh.

Cái đình mà tỉnh Thủ-dầu-một đã dựng ở góc vườn thuộc-địa, trong khi có cuộc đấu-xảo Marseille năm 1906. thì bây giờ chữa lại làm đền thờ người An-nam sang tử trận bên Pháp. Các quí-quan ở Đông-Pháp có mặt tại Paris đều đến hội-hợp ở đấy hết thảy. Nào người làm việc thuộc-địa đã lâu năm bây giờ mới được hồi-hưu, nào người mới sang thuộc-địa được ít lâu bây giờ về nghỉ, ai ai cũng vì một tư-tưởng dủ nhau đến dự lễ kỷ-niệm này, và cùng với Chánh-phủ Pháp-quốc tỏ lòng ân-nghĩa với vong-linh những người Annam đã bỏ mình để bảo-toàn Mẫu-quốc.

Trước kia, vẫn định quan thủ-tướng MILLERAND làm chủ-lễ, song gần ngày ngài mắc bận về chức-trách lớn lao của ngài, cho nên ngài phải phái người khác thay mặt ; sau thành ra quan **Thượng-thư Thuộc địa** SARRAUT làm chủ lễ.

Ba giờ chiều kèn thổi khúc *Marseillaise*, các hạng lính xếp hàng để chào quan ALBERT SARRAUT vào trong vườn thuộc-địa. Bên hữu ngài có quan thống-soái JOFFRE và quan tướng BERDOULAT, theo sau ngài có quan nghị-viên OUTREY với nhiều đại-viên khác. Các quan vừa ngồi vào trong rạp trăng mầu vàng, cắm cờ Đại-Pháp, thì bắt đầu đọc các bài diễn-thuyết.

Trước hết quan Đốc-phủ-sứ LÊ-QUANG-LIEM tức BẢY là phái-viên Annam ở tòa kiểm-sát binh-lính thuộc-địa, thay mặt đồng-bang tỏ lòng trung-thành với Pháp-đình, và ân-nghĩa riêng với quan SARRAUT đại-nhân vẫn thương yêu dân bản-xứ như là con một nhà. Rồi đến quan Tuần-phủ ĐẶNG NGỌC-OÁNH, là khâm-sai của Đại-Nam Hoàng-Đế bệ-hạ, nhắc lại tấm lòng cảm-mộ của người Annam đến vòng hàng ở dưới cờ ba-sắc, ngợi khen những kẻ tử-sĩ và tỏ lòng người Annam đến khi biết rằng Chánh-phủ đã làm lễ trọng-thể như thế thì sẽ cảm-động

là dường nào, Quan HENRI GOURDON, là chủ-hội Kỷ-niệm Đông-Pháp đọc một bài văn-chương rất hay, nói lại công cuộc của hội và sự kết-quả về sau, bởi vì từ giờ về sau vốn của hội có đủ mà hương lửa mãi-mãi cho người Đông-Pháp đã gửi thân nơi đất Pháp cùng các đất ngoài.

Sau hết đến lượt quan SARRAUT diễn-thuyết. Ngài nói những lời rất cảm-động; ngài lại nhắc cái công-lao của những người đã chịu liều mình để sang giúp mẫu-quốc; ngài nói:

« Hỡi lính An-nam, hỡi các ngươi hoặc đã bỏ mình trong vòng súng đạn ở Salonique, ở Monastir, hay trong những hầm-hố ở Verdun, ở Massignes, hoặc đã gặp nạn trong khi làm các công việc ở hậu-quân, là những việc ít ai biết tới, song rất là thiết-yếu cho sự sinh-hoạt của binh-lính, khi các ngươi xuống tầu qua Tây-Phương này, trong lòng các ngươi bồi-hồi vì một nỗi, nỗi ấy khổ-não đau-đớn hơn là cái chết, vì các ngươi đã khinh-thường cái chết mà chẳng quản, nỗi ấy là hoặc khi chẳng may mà bị chết thì không được mai-táng theo lễ-phép nước nhà, lễ-pháp ấy khiến cho cái vòng luân-hồi của kẻ còn người mất, xoay quanh muôn kiếp ở dưới bóng tế-độ đức Di-đà. Nay nhờ có hội Kỷ-niệm Đông-Pháp thời vong-linh các ngươi từ đây được an-uỉ, danh-hiệu các ngươi rỡ-ràng, ghi-tạc trên những tấm gỗ hương, sán-lạn như danh-hiệu những bậc anh-hùng kiệt-sĩ. Trong ngọn đèn nguy-nga rực-rỡ này, đáng là một công tuyệt-tác về mỹ-thuật tinh-xảo của nước các ngươi, mà đức Hoàng-đế Khải-Định là bạn chí-tôn chí-thân của ta đã xuống chỉ làm đèn thờ các ngươi, trong cảnh an-tĩnh thiêng-liêng này, ta vì các ngươi đốt mấy nén hương để biểu cái lòng tôn-trọng của đồng-bào các ngươi và cái lòng kính-thảo của người Pháp vậy... »

Đọc xong bài diễn-thuyết này thì bắt đầu làm lễ rước Thánh-chỉ vào đền; hôm ấy chẳng còn thiếu thứ gì: tiếng pháo, tiếng chiêng, tiếng chuông, tiếng chống, ỉnh-ỏi om thòm, lại các thứ cờ bay phất-phới, tiếng người rầm-rĩ, xem thấy tưởng hình như ở bờ sông Đồng nai hay sông Nhị-hà nào đó; lễ ấy thực đúng với lề-lối của bản-xứ, chắc hẳn hồn người tử-sĩ cũng được thỏa lòng vậy

Làm lễ xong, quan Thượng-thư SARRAUT thay mặt Chánh-phủ, chung quanh có các quan văn-võ, vào trong đền trao khoán đền cho quan Chủ-Hội Kỷ-niệm Đông-Pháp trông-nom. Rồi các quan lại họp lại, và đến một nơi gần đấy để làm lễ khánh-thành bia kỷ-niệm cho những lính tử-trận của các thuộc-địa.

Cái bia ấy dựng lên là do tấm lòng thành-kính của hội-đồng trị-sự ở nhà-thương « Vườn thuộc-địa » (Jardin colonial). Đội lính huyện Vincennes và đội lính thuộc-địa có cờ và kèn đứng xếp hàng xung-quanh. Đây lại đọc hai bài diễn-thuyết nữa: một bài của quan Quản-lý nhà thương, một bài của quan Thượng-thư thuộc-địa. Hai bài ấy đều là ngợi khen toán binh hùng-tráng đã từ các chốn viễn-phương về giúp mẫu-bang.

Sau rồi gắn mấy cái mề-đay Annam và mề-đay Đại-Pháp cho các viên-chức làm ở nhà-thương thuộc-địa, và cho lính tập và lính thợ ta nữa. Đoạn rồi quân-lính nghiêm-trang kéo đi trước tấm bia, ấy là một cách tỏ tấm lòng tôn-kính đệ-nhất của người sống với kẻ chết ở nơi chiến-trường vậy.

B.-X. dịch báo tây

Việc diễn-thuyết ở hội Trí-tri. — Ai cũng biết rằng cái lợi-khí của sự văn-minh có ba : một là học-đường, hai là báo-quán, ba là diễn-thuyết. Vậy diễn-thuyết tức là cái cơ-quan giúp sức cho hai nguyên-nhân kia, mà tức là cái đại-động lực của sự truyền bá vậy.

Kia ở nhà trường thì thầy giáo không có quyền kể truyện ; mà trên tờ báo thì văn-chương dẫu hùng hồn đến mấy cũng chưa chắc đã cảm-khích được lòng người cho lắm ; cho nên nhà trang chỉ là cái « phạm-vi », mà văn chương chỉ là cái « tử hồn ». Khuôn xếp sẵn thì không đủ qui củ hoàn-toàn, hồn đã chết thì chưa nhậy cơ-quan cảm-xúc. Vì thế nên phải nhờ đến quyền-lực sự diễn-thuyết.

Diễn thuyết tức là phu-diễn lời mình bằng lời nói trước mặt công-chúng ; hoặc diễn sự thực mà mắt trông thấy, tai nghe tiếng, hay trích ở sách cổ-nhân, truyện cổ-tích mà ra : hoặc diễn một điều tưởng-tượng, một việc phát-minh ; hoặc diễn một chính-trị mới, một luật-pháp mới, v.v... Nói tóm lại là phàm có tân kiến văn, tân lý tưởng có ích-lợi cho giáo hóa, cho luân-lý, cho chính-trị trong xã-hội, đều đem phô bày cho công chúng đều nghe. Còn cái động-lực cảm-xúc chỉ ở lúc nhà diễn-thuyết đứng trên diễn-đài vậy. Nay mỗi câu thổ-lộ, mỗi cách cử-động đều khiến ta phải để tâm để chí vào. Cái mãnh-lực cảm-xúc còn gì mạnh hơn nữa ; cho nên các nước văn-minh đều chăm sự diễn-thuyết, coi như một cái « máy phun nước, máy rắc mầm » vậy.

Sự diễn-thuyết ở xứ ta còn sơ-sài lắm các bậc thượng lưu kiến thức chưa từng lưu tâm đến

Trước mươi năm đây, hội Trí-tri đã có mở ra cuộc diễn thuyết, được ít lâu lại bằng thôi đi. Cứ theo mục-đích của hội thì phải có diễn thuyết mới hợp cái nghĩa « dạy bảo lẫn nhau » (*enseignement mutuel*).

May sao hôm 13 vừa rồi ông hội-trưởng mời được quan Tổng-đốc Thân Trọng-Huề đến nhà hội diễn thuyết.

Trước hết cụ lớn diễn về nguyên-nhân nghề hí-kịch nước nhà thủy tự nhà Trần, với cách-thức con hát diễn trên sân khấu và phương-pháp người đi xem nên thế nào mới có ích. Đoạn này cụ nói rất chính-đáng, rất rõ-ràng, như một pho sách dạy nghề « diễn kịch » vậy. Sau cụ bình đến bài « Sãi-Vãi » của cụ Nguyễn Công-Trứ, thì cụ khai-mào cho biết rằng bài này không những không hại gì đường luân-lý như người thường đã tưởng, mà lại có tì-ích nữa, vì nhà tác-giả dùng cái « phản-lệ » để khuyên người về chính-đạo. Rồi cụ đọc cả bài cho nghe, có chỗ cụ lại giải nghĩa thêm vào cho rõ. Cụ diễn xong vừa đúng một tiếng đồng-hồ, ai nấy đều vỗ tay xưng-tụng. Cụ rất hết lòng vì Hội, vì công-chúng mà đã khảo-cứu đích-xác, thật là bầy ra một cái gương tốt cho quan-giới học-giới nước ta.

(Kỳ sau bản-chí sẽ đăng bài « Sãi-Vãi » và truyện nhà tác-giả.)

— Đến hôm 26, ông Phạm Quỳnh là chủ-bút bản - chí lại đến diễn « Kim-Vân-Kiều ». Người đến nghe rất đông, có cả quan Thượng Hoàng Hà-đông, quan Thượng Thân và các quan nữa.

Nguyên ở trong bài về « Truyện Kiều » đăng trong *Nam-Phong* số 30, ông đã khảo cứu tường tận rồi ; cho nên hôm ấy ông đem ra diễn lại, cũng nói đại-

khái theo như bài khảo cứu ấy, nhưng được rằng ông giảng diễn rõ-ràng vỡ-vạc, nên ai cũng thích nghe lắm. Trước hết ông kể sự-tích cô Kiều với lịch-sử của nhà tác-giả; rồi ông dẫn-chứng nhiều câu để phô-bầy vẻ đẹp về hình-thức văn và tinh-thần văn; sau ông lại dịch cho nghe một đoạn sách Tầu chép truyện cô Kiều, để so-sánh với truyện đặt của Cụ Nguyễn Du. Đó là ý ông Quỳnh muốn cho ai nấy đều rõ về đường lịch sử và sự khảo-cứu về tâm-lý nhà tác-giả. Sau hết ông nói văn-chương nước Nam nhà là giầu chớ không phải là nghèo, ông lại khuyên nên lấy quyển truyện Kiều làm gốc nền văn-chương thay các kinh-truyện của Tầu mà vì nhiều lẽ nên tập làm văn ta lắm.

Ông diễn nhiều quá: nên lúc xong thì vừa đúng hai giờ đồng-hồ, mà người nghe không chán; thế đủ biết rằng truyện Kiều là hay, mà nhà diễn lại tài.

Sự diễn-thuyết trong hai hôm đó tuy là buổi sơ-đầu, nhưng xem ra thì người diễn đã tận-tâm, mà người nghe cùng nhiệt-thành.

Ước gì ông Hội-trưởng mời luôn được các nhà kiến-thức cứ nửa tháng diễn một lần, đừng có gián-đoạn, thì cái công hiệu giúp đường khai-hóa tưởng không nhỏ vậy. — BIỂN-XA.

* * *

Hội đồng-nghiệp của các ông làm việc sở công-thương. — Mới rồi ông Nguyễn Huy-Hợi là một tay cán-sự nhà « Đông-Pháp đại-thương-cục » (G. M. R.) có cùng anh em xin Chánh phủ lập một hội đặt tên là: « Bắc-kỳ Công-thương đồng-nghiệp hội » (*Association Amicale des employés de Commerce et d'industrie du Tonkin.*)

Mục đích Hội là để gây ra trong bọn những người bản-xứ làm việc ở các sở thương-mại và sở kỹ-nghệ những tình thân-ái liên-lạc, bảo-ban cho người trong hội những điều ích lợi về đường thực-nghiệp, tìm tòi các cách để mở rộng tài-nguyên và giúp đỡ lẫn nhau trong khi hoạn-nạn, v. v.

Quảng đại thay mục-đích của Hội: nào cách sinh-nhai, nào tình thân-ái, thực là một hội thiết-hời hợp-nghĩa.

Thời này là thời cần đường sinh-lý, nghĩa này là nghĩa trọng sự hợp-quần.

Bấy lâu những người đi làm, việc ai người nấy làm, tiền ai người nấy tiêu, tiền lương ba cọc ba đồng, ngoại-giả tuyệt không còn có tư-tưởng cao-thượng gì cho anh em đồng-nghệ cùng chiếm một địa vị khá cao trong quyền-lợi, cùng hưởng một hạnh-phúc đặc-biệt trong nhân-quần. Khá tiếc thay!

Nay ông Hợi vì một chủ nghĩa « kiêm-ái quảng-bác » xin Chánh-phủ lập hội này để bênh-vực lợi-quyền để mở rộng tình thân, thực đáng khen cho ông lắm.

Bản-chí rất mong cho Hội chóng thành công tổ chức, mà anh em đồng nghệ với ông sẽ vui lòng mà giúp hội cho mau nên kết-quả.

Nghe đâu ông Bạch Thái Bưởi có quyên cho Hội 300 đồng bạc, đó lại là một việc nghĩa rất đáng khen của nhà đại-thương Bắc-kỳ ta. — B. X.

* * *

Công-việc của Hội-đồng tiền-tệ — Hội-đồng tiền-tệ đã làm xong việc, có đệ lên phủ Toàn-quyền một tờ báo cáo dài tới 183 trang, cùng với một tập bút-lục nhiều lắm. Phủ Toàn-quyền sau này sẽ đem tờ báo-cáo và tập bút-lục ấy in ra để công-bố cho mọi người đều biết. Hiện nay thời mới biết được những khoản kết-luận của Hội-đồng đại-khái như sau này.

1° — Việc cần-cấp bây giờ là phải quyết-định cho trong cõi Đông Pháp tiền bạc lại được lưu-thông như thường, nghĩa là bạc giấy lại đem đổi lấy bạc đồng được như cũ. Nếu để chậm nữa thì có phương-ngại cho việc kinh-tế trong xứ, vì người dân không thể chỉ tiêu dùng một thứ bạc giấy mãi được.

2° — Việc cần-cấp nữa là phải định cho đồng bạc một cái trọng lượng nhất-định. Bây giờ chỉ có một cách đó là tiện mà thôi, bỏ đồng-bạc đi mà đặt một thứ tiền-tệ khác thời vừa khó và vừa nguy-hiểm nữa. Giữ đồng bạc mà hoặc có thiệt-hại đến lợi-quyền khác thời Nhà-nước xẽ đặt kế bảo-hộ cho.

3° — Dù cải-cách thế nào mặc lòng, cái giá-trị của đồng tiền bản-vị hồi cải-cách ít ra cũng phải bằng với giá 24 gam 3 bạc nén trên thị-trường thế giới; điều đó là điều cốt-yếu, vì nếu đặt kém đi thì thiệt-hại cho người dân bản-xứ, mà dân bản-xứ không phải số ít, có ngót hai-mươi triệu con người.

4° Đặt một cái đối-giá nhất-định cho đồng hoa-viên với đồng phật-lăng-giấy (*le franc papier*) thì có nhiều điều không tiện, vì đồng phật-lăng-giấy chắc sau này sẽ dần-dần khởi-phục được giá cũ, mà bấy giờ giá Đông Pháp với giá vạn-quốc tất chênh nhau mà không cân nữa; vả làm như thế thời trong khi đồng phật-lăng còn mất giá không tài nào giữ cho tiền-bạc lưu-thông được.

Còn như đặt đối-giá hoa-viên giấy với phật-lăng-giấy, tùy Chánh-phủ định và tùy giá hạ giảm lần lần đi trong hạn bốn năm năm, như Công-thương-ủy-hội bên Pháp bàn, thời không gì hại bằng, vì cách đó không có bằng-cứ gì, làm như thế thì bạc giấy sẽ mất giá mãi đi và bạc-đồng thời chuyển ra ngoài hết.

5° — Hội-đồng xét ra bây giờ đương là cơ-hội tốt nên đặt tiền chủ vàng (*étalon d'or*) ở Đông Pháp hơn là tiền chủ bạc, vì tiền chủ vàng là tiền chủ gần khắp các nước trong thế-giới, thời-giá không có bấp-bông như tiền chủ bạc, sau này tiện cho việc định giá trong xứ.

6° — Hội-đồng bàn nên cải-cách tiền-tệ-chế độ theo mấy yếu-điểm như sau: định giá đồng hoa-viên theo một cái trọng lượng nhất-định bằng vàng lõi; vẫn giữ lấy một đồng hoa viên bằng bạc có quyền lưu-thông vô hạn, nhưng từ nay coi là một thứ tiền phụ mà thôi; đặt thêm ra một thứ tiền thực giá bằng vàng, có quyền lưu-hành vô hạn; cho quyền tự-do đúc tiền vàng; cho quyền tự do nhập-cảng vàng bạc, nhưng tạm thời cấm không được xuất-cảng; đặt ra một « kho bảo-lĩnh » (*caisse de garantie*) do Nhà-nước quản-lý, để phòng-bị cho sự hối-đoái với ngoài; cho nhà băng phát-hành giấy-bạc được quyền tự-do muốn chọn vàng hay bạc để đổi cho giấy-bạc cũng được, và kho bảo-lĩnh thời được quyền tự-do muốn nhận hay không nhận vàng đổi lấy bạc hay bạc đổi lấy vàng cũng được, nhưng Chánh phủ với nhà băng phải điều đình với nhau cho dân bản-xứ tin rằng hai thứ tiền giá-trị cũng bằng nhau.

7° — Định giá vàng của đồng bạc thời Chánh phủ phải đợi khi nào giá của thị-trường xuống hơn 3f.50 hay là kém 4f, bằng nên định. Khi nào thời-giá đã vào khoảng đó thời Chánh-phủ phải kíp đặt ngay một cái giá trung-bình làm định-giá.

8° — Hội-đồng định nên đình hẳn sự đúc tiền 27 g. và bàn nên sửa-soạn ngay tự bây giờ để đúc lấy tiền mới suất-số 0,900, một thứ trọng-lượng là 20 g. để

phòng bạc định giá 4 f. một thứ trọng-lượng 18 g. để phòng bạc định giá dưới 4 f. Lại phải dự-bị để đúc tiền vàng lối mới suất-số 0,900 để khi nghị-định cải-cách thời có tiền vàng lưu-hành ngay.

Hội-đồng lại xin đúc nhiều những bạc con 0$10, 0 20, vừa bằng một phần mười và 1 phần năm bạc đồng mới, suất-số tự 0.650 đến 0.700, trọng-lượng và hình-thức giống như bạc con hiện lưu-hành bây giờ. Lại xin đúc ra nhiều xu đồng, và nhất là ở Bắc-kỳ Trung-kỳ, đúc ra một thứ tiền gang nhỏ kém đồng xu, để tiện cho dân-gian tiêu-dùng. nhưng kho nhà nước không thâu-nhận.

9° — Hội-đồng bác những lời nguỵ-biện nói rằng tiền-tệ bên Đông Pháp cao thì hại cho Đại-Pháp, và nếu làm cho tiền Đông-Pháp giảm giá đi thì lợi cho đồng phật-lăng. Những lời bàn đó không có lý.

10° — Hội-đồng xét ra hiện nay ở Đông-Pháp đã có đủ tiền vàng để đặt một kho bảo-lĩnh ít ra là 20 triệu phật-lăng vàng. Muốn không hệ lụy đến nhà băng thời Chánh-phủ có thể xin Nghị-viện cho phép mở quốc-thải trong bản xứ bằng bạc hoa viên để trả hết nợ với nhà băng còn bao nhiêu tiền bằng phật-lăng thì chuyển vào kho tiền trữ của Chánh-phủ để lâm-thời chi những việc mua-bán với Mẫu-quốc.

Xét lời bàn của Hội-đồng tiền-tệ như trên thời biết rằng Chánh-phủ chưa cải-cách tiền-tệ ngay. còn đợi khi nào bạc xuống đến 4 quan đã ; đến bấy giờ thời sẽ phát-hành một thứ bạc mới trọng lượng và suất số kém bạc bây giờ và định-giá thời theo với tiền-chủ vàng. Hội-đồng định như thế là đã châm-chước sự lợi-hại và thứ nhất chủ giữ-gìn cho khỏi thiệt đến dân ta. Nếu Hội-đồng chỉ vị Đại-Pháp mà thôi thời chắc là xin theo ngay tiền-tệ-chế độ của Đại-Pháp, nghĩa là lấy phật lăng làm tiền bản-vị, như thế thì tiện cho mẫu-quốc lắm ; nhưng hội đồng cốt nhất là giữ lợi-quyền cho dân bản-xứ, nên không xin cải-cách bạo như vậy. và bày ra một cái kế trung-bình, không đến nỗi thiệt-hại cho bên nào cả ; hội-đồng làm thế là rất phải vậy. Nay còn đợi Chánh-phủ duyệt-y những lời bàn ấy và chuẩn cho thi-hành.

TẬP KỶ-YẾU CỦA HỘI « KHAI-TRÍ TIẾN-ĐỨC »

Công việc Hội. — Trong tháng Août, tòa trị-sự đã giao cho tay chuyên-môn xem xét lại kiểu nhà hội-quán, và tính-toán cho tường các khoản phí. Có lẽ tháng sau này thời vấn-đề dựng nhà hội-quán sẽ giải-quyết xong.

Tòa trị-sự lại định rằng dẫu chưa có nhà hội quán, Hội ta cũng nên bắt đầu hoạt-động. không nên chờ đợi mãi. Vậy có bàn nên mở một cuộc diễn-thuyết mời những tay bác-học đến diễn, hoặc ở nhà Hát lớn hoặc ở hội Nhạc tây, để cho các hội-viên, các qui-quan, và các bậc danh-giá trong Hà-thành ta đến nghe. Hiện nay đã mời được một quan cai-trị định diễn về Phật học. Khi nào diễn sẽ có giấy mời trước.

Đơn xin vào Hội. — Có hai đơn xin vào chân chủ-trì :

1° Lê Văn Trúc, secrétaire de 2e classe, chargé du bureau des Postes et Télégraphes à Lai-châu (Haut-Tonkin).

2° Nguyễn Hữu Quí, buôn-bán, Phố hàng Đào số nhà 39. Hanoi.

Một đơn xin vào thường-hội-viên : Lê Huấn, ở Đông-đài, Nha-trang (Citadelle).

Theo lệ Hội đăng tên lên báo, trong hạn 2 tháng ai có dị-nghị xin viết thơ về Hội.

東法全權龍大人肖像

Quan Toàn-quyền LONG ngồi trong văn-phòng